

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH THUẬN

TẬP I
(1930 - 1954)

2 - 1994

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN

TẬP I
(1930 - 1954)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

Chỉ đạo biên soạn : - ĐÌNH TRUNG

- LƯƠNG SƠN

Biên soạn : **TRẦN MẠNH TƯỜNG**

Biên tập : **PHAN MINH ĐẠO**

Trình bày bìa : **TRẦN MẠNH TƯỜNG**

Sửa bản in : **TRẦN THỊ HÀ NHI**

LỜI GIỚI THIỆU

Bình Thuận, một tỉnh nằm ở ven biển Cực Nam Trung bộ, nơi có đầu mối giao lưu từ Bắc vào Nam và có Quốc lộ 28 lên Nam Tây Nguyên, có đảo Phú Quý, vị trí quan trọng về kinh tế, quốc phòng trên biển.

Với vị trí đó, Bình Thuận là nơi thuận lợi trong việc giao lưu tư tưởng, văn hóa từ nhiều nơi đến. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nhiều người yêu nước đã sớm tiếp thu đường lối của Đảng, giác ngộ cách mạng trở thành đảng viên cộng sản từ năm 1930.

Trải qua 15 năm vận động cách mạng (1930 - 1945) từ khi có Đảng lãnh đạo, nhân dân Bình Thuận cùng cả nước đứng lên đánh Pháp, đuổi Nhật giành chính quyền về tay nhân dân trong Cách mạng Tháng 8-1945 lịch sử, làm chủ đời mình của nước Việt Nam độc lập. Nhưng kẻ thù không từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, theo lời kêu gọi của Đảng và của Hồ Chủ tịch, nhân dân Bình Thuận tiến hành cuộc kháng chiến trường

kỳ chống thực dân Pháp trong 9 năm đầy gian khổ hy sinh cùng với nhân dân cả nước giành thắng lợi vẻ vang và miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng. Sau năm 1954, đế quốc Mỹ thay thực dân Pháp xâm lược miền Nam, nhân dân Bình Thuận cùng nhân dân miền Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trải qua 21 năm chiến đấu vô cùng gian khổ, ác liệt, hy sinh, nhân dân Bình Thuận đã phát huy cao độ ý chí tự lực, tự cường tiến lên giành thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên chiến thắng 19-4-1975 giải phóng quê hương, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

45 năm đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiều thế hệ con người Bình Thuận cùng con em trong cả nước đã đóng góp sức người, sức của vào cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Để ghi nhận công lao to lớn của Đảng bộ, của cán bộ, chiến sĩ và của nhân dân các dân tộc tỉnh nhà trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ ; sau năm 1975, Thường vụ tỉnh ủy đã chỉ đạo cho sưu tầm, khai thác, xác minh tư liệu và tiến hành biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận từ 1930 - 1975.

Đến nay, tập I Lịch sử Đảng bộ (1930 - 1945) đã hoàn thành.

Quyển sử hoàn thành, ghi lại một chặng đường đấu tranh cách mạng kiên cường, bất khuất đầy hy sinh, gian khổ nhưng vô cùng vẻ vang của quân dân Bình Thuận, là tư liệu quý giá để giáo dục các thế hệ hiện nay và mai sau tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, quyết tâm bảo vệ vững chắc độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng quê hương giàu mạnh và văn minh theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Quyển Lịch sử Đảng bộ Bình Thuận, tập I được nhiều nhân chứng lịch sử đóng góp tư liệu, nhiều văn bản trong kháng chiến còn lưu giữ được sử dụng vào việc biên soạn nhưng chắc chắn không tránh khỏi những sai sót. Ban Thường vụ Tỉnh ủy mong đồng chí, đồng bào đóng góp ý kiến để lần tái bản được hoàn chỉnh hơn.

Trong dịp kỷ niệm 64 năm (1930 - 1994) ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Thường vụ tỉnh ủy xin giới thiệu quyển sách này đến các đồng chí, đồng bào và bạn đọc gần xa.

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÌNH THUẬN**

PHẦN THỨ NHẤT :

THIÊN NHIÊN - CON NGƯỜI VÀ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG

CHƯƠNG I

THIÊN NHIÊN - CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI BÌNH THUẬN

Bình Thuận là tỉnh cuối cùng của vùng Cực Nam Trung bộ, nằm ở tọa độ $10^{\circ}34'11''$ - $11^{\circ}33'25''$ vĩ độ Bắc, $107^{\circ}23'5''$ - $108^{\circ}23'24''$ kinh độ Đông, nối liền giữa Trung bộ với miền Đông Nam bộ, Đông bắc giáp Ninh Thuận, Bắc giáp Lâm Đồng, Tây nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai. Nam giáp biển Đông. Thị xã Phan Thiết là tỉnh lỵ cách thành phố Hồ Chí Minh 200km. Bình Thuận có diện tích tự nhiên 799.206 ha, với số dân có 847.540 người, gồm các dân tộc : Kinh, Chăm, Rắc Lây, K'ho, Gia Rai, Hoa, Tày, Nùng... Mật

độ dân số trung bình 105 người trên 1km² (1). Hiện nay, đơn vị hành chính có 9 huyện, thị xã : Phan Thiết, Đức Linh, Tánh Linh, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình , Tuy Phong và Phú Quý, một huyện đảo có diện tích 32km², cách đất liền trên 56 hải lý (2).

Ngược dòng thời gian, qua những biến động lịch sử, đơn vị hành chính của tỉnh Bình Thuận nhiều lần đổi thay. Năm 1693, trên vùng đất này hình thành trấn Thuận Thành. Năm 1698, chúa Nguyễn đổi trấn thành phủ và sau đó lại đổi phủ thành dinh Bình Thuận. Từ năm 1832, triều đình nhà Nguyễn đổi dinh Bình Thuận thành tỉnh Bình Thuận gồm 2 phủ: Hàm Thuận và Ninh Thuận và 4 huyện : Yên Phúc, Tuy Phong (thuộc phủ Ninh Thuận) và Hòa Đa, Tuy Định (thuộc phủ Hàm Thuận). Đến năm 1888 (năm Đồng Khánh thứ 3) sát nhập phủ Ninh Thuận vào tỉnh Khánh Hòa và đến năm 1903, phủ Ninh Thuận tách khỏi tỉnh Khánh Hòa lập tỉnh Phan Rang nên về tổ chức hành chánh, tỉnh Bình Thuận còn phủ Hàm Thuận với các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Hòa Đa Thổ (được lập năm 1886) và Tuy Lý (đổi từ huyện Tuy Định 1854). Năm 1895 (năm Thành Thái thứ 7) cắt một

1 Theo số liệu cơ bản của Cục Thống kê Bình Thuận phát hành tháng 11 năm 1992.

2 1 hải lý = 1.853,2m

phần đất của huyện Tuy Lý lập huyện Tánh Linh. Tiếp đến năm 1898, Phan Thiết tách khỏi phủ Hàm Thuận trở thành tỉnh lỵ Bình Thuận. Ở phía Tây, năm 1901, triều đình nhà Nguyễn giải thể tỉnh Đông Nai Thượng (thành lập năm 1899) và sát nhập phủ Di Linh vào tỉnh Bình Thuận. Đến năm 1920, khi lập lại tỉnh Đông Nai Thượng, phủ Di Linh lại tách khỏi tỉnh Bình Thuận. Năm 1910, huyện Hòa Đa Thổ đổi thành huyện Phan Lý Châm, huyện Hòa Đa đổi thành phủ và đến năm 1916, phần đất còn lại của huyện Tuy Lý đổi thành huyện Hàm Tân.

Như vậy, những năm đầu của thế kỷ XX, tỉnh Bình Thuận có 2 phủ : Hàm Thuận, Hòa Đa, 4 huyện : Tuy Phong, Phan Lý Châm, Hàm Tân, Tánh Linh và thị xã Phan Thiết.

Năm 1945, khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, về tổ chức hành chính, chính quyền cách mạng đổi hai phủ Hàm Thuận, Hòa Đa thành huyện và đến đầu năm 1946, tỉnh Bình Thuận có 6 huyện : Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Châm, Hàm Thuận, Hàm Tân, Tánh Linh và thị xã Phan Thiết. Do tình hình thực tế của cuộc kháng chiến chống Pháp, tháng 4-1951, tỉnh Bình Thuận sát nhập 3 huyện : Hòa Đa, Phan Lý Châm và Tuy Phong thành huyện Bắc Bình và huyện Hàm Thuận thành

lập Khu căn cứ Lê Hồng Phong. Đầu năm 1953, khu căn cứ đổi thành huyện Hồng Phong. Cũng đầu năm 1953, huyện Phan Lý Chàm tách khỏi Bắc Bình hình thành huyện trở lại.

Trong kháng chiến chống Mỹ, những năm 1954 - 1960, tổ chức hành chánh tỉnh Bình Thuận vẫn giữ nguyên như trong kháng chiến chống Pháp. Đầu năm 1960, giải tán huyện Bắc Bình thành lập lại huyện Hòa Đa, Tuy Phong. Tháng 1-1967, do nhu cầu phát triển phong trào cách mạng để phù hợp với tình hình mới, ta cắt phần đất 4 huyện : Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý và K.67 (từ nút Xa Ra đến Tà In của Tuyên Đức) thành lập tỉnh Bắc Bình. Tháng 8 năm 1968, giải thể tỉnh Bắc Bình, 4 huyện nói trên trở lại thuộc tỉnh Bình Thuận, K.67 thuộc Tuyên Đức và tháng 9-1968, tách huyện Hàm Tân, Hoài Đức, Tánh Linh và thị trấn Lagi thành lập tỉnh Bình Tuy theo tổ chức hành chánh của Ngụy Sài Gòn. Đến ngày giải phóng miền Nam tháng 4-1975, trên dải đất Bình Thuận lúc bấy giờ có 2 tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy.

Tháng 1-1976, thực hiện sự sắp xếp hành chính chung của cả nước, tỉnh Thuận Hải được thành lập tách ra từ tỉnh Thuận Lâm, gồm 2 tỉnh cũ : Ninh Thuận và Bình Thuận, Đến 20-10-1991, thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII phân lại địa

giới hành chính một số tỉnh, tỉnh Bình Thuận được thành lập, tách ra từ tỉnh Thuận Hải.

*
* *
*

Nằm cuối dãy Trường Sơn, Bình Thuận có địa hình tự nhiên đa dạng : miền núi, trung du, đồng bằng, vùng biển ; có nhiều tài nguyên lâm sản, nông sản, hải sản, khoáng sản.

Về núi, có núi Ông, núi Bà, núi Bê... tiếp nối với vùng núi của Ninh Thuận và Lâm Đồng. Nhiều mồm núi lấn xuống đồng bằng, nhô ra sát biển như núi Đá Chẹt (Vĩnh Hảo), Hòn Hồng, Mũi Nhỏ, Mũi Né, Khê Gà, Cù Mi. Nhiều hòn núi đơn độc nổi lên ở đồng bằng như : bàu Thiêu, Tà Dôn, núi Rễ, Xã Thô, núi Ách, Tà Cú, Ba Hòn, núi Dinh... vừa tô thêm vẻ đẹp nước non kỳ vĩ của một vùng quê, vừa là vị trí lợi thế cho chiến tranh nhân dân trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Rừng của Bình Thuận xưa kia bạt ngàn bao bọc các cánh đồng tiếp cận thị xã Phan Thiết. Ngày nay, do trải qua chiến tranh tàn phá, sau hòa bình, nhân dân tiếp tục phát rừng làm rẫy, khai thác gỗ, củi phục vụ dân sinh diện, tích rừng tự nhiên chỉ còn 363.369 ha, nhưng rừng vẫn là một

thế mạnh kinh tế của Bình Thuận. Bình Thuận có nhiều loại cây trồng có giá trị như voi, cọp, gấu, hươu, nai, công, trĩ, tắc kè, ong mật, nhiều loại gỗ tốt : gỗ đỏ, cẩm lai, giáng hương, sao, cẩm liên, cẩm xe..., nhiều cây dược liệu quý : trầm hương, kỳ nam, sa nhân, nam sâm, cam thảo và các cây mây, tre, lá buông... dùng để phát triển các ngành nghề thủ công, mỹ nghệ.

Bờ biển Bình Thuận dài gần 200km, từ mũi Đá Chẹt (Vinh Hảo) đến bãi bồi Bình Châu. Ven biển có nhiều cồn cát xen kẽ với các bãi nước, hình thành một cách tự nhiên. Các khu rừng ven biển có nhiều thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ kháng chiến, làm bàn đạp để xâm nhập vào vùng tạm bị chiếm và tấn công vào các căn cứ của địch.

Bờ biển Bình Thuận có các khu vực đầm, vịnh : Phan Thiết, Phan Rí Cửa, La Gàn, Lagi, tạo nên nhiều cửa biển nhỏ, bãi ngang và các mũi đá nhô ra sát biển. Trên biển có nhiều đảo lớn nhỏ khác nhau : từ Tuy Phong đến Lagi có Hòn Lao Cầu, Hòn Nghê, Hòn Lao, Hòn Bà và ngoài khơi có đảo Phú Quý vừa là vị trí tiền tiêu bảo vệ thêm lục địa phía Nam của Tổ quốc, vừa là nơi tàu thuyền vờn ra đại dương đánh bắt hải sản. Vùng biển Bình Thuận là một trong ba ngư trường lớn của cả nước. Đây là nơi quy tụ và sinh trưởng của những đàn cá nổi, cá đáy với trữ lượng khá lớn, nhiều loại được chế biến thành sản phẩm

xuất khẩu giá trị kinh tế cao. Với tiềm năng phong phú ấy, nghề cá ở Bình Thuận phát triển từ lâu đời và hiện nay được xác định là một mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân của tỉnh. Dọc biển có nhiều cánh đồng muối như Vinh Hảo, Duồng, Phan Thiết, Hàm Tân.

Do vị trí ở cuối dãy Trường Sơn Nam, núi không cao và thoải thoải thấp dần ra hướng biển, nên vùng đồng bằng không rộng lắm. Đất đai thích hợp với cây lúa và màu có khả năng mở rộng phát triển cây công nghiệp ngắn và dài ngày, cây thực phẩm như đậu, mè, dưa lấy hạt, bông vải, thuốc lá, cây hồ tiêu, đào lộn hột, dâu tằm, cao su.

Những năm gần đây, cây thanh long, một loại cây ăn quả có giá trị xuất khẩu được nhân dân trồng nhiều ở các huyện, nhất là Hàm Thuận Nam, Phan Thiết...

Ở Bình Thuận có điều kiện tốt cho phát triển chăn nuôi trâu, bò, dê và các loại gia cầm khác.

Cùng với đất, rừng, biển, còn có tài nguyên quý hiếm khác. Nguồn nước suối Vinh Hảo có trữ lượng lớn, được khai thác từ năm 1915. Bên cạnh đó, Bình Thuận có một số khoáng sản lâu nay chưa được khai thác cũng góp phần thêm cho ngành công nghiệp khai khoáng phát triển.

Về khí hậu, mỗi năm Bình Thuận chỉ có hai mùa mưa nắng, mỗi mùa kéo dài 6 tháng. Mùa nắng từ

tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Tuy nhiên do vị trí địa lý khác nhau nên mưa nắng cũng có sự chênh lệch. Ở Đức Linh, Tân Linh mùa mưa bắt đầu từ tháng 4, tháng 5. Ở Tuy Phong, Bắc Bình mưa đến muộn hơn, thường từ tháng 6, tháng 7. Lượng mưa trung bình hàng năm rất thấp, khoảng 600 - 700 ly.

Về gió, cũng có hai mùa rõ rệt. Gió mùa Đông Bắc thổi từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, gió mùa Tây Nam thổi từ tháng 4 đến tháng 9. Do sự cấu tạo của địa hình, Bình Thuận ít bị bão, trung bình 4 - 5 năm, Bình Thuận có một cơn bão ập đến với tốc độ gió lớn gây nhiều thiệt hại.

Về sông ngòi, từ Nam ra Bắc, Bình Thuận có các sông chính :

Sông La Ngà bắt nguồn từ cao nguyên Luông Brăng (Di Linh) chảy qua đất Tân Linh, Đức Linh đổ về tỉnh Đồng Nai.

Sông Dinh, sông Phan bắt nguồn ở Tân Linh, trong đó sông Dinh đổ ra cửa biển Lagi (Hàm Tân) và sông Phan chảy ra biển qua xã Tân Thuận (Hàm Thuận Nam).

Sông Quao (còn gọi là sông Cái), xuất phát từ núi Gia Bát (giáp tỉnh Lâm Đồng) chảy qua huyện Hàm Thuận Bắc, đổ ra biển ở Phú Hải (Phan Thiết).

Sông Mương Mán (đoạn chảy qua Phan Thiết gọi là sông Cà Ty) bắt nguồn từ núi Ông Trạo chảy xuống núi Bà Bích dài 76km chảy qua huyện Hàm Thuận Nam đổ ra biển ở Cồn Chà (Phan Thiết).

Sông Cạn bắt nguồn từ núi Đá Heo (Tây huyện Bắc Bình) chảy qua huyện Hàm Thuận Bắc, đến xã Hàm Nhon hòa nhập với Sông Quao cùng đổ ra Phú Hải.

Sông Lòng Sông bắt nguồn từ núi cao của huyện Tuy Phong giáp với Lâm Đồng, Ninh Thuận chảy ra cửa biển Liên Hương.

Sông Lũy bắt nguồn từ núi Tà Lon xã Phan Sơn chảy qua Bắc Bình đổ ra cửa biển Phan Rí.

Do địa hình và điều kiện tự nhiên của Bình Thuận như trên nên các dòng sông (trừ sông La Ngà) đều ngắn, độ dốc cao, vào mùa nắng thường bị cạn có ảnh hưởng đến sản xuất. Để đối phó thời tiết khắc nghiệt, nhân dân Bình Thuận từ bao đời nay đã ra công làm thủy lợi. Song các đập, hồ đều là những công trình thủy lợi nhỏ, tác dụng không lớn. Bình Thuận nhìn chung còn là nơi khô hạn, sản xuất dựa vào nước trời là chính. Trước tình hình đó, Trung ương và địa phương đã đầu tư xây dựng nhiều công trình thủy lợi như hồ Sông Quao, hồ Núi Đất, Tà Moon, Tân Lập, Suối Đá đưa nước về tưới cho những cánh đồng khô hạn của

Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân. Sắp đến sẽ tiếp tục xây dựng hồ Cà Giây, đập dâng Ba Bàu, hồ Đá Bạc...

Thiên nhiên tuy khắc nghiệt nhưng cũng tạo cho Bình Thuận nhiều ưu thế kinh tế và danh lam thắng cảnh. Đức Linh có thác Reo ; Tánh Linh có núi Ông, Biển Lạc ; Hàm Tân có Hòn Bà, Đồi dương, đập Đá Dựng ; Hàm Thuận Nam có chùa Núi Cú ; Phan Thiết có bãi biển Thương Chánh, Lầu Ông Hoàng, Mũi đá Ông Địa, đồi cát Mũi Né, rừng dừa Rạng ; Bắc Bình có Bàu Trắng, đập Đông Mới ; Tuy Phong có chùa Hang, chùa Linh Sơn, Ghềnh Sơn, đảo Phú Quý. Đặc biệt, Bình Thuận có nhiều di tích lịch sử như Di tích Dục Thanh, nơi Bác Hồ dừng chân dạy học trước khi ra nước ngoài tìm đường cứu dân, cứu nước, Khu căn cứ Lê Hồng Phong kiên trung bất khuất và mảnh đất Tam Giác anh dũng kiên cường, suốt 30 năm chống Pháp, chống Mỹ, làm rạng rỡ con người Bình Thuận trên chiến trường Cực Nam...

Đường giao thông trên bộ, trên biển ở Bình Thuận cũng sớm được mở mang. Ngay từ lâu, trên mặt biển Bình Thuận thông thương với các tỉnh miền Trung, miền Bắc và Nam bộ bằng ghe bầu và Phú Hải là cửa biển sầm uất nhất. Trên bộ, sau năm 1692 đến năm 1697, Bình Thuận nối liền với các tỉnh đàng ngoài bằng con đường cái quan men theo ven biển. Đến năm

1890, một đường cái quan mới được mở ra nối liền Phan Thiết với Bà Rịa... Những năm cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, nhằm khai thác thuộc địa, thực dân Pháp làm con đường thuộc địa số 1 (quốc lộ 1A ngày nay) thay cho đường cái quan xưa kia. Năm 1899, chúng mở đường từ Phan Thiết đi Di Linh, nối liền miền Nam Tây nguyên với đồng bằng Cực Nam Trung bộ đặt tên tỉnh lộ 8⁽¹⁾. Cùng với đường bộ, đường sắt từ Sài Gòn ra Nha Trang chạy qua Bình Thuận được xây dựng từ năm 1905, đến năm 1911 có xe lửa chạy tuyến Sài Gòn - Phan Thiết. Trước đó, đường sắt Mường Mán - Phan Thiết cũng được mở ra và năm 1903 nhà ga Phan Thiết được hình thành. Năm 1930, mở con đường Phan Thiết đi Lầu Ông Hoàng và năm 1940 con đường này thông ra Mũi Né thành Liên tỉnh lộ 9. Những tù chính trị bị thực dân Pháp bắt trong phong trào Xô Viết từ Nghệ An - Hà Tĩnh đưa vào đây làm đường, khi hoàn thành tuyến đường này, nhân dân còn gọi là đường "Cộng sản". Năm 1927, Pháp cho mở con đường từ cây số 37 (quốc lộ I) đến Lagi, gọi là con đường Sông Dinh (nay là tỉnh lộ 2) và sau đó làm con đường Sông Phan (nay gọi lộ 23) nối liền Hàm Tân

(1) Theo tài liệu lịch sử Hàm Thuận : Con đường làm năm 1915 đến năm 1918 hoàn thành. Ngày nay Chính phủ công nhận Quốc lộ 28.

- Theo đồng chí Trương Minh Quốc, con đường làm 1902 và 12-1904 hoàn thành, gọi đường số 12 (đường số 8). Báo Bình Thuận số 57 ngày 5-1-1993 trang 10.)

với Xuyên Mộc. Năm 1940 - 1941, thực dân Pháp mở tiếp con đường sắt cho xe Goòng từ Trảng Táo đi núi Dinh và đường bộ từ Ngã ba Ông Đôn (quốc lộ I) đi Võ Đắc (nay là Liên tỉnh lộ 3). Đến thời Mỹ xâm lược miền Nam nước ta, nhiều con đường dùng cho quân sự được mở ra ở Bình Thuận, Bình Tuy, trong đó có đường từ Chợ Lầu đi Sông Mao... và nhiều con lộ khác làm tạm phục vụ cho hành quân cần quét... Sau 1975, trên cơ sở những con đường đã có, ta tiếp tục bảo dưỡng và mở thêm nhiều tuyến giao thông như đường vào Căn cứ Khu Lê Hồng Phong, đường vào các công trình xây dựng thủy lợi và đường liên thôn, liên xã tạo thuận lợi cho giao thông công cộng. Ngoài những con đường giao thông trên bộ, trên biển, đường hàng không từ Bình Thuận nối với các nơi cũng sớm được hình thành. Từ 1930, hai sân bay cho loại máy bay cánh quạt được xây dựng ở Bình Lâm (xã Hàm Chính - Hàm Thuận) và Vinh Hảo (Tuy Phong) phục vụ cho đi lại và chở hàng hóa vào Sài Gòn. Những năm 1945 - 1954, hai sân bay này ít sử dụng. Từ 1955 đến 1975, để phục vụ cho chiến tranh xâm lược, Mỹ- Ngụy xây dựng sân bay dã chiến ở Cảng Ésépíc (Phan Thiết), đảo Phú Quý, Sông Mao, Võ Đắc... Từ 1975 lại đây, ta xây dựng lại sân bay ở đảo Phú Quý phục vụ chủ yếu cho sự nghiệp quốc phòng.

Vùng đất Bình Thuận có lịch sử hình thành và phát triển khá sớm. Từ thế kỷ 17, tổ tiên ta từ nhiều cội nguồn khác nhau lần lượt quy tụ về đây sinh cơ lập nghiệp chinh phục thiên nhiên, chống quân xâm lược, tạo dựng nên quê hương giàu đẹp của chúng ta ngày nay.

Trải dài với thời gian hơn 300 năm lịch sử, dân cư Bình Thuận cũng trải qua nhiều biến động xã hội. Thời kỳ trước năm 1858, nhân dân sống bằng nghề biển, nghề nông là chính. Tầng lớp trên là một số ít chức sắc làng, xã và quan lại Nam Triều. So với đất đai, mật độ dân cư thời ấy còn thưa thớt, đất sản xuất chưa khó khăn. Quản lý của chế độ phong kiến đi sâu vào tập quán phân chia ngôi thứ trong xã hội. Việc bóc lột tô bực là chủ yếu. Từ sau Hiệp ước Patenot (năm 1884) được ký kết với triều đình nhà Nguyễn, thực dân Pháp cai trị nước ta, với phương thức bóc lột tư bản dân dân áp đặt trên vùng đất này. Đầu thế kỷ 20, nhiều tên tư bản Pháp lập đồn điền, thuê mướn nhân công với giá rẻ mạt.

Trong khi đó, một bộ phận quan lại, chức sắc bằng nhiều cách chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, sinh ra thêm tầng lớp địa chủ, phú nông trong nông thôn như Thông Kỳ ở Hàm Tân có cả một vùng đất cò bay thẳng cánh ở Tam Tân, Phong Điền, Hiệp Nghĩa ; như Lục Thị Đậu, Trần Gia Hòa cùng một số địa chủ ở

Phan Thiết chiếm đoạt hơn 40% diện tích đất canh tác của nông dân phủ Hàm Thuận.

Nghề nông đã vậy, những người làm nghề biển, cũng không kém phần cơ cực. Hàm hộ, đầu nậu, chủ vựa, chủ lều bắt chẹt, bóc lột ngư dân hết sức nặng nề. Việc phân phối ăn chia sản phẩm giữa thợ và bần chứa đựng nhiều bất công.

Các luật lệ phong kiến khắc nghiệt giao quyền hạn cho người có chức vị, phẩm hàm, ngôi thứ trong làng cùng các lệ cúng phúng đình làng hàng năm đã làm cho nhân dân lao động đầu tắt mặt tối quanh năm.

Dưới hai tầng áp bức thực dân-phong kiến, cũng như nhân dân cả nước, người dân Bình Thuận bị nộp sưu cao, thuế nặng, trong đó có thuế đình (sưu) hay còn gọi thuế thân bắt tất cả trai tráng từ 18 đến 60 tuổi phải nộp mỗi năm một lần. Đến mùa nộp thuế, tiếng trống, tiếng mõ thúc dón khắp làng trên, xóm dưới. Ai thiếu thuế bị bắt ra đình làng gõng cùm. Nhiều người dân nghèo lại phải chạy đến các hàm hộ, địa chủ, phú nông, chủ lười vay tiền để chuộc chống con về, rồi trả nợ bằng cách làm thuê, ở đợ.

Đầu thế kỷ 20, để tiến hành khai thác tài nguyên ở Bình Thuận và nối đường giao thông với các tỉnh khác, thực dân Pháp bắt phu đi phục dịch làm đường. Ở các làng, nam giới phải thay nhau đi lên những

vùng rừng núi rậm rạp hoang vu phá đá, chặt cây, khiêng đất đắp suối để làm đường. Cảnh rừng thiêng, nước độc và sức lao động quần quật nặng nề đã làm bao trai tráng có đi không về, hoặc có về cũng bị thân tàn ma dại.

Những cơ sở công nghiệp sơ khai ở Bình Thuận đã sản sinh ra tầng lớp công nhân lao động. Họ nguyên là nông dân, cho nên khi trở thành công nhân đồn điền, đường sắt, nhà máy... họ vẫn gắn bó mật thiết với gia đình, quê hương. Vì vậy, nền tảng liên minh công nông trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Bình Thuận cũng như cả nước là một thực tế khách quan.

*
* * *

Về văn hóa, tuy việc học hành hình thành muộn so với các tỉnh khác, song là vùng đất hội tụ nhiều luồng dân cư nên trường học sớm được xây dựng ở các làng xã. Các thầy giáo phần nhiều là những người yêu nước, tham gia chống ngoại xâm nên trong giảng dạy học sinh thường truyền bá tinh thần yêu nước, thương nòi. Để mở mang dân trí, trong những năm đầu của thế kỷ 20, các cụ Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng đã cùng những sĩ phu yêu nước ở địa phương lập Dục Thanh học hiệu ở Phan Thiết. Năm 1910, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành (sau

này là Chủ tịch Hồ Chí Minh), trên đường đi tìm đường giải phóng dân tộc, đã dừng chân dạy học ở đây một thời gian. Cùng với trường Pháp - Việt ở thị xã Phan Thiết (khu vực Tỉnh ủy Bình Thuận ngày nay). Tháng 5-1924, trường Pháp - Việt chuyển đến khu vực phường Đức Thắng để dành chỗ này cho chúng xây dựng khách sạn) chúng mở thêm trường sơ đẳng dành cho học sinh nữ (khu vực nhà khách Tỉnh ủy hiện giờ). Đến năm 1930, toàn tỉnh Bình Thuận có 5.309 học sinh học trong 10 trường "Nhà nước", 50 trường công hương, 9 trường đạo, 4 trường tư và 22 lớp học ở gia đình. Với số học sinh này so với dân số trong tỉnh lúc bấy giờ thì tỷ lệ người đi học mới đạt gần 20%, nhiều người còn mù chữ.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền cách mạng phát động phong trào xóa nạn mù chữ, coi đây là một trong những nhiệm vụ chiến lược mở đường cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Chỉ trong thời gian ngắn, khắp phố phường làng quê đêm đêm già trẻ, gái trai đua nhau đi học bình dân học vụ, tự giải phóng mình khỏi nạn mù chữ. Đến khi Pháp trở lại tái chiếm Bình Thuận, nhiều vùng trong tỉnh như Tam Minh, Hàm Tân còn duy trì các lớp bình dân học vụ do cách mạng tổ chức.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam nước ta, ở vùng tạm bị chiếm, các trường học do Mỹ - Nguy

tổ chức tương đối nhiều. Tuy vậy do chính sách thực dân mới của chúng vẫn kìm hãm đa số nhân dân lao động trong vòng mù chữ.

Sau thắng lợi năm 1975, nước nhà thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, việc học văn hóa được nhanh chóng mở rộng, nhiều lứa tuổi được cấp sách đến trường. Người lớn học trong các lớp bổ túc văn hóa, thanh thiếu niên học ở các trường phổ thông, các cháu nhi đồng học ở các trường mầm non, mẫu giáo. Toàn dân được nâng trình độ, kiến thức để kịp với phát triển chung của xã hội.

Về y tế, từ lâu trong dân gian dùng dùng thuốc gia truyền chữa bệnh với cách coi mạch, bốc thuốc. Tuy vậy, do trình độ y tế còn thấp, nhiều bệnh hiểm nghèo không giải quyết nổi, nên việc chữa chạy thường gắn với cúng bái, mê tín dị đoan. Mãi tới năm 1916, Bình Thuận mới có một "nhà thương thí" với số y sĩ, y tá ít ỏi. Nạn dịch bệnh hoành hành. Những năm 1903, 1908, Phan Thiết bị những trận dịch tả gây chết người hàng loạt. Sau tháng 8-1945 cách mạng thành công cho đến năm 1954, trong các vùng ta làm chủ, hệ thống "dân y" được hình thành, công tác y tế phát triển. Đông y được kết hợp với Tây y. Bệnh viện, trạm xá lớn dần lên với thắng lợi của kháng chiến. Việc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe chiến sĩ, đồng bào được coi trọng trong vùng căn cứ do ngành dân y cũng như

quân y đảm nhận. Tuy nhiên, trong chiến tranh, hệ thống y tế chưa đều khắp, dân nông thôn cũng còn khó khăn trong điều kiện chữa trị bệnh. Sau năm 1975, nền y tế nhân dân phát triển khá mạnh mẽ. Nhà nước đầu tư lớn xây dựng, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng y tế. Mạng lưới bệnh viện, trạm xá được mở rộng khắp thành thị, nông thôn.

Về phong tục, tập quán, tín ngưỡng ở Bình Thuận, phần lớn đồng bào Kinh theo đạo Phật, một bộ phận theo đạo Thiên Chúa, Tin Lành, Cao Đài. Đồng bào Chăm theo Ấn Độ giáo hoặc Hồi giáo. Các tôn giáo kể trên chi phối tín đồ của mình về phong tục, tập quán như lễ tết, ma chay, cưới xin, thờ cúng. Người làm biển thờ "Ông Nam Hải", bà con Hoa kiều thờ "Quan Công". Đồng bào các dân tộc miền núi thờ các đấng thần linh như Giàng đất, Giàng núi, Giàng trời...

Nhìn chung, các chính sách ngu dân của chế độ phong kiến, thực dân đã kìm hãm trình độ phát triển dân trí của nhân dân ta. Song điều đáng chú ý là : Trải qua các biến thiên lịch sử, xã hội, nhân dân các dân tộc Bình Thuận vẫn giữ được đức tính cao quý

của mình. Đó là tinh thần lao động cần cù, dũng cảm, là tấm lòng hào hiệp, thủy chung, bao dung mến khách, trọng chính nghĩa, ghét bạo tàn, là tình yêu quê hương, Tổ quốc và truyền thống chống ngoại xâm. Đây là nhân tố hết sức quý báu mà nhân dân Bình Thuận góp vào sự trường tồn của dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Bình Thuận là nơi hội tụ dân cư khắp 3 miền đất nước và cũng là nơi hội tụ của nhiều người yêu nước đứng lên chống giặc không thành ở các địa phương. Năm 1865, khi vua Tự Đức bị sức ép của thực dân Pháp cầm đầu lực lượng tinh, lập nghĩa quân của nước (2), Phan Trung, quê ở Phan Thiết, lúc này là Tụy phải ở Gia Định đã chỉ huy nghĩa quân của mình

1 Các cuộc kháng chiến chống Pháp, như phong trào của Trương Công Định 1861, khởi nghĩa Văn Thân ở Nghệ An 1874, phong trào Cần Vương 1885 - 1898, khởi nghĩa Yên Thế 1895 - 1913, phong trào Đông Du (1904 - 1909); khởi nghĩa Thái Nguyên 1917, khởi nghĩa Yên Bái 1930.

2 Các tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường bị Pháp chiếm 1862 và 3 tỉnh miền Tây Nam bộ bị Pháp chiếm 1867. Nhân dân thường gọi các tỉnh là: Lục tỉnh (6 tỉnh).

CHƯƠNG II

NHỮNG PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP TRƯỚC NĂM 1930

Năm 1858, thực dân Pháp đưa quân đánh chiếm Đà Nẵng mở đầu cuộc xâm lược nước ta. Đến Hòa ước Pa-tơ-nốt 1994, Nhà nước phong kiến Việt Nam đầu hàng chịu sự đô hộ của thực dân Pháp. Nhưng dân tộc Việt Nam quyết không chịu mất nước, quyết không chịu làm nô lệ, đã liên tục đứng lên đấu tranh, giành lại nền độc lập của nước nhà ⁽¹⁾.

Bình Thuận là nơi hội tụ dân cư khắp 3 miền đất nước và cũng là nơi hội tụ của nhiều người yêu nước đứng lên chống giặc không thành ở các địa phương. Năm 1865, khi vua Tự Đức bị sức ép của thực dân Pháp cấm dân lục tỉnh, lập nghĩa quân cứu nước ⁽²⁾, Phan Trung, quê ở Phan Thiết, lúc này là Tùy phái ở Gia Định đã chỉ huy nghĩa quân của mình

1 Các cuộc kháng chiến chống Pháp, như phong trào của Trương Công Định 1861, khởi nghĩa Văn Thân ở Nghệ An 1874, phong trào Cần Vương 1885 - 1898, khởi nghĩa Yên Thế 1885 - 1913, phong trào Đông Du (1904 - 1909) ; khởi nghĩa Thái Nguyên 1917, khởi nghĩa Yên Bái 1929.

2 Các tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường bị Pháp chiếm 1862 và 3 tỉnh miền Tây Nam bộ bị Pháp chiếm 1867. Nhân dân thường gọi các tỉnh này là : Lục tỉnh (6 tỉnh).

vào Biên Hòa, Định Tường đánh giặc. Cũng vào thời điểm này, ông Nguyễn Thông cùng một số sĩ phu và dân miền lục tỉnh không chịu hợp tác với giặc đã "tị địa" ra Phan Thiết và lập Đồng Châu xã. Năm 1873, Nguyễn Thông lập cơ sở dinh điền gần chân núi Tà Dôn (Xa Ra) gọi là Trại Núi. Năm 1877 với chức Doanh điền sứ Bình Thuận, ông có ý định đưa dân khẩn hoang vùng giáp ranh ba tỉnh Bình Thuận, Biên Hòa, Đồng Nai Thượng tính kế tích trữ lực lượng chống Pháp lâu dài, nhưng triều đình Huế bị sức ép của thực dân Pháp xuống chỉ triệt bãi nên kế hoạch không thành. Sau đó, với chức Bố chính, rồi Phó sứ Điển nông kiêm Đốc học Bình Thuận, ông tiếp tục trông coi công việc khẩn hoang và mở trường nâng cao dân trí cho dân. Là người giàu lòng yêu nước, thơ văn ông có tác động khơi dậy truyền thống chống ngoại xâm giành độc lập cho nước nhà.

Hưởng ứng chiếu Cần Vương (1885) của vua Hàm Nghi ⁽¹⁾ ông Ung Chiếm quê ở làng Lại An, là Chánh tổng tổng Lại An (phủ Hàm Thuận) lúc bấy giờ đã chiêu mộ nghĩa quân đứng lên đánh Pháp và tay sai. Nghĩa quân Ung Chiếm tập hợp được nhiều tầng lớp

1 Sau khi tổ chức đánh Pháp ở kinh thành Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Quảng Trị. Tại đây, ngày 13 tháng 7 năm 1885 (2-6 năm Ất Dậu), vua hạ chiếu "Cần Vương" kêu gọi sĩ phu, văn thân cùng nhân dân đứng lên chống Pháp.

nhân dân đóng căn cứ từ làng Tân Xuân, Khánh Tường, Thuận Sen đến rừng cát Thiện Mỹ, Long Thành và thường luyện tập quân sĩ ở làng Kim Ngọc. Nhiều lần nghĩa quân Ung Chiếm vây đánh phủ thành Hàm Thuận và quân lính của chúng tuân tiễu ở Bến Lợi (nay là cầu Bến Lợi), Phú Long, cửa biển Phú Hải, cầu Đức Thắng và một số nơi ở Phú Tài, Trinh Tường.

Cùng hưởng ứng chiếu Cần Vương, ở huyện Tuy Phong và phủ Hòa Đa có phong trào chống giặc của ông Phạm Đoan (ở làng Bình Thạnh) và Phùng Hàn, Phùng Tố, Nguyễn Văn Luận (Chí Công) thuộc phủ Hòa Đa với khí thế "Bình Tây sát tả", phò vua, cứu nước, được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt. Với danh nghĩa "Chánh đề quân", ông Phạm Đoan lập cơ binh (đại đội) trang bị giáo, mác, gậy gộc đóng căn cứ và luyện quân sĩ tại vùng Bàu Vua, Bàu Khoai. Mùa hè 1886, nghĩa quân tấn công chiếm huyện lỵ Tuy Phong (huyện lỵ đóng ở thôn Thái Hòa) làm nức lòng quân sĩ và thừa thắng tấn công vào Duồng (Chí Công), phối hợp với nghĩa quân Phùng Hàn ở Chí Công tiến đánh tỉnh lỵ Bình Thuận đóng ở làng Xuân An, tổng Đa Phước, phủ Hòa Đa (nay là thôn Xuân An, xã Chợ Lầu - Bắc Bình), bắt quan lại, làm chủ tỉnh đường. Lực lượng của lãnh binh Nguyễn Văn Luận cùng nghĩa quân Phùng Hàn, Phùng Tố xây dựng tuyến sơn phòng ở núi Kênh Kênh thuộc La Bá (nay là xã Phong Phú).

Nghĩa quân đóng trên núi cao, được nhân dân Hòa Đa tiếp tế lương thực, tiền bạc, vũ khí, lực lượng gồm các dân tộc Kinh, Chăm, Thượng tham gia, thanh thế rất mạnh mẽ.

Các hoạt động của nghĩa quân Ung Chiếm, Phạm Doan, Nguyễn Văn Luận, Bùi Đăng... ở Tuy Phong, Hòa Đa, Hàm Thuận, Phan Thiết và nghĩa quân Trương Định ra tị địa ở Hàm Tân đã làm cho bọn quan lại Nam Triều ở Bình Thuận hoảng sợ. Chúng chạy vào thành Gia Định xin Pháp đưa quân cứu viện. Viên Thống đốc Nam Kỳ ở Sài Gòn cử tên thiếu tá Đờ-loóc-mơ, công sứ Ây-mô-ni-ê (Aymonier) và tên tay sai Trần Bá Lộc đưa quân từ Nam Kỳ ra đàn áp phong trào yêu nước. Ngày 3-7-1886, Pháp dùng hai chiếc tàu thủy Xit-coóc-pi-ông (Scorpion) và A-lu-ét (Alouet) chở quân đổ bộ lên vùng Phan Rí chiếm thành Bình Thuận. Chúng chém giết dã man dân các vùng Phan Rí, Duồng, La Gàn, Long Hương để tiêu diệt nghĩa quân. Sau một thời gian ruồng bố, chúng bắt được 8 nghĩa quân, trong đó có ông Phạm Doan, anh em Phùng Hàn, Phùng Tố là thủ lĩnh của phong trào và ngày 20-8-1886, chúng xử trảm bêu đầu 3 ông ở chợ Phan Rí hòng lung lạc tinh thần chống Pháp của dân ta. Tiếp đến, chúng tiến vào sơn phòng Kênh Kênh, dùng bọn phản bội dẫn đường đánh vào căn cứ nghĩa quân. Lãnh binh Nguyễn

Văn Luận bị địch bắt, ngày 1-5-1886 chúng chặt đầu ông bêu ở cửa biển Phan Rí. Sau khi chiếm được vùng Hòa Đa, Tuy Phong, ngày 28-7-1886, tên Đờ-loóc-mơ (Delorme) chỉ huy đội quân do Trần Bá Lộc tập hợp số lính khố đỏ cũ tiến vào đánh chiếm Hàm Thuận, Phan Thiết. Ông Ung Chiếm cho quân dàn trận từ Bến Lợi đến Lại An đánh trả. Sau ba ngày đêm chiến đấu, nghĩa quân bị tổn thất nặng rút về Dương Xuân, Phước Môn. Địch tàn sát gia đình nghĩa quân và bắn chết ông Ung Chiếm tại cây me làng Thiện Mỹ, bêu đầu ở chợ Dinh (xã Hàm Nhơn). Tháng 9 năm 1886, bắt được ông Cao Hành, một người chỉ huy của nghĩa quân Bùi Đăng, chúng đã hành hình dã man : bêu đầu ở Phan Thiết, treo chân ở chợ Phú Hải, treo tay ở phủ Hàm Thuận để răn đe dân chúng. Trong đợt đánh chiếm Bình Thuận, Trần Bá Lộc tên tay sai của thực dân Pháp đã tàn sát không biết bao dân lành vô tội ở Tuy Phong, Hòa Đa, Hàm Thuận, Phan Thiết. Ngay sau khi chiếm Phan Thiết, nó tiếp tục trở lại tàn sát dân hai làng Cham ở thượng lưu Sông Lũy. Đến cuối 1886, sau khi Pháp đánh chiếm Bình Thuận, phong trào Cần Vương ở mảnh đất Cực Nam này, người bị bắt, bị giết, người phải lưu lạc đi nơi khác, đã lắng xuống. Từ năm 1887, thực dân Pháp đặt cơ quan Đại lý tại phủ Hòa Đa để cai trị hai huyện phía

Bắc Bình Thuận. Cơ quan Đại lý có một trung đội khố xanh do tên quan ba Pháp chỉ huy. Chúng quản lý toàn bộ kinh tế - xã hội với các luật lệ khắt khe trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Do vị trí địa lý như vậy, nên năm 1885, một năm sau khi đặt chế độ bảo hộ trum lên triều đình nhà Nguyễn, thực dân Pháp đã nhấn mạnh vị trí tỉnh Bình Thuận : "Một mặt ở rất xa kinh đô khiến sự điều khiển của triều đình chẳng có quyền lực nào hữu hiệu, mặt khác lại tiếp giáp với Nam kỳ là nơi triều đình chẳng có quyền hành gì cả, tỉnh Bình Thuận lộ ra sắc thái kỳ lạ của một vùng biên cương ẩn náu tất cả những kẻ đã xa lánh xứ sở quê hương vì mục đích chính trị, những kẻ đó đang tìm cách tạo ra một xã hội hỗn tạp chắc chắn để lợi dụng làm việc trái phép..."⁽¹⁾. Năm 1889, viên công sứ Pháp ở Phan Thiết cũng báo cáo ra tòa Khâm sứ Huế "Vị trí địa lý Bình Thuận khiến nó trở thành một nơi ẩn náu tự nhiên của tất

1 Báo cáo ngày 30-6-1889 của công sứ Pháp ở Phan Thiết gửi Khâm sứ Trung kỳ.

cả những phần tử phiêu bạt từ Nam kỳ lánh ra cũng như từ Trung kỳ chạy vào, thành một địa bàn tụ hội của Trung - Nam - Bắc" (1).

Đặc điểm truyền thống yêu nước này của Bình Thuận khơi dậy từ phong trào tị địa của các sĩ phu Nam kỳ, phong trào Cần Vương của các sĩ phu Trung kỳ, đến cuộc vận động Đông Du, cuộc vận động Duy Tân và các giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Bước sang đầu thế kỷ 20, khi tiếng súng Cần Vương vừa tắt, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản diễn ra ở nhiều nơi trong tỉnh Bình Thuận là dấu mối giữa Nam bộ và Trung bộ, là chặng đường Nam du của các nhà lãnh đạo phong trào Duy Tân. Các cụ Phan Bội Châu, Đặng Nguyên Cán đều có dịp ghé Phan Thiết để vào Nam vận động phong trào Đông Du. Năm 1905, ba ông Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp cùng tiến hành một chuyến tuyên truyền cho phong trào Duy Tân ở các tỉnh Cực Nam đã lưu lại đây. Đến Phan Thiết, ông Phan Chu Trinh dưỡng bệnh mấy tháng và tiếp xúc với hai anh em ông Nguyễn Trọng Lợi là con cụ Nguyễn Thông để bàn về "chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh".

1 Điện của công sứ Pháp ở Phan Thiết gửi Khâm sứ Trung kỳ ngày 9-11-1923.

Theo hướng đó, tháng 5-1906, Liên Thành thơ xã ra đời ; ngày 6-6-1906 Liên Thành thương quán khánh thành và năm 1908 Dục Thanh học hiệu mở cửa ở Phan Thiết. Tiếp đó, các hoạt động của phong trào Duy Tân phát triển ở Tuy Phong như "Hạnh Lan Đường" Bình Thạnh (1908), Võ Ca làng Phú Tài Hàm Thuận, "Hội Bình Thơ" ở làng Hà Thủy thuộc Hòa Đa. Các tổ chức Duy Tân ở Hòa Đa, Tuy Phong do cụ Trương Gia Mô, một người yêu nước cùng chí hướng với cụ Phan Chu Trinh tổ chức. Từ năm 1908 phong trào chống thuế ở một số tỉnh miền Trung bị thất bại, mặc dù các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng bị đày đi Côn Đảo, cụ Trần Quý Cáp bị án chém ở Nha Trang, cụ Trương Gia Mô lãnh án một năm tù vì liên quan đến vụ án Trần Quý Cáp, phong trào Duy Tân ở Bình Thuận vẫn được duy trì. Các "Hội bình thơ" ở Phan Thiết, Hàm Thuận, Hòa Đa, Tuy Phong tập hợp những người cùng chí hướng nghe bình giảng về các nhà chí sĩ yêu nước như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi ở Trung Quốc hoặc những người có tư tưởng tiến bộ như Giăng Giắc-rút-xô, Mông-tét-ki-nơ... ở Pháp và đọc các bài thơ yêu nước của các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu v.v... Dục Thanh học hiệu dạy cho học trò cả chữ Quốc ngữ, chữ Hán, chữ Pháp. Các hoạt động của phong trào Duy Tân vận động sĩ

phu, nhân dân học chữ Quốc ngữ, đọc thơ yêu nước, cắt tóc ngắn v.v... đã khơi dậy mạnh mẽ lòng yêu nước cho nhiều lứa tuổi trong tỉnh.

Cuối năm 1909, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh), trong hành trình vào các tỉnh miền Nam để ra nước ngoài tìm đường cứu nước, đã dừng lại Duông (Tuy Phong), sau đó vào Phan Thiết dạy học ở trường Dục Thanh theo sự giới thiệu của cụ Nghè Trương Gia Mô ⁽¹⁾. Tại đây, với phương pháp dạy học tiến bộ, thầy Thành giảng giải về kiến thức văn hóa và bồi dưỡng cho học trò về ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước.

1 Cụ Nghè Trương Gia Mô quê Gia Định về sống ở làng Hà Thủy (xã Chí Công - Tuy Phong), sau khi bị tù trong vụ liên quan chống thuế 1908, là con trai của cụ Trương Gia Hội, làm quan ở triều đình Huế. Ông từ quan về quê cùng hoạt động với cụ Phan Chu Trinh khi cụ vào Bình Thuận góp phần lập ra các tổ chức của phong trào Duy Tân ở địa phương. Khi làm quan ở kinh đô Huế, cụ quen biết và cùng chí hướng với cụ Nguyễn Sinh Sắc, nên anh Nguyễn Tất Thành khi vào Bình Thuận đã ghé vào Tuy Phong được cụ Mô đưa vào trú ở chùa Phước An. Khi phong trào yêu nước trong tỉnh bắt thành, cụ Mô vào ẩn dật ở Châu Đốc và năm 1929 từ trên nhà dưỡng bệnh ở núi Sam, cụ nhảy xuống tự tử (ngày giờ cụ, trong gia tộc cúng ngày 3-11 năm Canh Ngọ, tức là 22-12-1930) và để lại 4 câu thơ :

Năm điều cải cách khiến người không nghe

Cam phận tôi đòi chân ngắn thay

Thân già này trả lại đất trời

Hóa ra sóng gió hận thù thét vang.

Từ trường Dục Thanh, qua các mối liên hệ giao dịch của Hội buôn Liên Thành với các chuyến tàu biển, anh Thành nghe ngóng tìm hiểu con đường ra nước ngoài. Mùa Thu năm 1910, anh Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn và ngày 5-6-1911, anh xuống tàu La Touche Tréville sang phương Tây. Do hoạt động của phong trào Duy Tân ở Bình Thuận có tác động sâu sắc đến nhân dân, năm 1909 thực dân Pháp ra lệnh giải thể Liên Thành thư xã và năm 1912 Dục Thanh học hiệu do thiếu người giảng dạy trường tự đóng cửa. Các Thương quán ở Bình Thuận, Phan Rí Cửa, Chí Công tồn tại đến tháng 8 năm 1945. Các nhóm đọc sách báo ở Phan Thiết, Hàm Thuận tìm hiểu về thời cuộc qua các báo tiến bộ như : "Nhành Lúa", "Dân", "Dân chúng" vẫn hình thành và hoạt động.

Tuy vậy phong trào yêu nước ở Bình Thuận theo hướng dân chủ tư sản, dù có nhiều nhiệt tâm, cố gắng khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân, vẫn không duy trì được lâu. Các hoạt động yêu nước chịu ảnh hưởng của phong trào Đông Du, Duy Tân đã lắng xuống sau khi bùng lên lần cuối vào những năm 1925, 1926, khi 36 học sinh lớp nhì trường tiểu học Pháp - Việt ở Phan Thiết và một số nhân sĩ, trí thức ở Phan Thiết, Hàm Thuận, Tuy Phong bãi khóa đòi nhà cầm quyền Pháp trả tự do cho cụ Phan Bội Châu bị kết án tử hình và truy điệu cụ Phan Chu Trinh vừa qua đời. Những năm tháng còn lại của thập niên 20 thế kỷ

này, nhiều nhân sĩ yêu nước chưa tìm được đường lối đấu tranh nên đã chuyển đi nơi khác sinh sống hoặc không hoạt động gì.

Lúc bấy giờ, phong trào Cần Vương và hai cuộc vận động Đông Du, Duy Tân đã chấm dứt giai đoạn lịch sử ở nước ta cũng như ở Bình Thuận. Nhưng con đường cứu nước theo chủ nghĩa dân tộc thực sự bế tắc, dù nhiều tấm lòng yêu nước, yêu dân tộc thật đáng quý đã từng qua những đêm ngày trăn trở, thốn thức trong cảnh đất nước lâm than. Chủ nghĩa dân tộc dù mang tính chất phong kiến hay tư sản đều không cứu nổi dân tộc. Đó là kết luận khách quan của lịch sử. Nhưng lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân Bình Thuận không hề tàn lụi. Ngược lại, những khi không bùng cháy lên thành phong trào, thì nó lắng xuống âm ỉ, chờ những cơn gió mới thổi tới bùng lên thành đám cháy khổng lồ không gì dập tắt nổi.

PHẦN THỨ HAI :

LỊCH SỬ TRAO CỜ LÃNH ĐẠO (1930 - 1945)

CHƯƠNG I

ĐẢNG RA ĐỜI VÀ CUỘC ĐẤU TRANH ĐẦU TIÊN

Đầu thế kỷ 20, sau tiếng súng của các cuộc khởi nghĩa Cần Vương và nông dân Yên Thế bị dập tắt, phong trào yêu nước của các sĩ phu bị thất bại, xã hội Việt Nam như đi trong đêm tối chưa tìm thấy đường ra. Dân tộc Việt Nam đứng trước một cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất về con đường cứu nước. Giữa lúc ấy, vào tháng 6-1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc đi tìm con đường cứu nước, cứu dân với tên : Văn Ba.

Năm 1917, tại Pháp, Văn Ba lấy tên là Nguyễn Ái Quốc. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc tìm hiểu sâu cách mạng tư sản Pháp, Công xã Pari (1817) và cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga. Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin tại Đại hội lần thứ

hai của Quốc tế Cộng sản (23-7 đến 7-8-1920) đã giúp đồng chí Nguyễn Ái Quốc tìm ra chân lý lớn nhất của thời đại sau hơn mười năm tìm tòi, nghiên cứu (1911-1920) : Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức ⁽¹⁾.

Được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và Liên Xô, ngày 11-11-1924, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) tập hợp số thanh niên Việt Nam yêu nước và tháng 6-1925 thành lập Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, tổ chức cách mạng tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhằm đào tạo cán bộ, tổ chức tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin vào trong nước. Từ năm 1926 đến năm 1929, Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội xây dựng được nhiều cơ sở trong nước ở Sài Gòn, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Nội... Năm 1927, cuốn "Đường Cách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc ra đời là cuốn cẩm nang về đường lối giải phóng dân tộc cho những người cách mạng Việt Nam. Từ đó, phong trào công nhân và phong trào cách mạng trong nước có bước phát triển mới, từ tự phát (1919 - 1925) phát triển lên phong trào đấu tranh tự giác, có tổ chức chặt chẽ và sâu rộng.

Năm 1928, Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội đề ra chủ trương "Vô sản hóa", đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, xí nghiệp... cùng lao động, ăn, ở với công nhân để vận động cách mạng.

1 Hồ Chí Minh : Con đường dẫn tôi đến Chủ nghĩa Lênin. Tuyển tập, tập II, NXB Sự thật, 1980, trang 175.

Phong trào cách mạng phát triển rộng khắp trong nước. Từ năm 1927 - 1929, Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội hoạt động tích cực để chuẩn bị cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản Việt Nam. Ngày 3-2-1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản đã họp hội nghị hợp nhất 3 tổ chức cộng sản trong nước thành Đảng Cộng sản Việt Nam ⁽¹⁾, đến tháng 10-1931 đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trong tình hình ấy, Bình Thuận, một tỉnh ở Cực Nam Trung bộ, nơi tiếp giáp với Nam bộ, thuận lợi cho việc tuyên truyền cách mạng của Đảng. Từ năm 1928, Tân Việt cách mạng Đảng, một tổ chức yêu nước hoạt động ở các tỉnh miền Trung và miền Đông Nam bộ, đã tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước tỉnh nhà. Từ Kỳ bộ Tân Việt Nam kỳ, các đồng chí Lê Trọng Mân ⁽²⁾, Trần Hữu Duyệt, Trần Hữu Chương ra gây cơ sở ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa... và thành lập cơ quan liên tỉnh của Tân Việt lấy tên

-
- 1 Ba tổ chức Cộng sản được hình thành trong thời gian từ 1929 đến đầu 1930 là : Đông Dương Cộng sản Đảng thành lập 17-6-1929 ; An Nam Cộng sản Đảng ra đời cuối năm 1929 ; Đông Dương Cộng sản Liên đoàn hình thành vào tháng 1-1930.
 - 2 Đồng chí Lê Trọng Mân, hoạt động Tân Việt ở Đa Kao, Sài Gòn. Khi chuyển thành Đảng Cộng sản, đồng chí là cán bộ lãnh đạo Đảng ở tỉnh Gia Định. Đồng chí là con ông Lê Trọng Thiệu, một chiến sĩ trong phong trào Văn Thân chống Pháp ở Hà Tĩnh không thành lãnh nạn vào làng Đại Nấm, phủ Hàm Thuận.

là "Ngũ Trang" (1). Tuy nhiên, trong quá trình vận động đó, ở Bình Thuận mới có những đảng viên đơn tuyến, như anh Nhã làm trong tòa sứ và một số cơ sở trong trí thức, nhân sĩ ở thị xã Phan Thiết do đồng chí Lê Dung từ Khánh Hòa vào tổ chức nên chưa đủ điều kiện thành lập chi bộ Tân Việt.

Tuy vậy, phong trào cách mạng ở Bình Thuận đã bắt đầu tiếp thu đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vào năm 1930, đồng chí Dương Chúc (Trợ Châm), đảng viên chi bộ Hòn Khói, Ninh Hòa (tỉnh Khánh Hòa) đến làng Đại Năm (phủ Hàm Thuận) sống trong nhà cụ Lê Trọng Thiệu. Từ nhà cụ Thiệu, đồng chí tiếp xúc quần chúng, tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản cho một số thanh niên trong hai làng Đại Năm, Phú Hội. Sau một thời gian xây dựng, đồng chí kết nạp được một số đảng viên mới : Nguyễn Tỵ, Phan Xích... Ngô Đức Tồn (2). Riêng đồng chí Ngô Đức Tồn, sau khi tiếp thu được chủ nghĩa Cộng sản qua đồng chí

1 Cơ quan Liên tỉnh Tân Việt ở 5 tỉnh : Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Lâm Viên và Buôn Ma Thuật lấy bí danh là "Ngũ Trang", đóng cơ quan ở Tháp Chàm, Ninh Thuận.

2 Đồng chí Ngô Đức Tồn, sinh ở Hà Tĩnh. Năm 1928 do quan hệ quen biết trong gia đình, đồng chí vào Đại Năm sống trong nhà cụ Lê Trọng Thiệu. Năm 1929, đồng chí học lớp sư phạm ra trường được bổ về dạy học ở làng Tam Tân, huyện Hàm Tân. Qua quan hệ với gia đình cụ Thiệu, đồng chí tiếp cận với Lê Trọng Mân và Dương Chúc, đồng chí đã hoạt động cách mạng và xây dựng tổ chức "phản đế Đồng minh Hội", cuối năm 1930 phát triển đảng và thành lập Chi bộ Tam Tân. Đồng chí bị bệnh đột ngột, mất tháng 5-1931.



*Đồng chí Nguyễn Thắng, đảng viên cộng
sản năm 1930. (Ảnh chụp năm 1960).*

Dương Chúc, đã về làng Tam Tân, nơi đồng chí đang dạy học, tập hợp quần chúng tốt trong vùng lập tổ chức "phản đế Đồng minh Hội". Phản đế Đồng minh Hội, từ một số cốt cán ban đầu, đã phát triển thêm trong thanh niên, giáo viên trường làng, công chức và nông dân với số hội viên 30 người. Từ những hạt nhân của "phản đế Đồng Minh Hội", 6 quần chúng tốt đã được kết nạp vào Đảng : Cao Có, Lê Chạy, Lê Thanh Lưu... Trên cơ sở số đảng viên đó, chi bộ Cộng sản Tam Tân là chi bộ đầu tiên được thành lập ở Bình Thuận cuối năm 1930 do đồng chí Ngô Đức Tồn làm bí thư.

Cùng thời gian trên, đồng chí Hồ Quang Cảnh, một đảng viên cộng sản từ Sài Gòn về ở ngôi nhà số 6, đường Hàn Thuyên - Phan Thiết, tiếp tục gây cơ sở cách mạng ⁽¹⁾. Dịp hè 1930, đồng chí về quê ở làng Rạng (phủ Hàm Thuận) dạy học thêm, tuyên truyền phát triển một nhóm yêu nước gồm 6 người là giáo viên, thợ may, nông dân trong làng.

Từ mối liên lạc qua đồng chí Hồ Quang Cảnh, tháng 1 năm 1931, một đồng chí đảng viên người xứ Nghệ từ Sài Gòn cũng ra Phan Thiết cùng hoạt động

1 Đồng chí Hồ Quang Cảnh sinh năm 1904, con của ông Hồ Sĩ Lâm, quê ở Nghệ An vào Rạng (làng Thiện Khánh - nay là xã Hàm Tiến, Phan Thiết) làm nghề dạy học và hốt thuốc chữa bệnh. Sau khi tốt nghiệp tiểu học (Primaire), năm 1926 đồng chí vào làm ở ga tàu điện Sài Gòn, hoạt động cách mạng và trở thành đảng viên Cộng sản.

chung với đồng chí Cảnh. Từ Phan Thiết, đồng chí Nghệ⁽¹⁾ móc nối phát triển đồng chí Nguyễn Thắng ở làng Tuy Hòa (phủ Hàm Thuận) và kết nạp vào Đảng. Phát huy vai trò đảng viên, đồng chí Thắng tích cực hoạt động trong phong trào quần chúng, tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản cho một số trai tráng yêu nước trong làng, hình thành tổ Nông hội có 4 hội viên gồm : Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Đức Thắng, Phan Cao Đăng... do đồng chí Nguyễn Gia Tú làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Đức Thắng tiếp tục xây dựng tổ Nông hội ghép ở ba làng Bình An, Bình Lâm và Lại An Thượng có 6 hội viên : Nguyễn Tương, Trần Hoàn, Ngô Mân, Ngô Thí... do đồng chí Nguyễn Tương làm tổ trưởng. Qua hoạt động trong tổ chức Nông hội, năm 1931, các đồng chí Nguyễn Tương, Nguyễn Gia Tú, Trần Hoàn... được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam⁽²⁾.

1 Do nguyên tắc hoạt động bí mật, các đồng chí đảng viên trong tỉnh không biết rõ tên thật đồng chí nên thường gọi đồng chí Nghệ.

2 Đồng chí Nguyễn Gia Tú, sinh năm 1907 tại làng Tuy Hòa (nay xã Hàm Đức huyện Hàm Thuận Bắc), tham gia cách mạng từ 1931 và được kết nạp vào Đảng năm 1931. Đồng chí tiếp tục tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hiện nay về hưu tại phường Đức Nghĩa - Phan Thiết.

- Đồng chí Nguyễn Tương, sinh 1-1910 tại làng Bình An (nay xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc) tham gia cách mạng tháng 1-1931, tháng 4-1931 được kết nạp vào Đảng. Đồng chí tiếp tục tham gia kháng chiến chống Pháp và năm 1954 tập kết ra Bắc, sau 1975 về lại Phan Thiết và mất 1981.



Đồng chí Nguyễn Gia Tú, đảng viên cộng
sản năm 1931. (Ảnh chụp năm 1986).

Từ đó, các tổ chức cách mạng như Nông hội được tiếp tục phát triển ở các làng Thiện Mỹ, An Long, Phú Trường, Phú Long, Vinh Hòa, Long Thạnh, Kim Ngọc, Mỹ Thạnh... Tổ chức Hội phản đế Đông Minh ở làng Tam Tân cũng phát triển thêm nhiều hội viên và chia thành nhiều tiểu tổ để bí mật hoạt động.

Đi đôi với phát triển Nông hội, đồng chí Nghệ phân công đồng chí Nguyễn Gia Tú tập hợp được một số hội viên Nông hội các làng Tuy Hòa, Kim Ngọc, Thiện Mỹ thành lập đội tự vệ để bảo vệ các cuộc họp của Đảng và các cuộc đấu tranh của quần chúng. Về sau đồng chí Tiểu Nghi thay đồng chí Nguyễn Gia Tú phụ trách tổ chức này. Tuy còn phôi thai, nhưng có thể nói đây là tổ chức vũ trang cách mạng đầu tiên của Bình Thuận.

Để cổ vũ và hướng dẫn phong trào cách mạng trong tỉnh, đồng chí Nghệ chủ trương phát hành tờ báo nội bộ, lấy tên là tờ "Nhân đạo". Đồng chí Nguyễn Gia Tú được đồng chí Nghệ giao nhiệm vụ in báo và in một số tài liệu "bỏ túi" nói về Cách mạng tháng Mười Nga, Công xã Pari, Công xã Quảng Châu v.v... Cơ quan ấn hành đặt tại làng Tuy Hòa, dùng đồng sừng (xu soa) để in báo trên khổ giấy học trò, đến tháng 8-1931 phát hành được 3 số, số đầu được 30 bản và hai số sau tăng gấp đôi. Lúc bấy giờ cùng với in báo, in tài liệu

bỏ túi, cơ quan ấn loát còn in truyền đơn chuẩn bị tuyên truyền giáo dục quần chúng đấu tranh với kẻ thù.

* * *
Để đánh dấu sự ra đời của Đảng, Trung ương Đảng kêu gọi các tổ chức Đảng trong cả nước tổ chức đấu tranh nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao Động 1-5-1930.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương, nhiều cơ sở Đảng trong nước đã phát động quần chúng đấu tranh với địch, trong đó, phong trào Xô Viết Nghệ An - Hà Tĩnh diễn ra sôi nổi, có tiếng vang và giành được chính quyền ở một số xã, thành lập các Xô Viết công nông. Tại Ninh Thuận, tỉnh giáp phía Bắc Bình Thuận, cũng vừa trải qua cuộc đấu tranh của công nhân đê pô Tháp Chàm với kẻ thù... Tất cả các cuộc đấu tranh đó đều tác động đến phong trào cách mạng Bình Thuận.

Tuy tổ chức cơ sở Đảng mới nhen nhóm, nhưng các cuộc đấu tranh vẫn diễn ra. Đêm 12 rạng 13-7-1930, hàng trăm truyền đơn được rải nhiều nơi trên đường phố Phan Thiết. Nội dung truyền đơn có đoạn : "Hỡi anh chị em thợ thuyền, dân cày, học sinh, binh lính! Hỡi người lao khổ ! nay mai bọn đế quốc Pháp sẽ lấy tiền của chúng ta dâng mà xài phí làm lễ kỷ niệm ngày 14-7... Chúng nó ghi nhớ ngày cách mạng Pháp



*Đồng chí Nguyễn Tương đảng viên cộng
sản năm 1931. (Ảnh chụp năm 1949).*

phá khám lớn Baxti năm 1789 mà ở Đông Dương thì nó xây thành, đắp lũy, khám lớn, khám nhỏ nhiều hơn trường học". Dưới tờ truyền đơn ký tên : "Đảng Cộng sản Nam Kỳ lâm thời chấp hành ủy viên Hội" (1). Lo sợ phong trào cách mạng lan xa, kẻ thù ra sức đề phòng. Càng đến ngày 1-8-1930 - ngày "Nhân dân thế giới chống chiến tranh đế quốc", sự cộng sản rải truyền đơn, tổ chức biểu tình, chúng kiểm soát các ngã đường vào ra Phan Thiết và các phủ, huyện, xét hỏi những người bị nghi vấn hết sức nghiêm ngặt. Nhưng chúng không ngăn chặn được ảnh hưởng của cách mạng. Nó vẫn âm ỉ cháy và đúng một năm sau, ngày 1-8-1931, nó bùng lên ở Phan Thiết và vùng phụ cận bằng cuộc rải truyền đơn chống chiến tranh đế quốc. Trước đó, để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh này, đồng chí Nguyễn Gia Tú được giao nhiệm vụ in truyền đơn, đồng chí Nguyễn Tương được phân công cùng đảng viên và quần chúng nòng cốt viết biểu ngữ tại lò gạch ông Hai Hiến ở Hàm Đá (xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc ngày nay). Chị Tư Quán, vợ đồng chí Nguyễn Thắng, từ làng Tuy Hòa gánh truyền đơn giấu dưới hai thúng gạo đến nhà ông Thông Phán, một cơ sở của Đảng ở Phan Thiết. Chị Nguyễn Thị Ngôn, vợ đồng chí Nguyễn

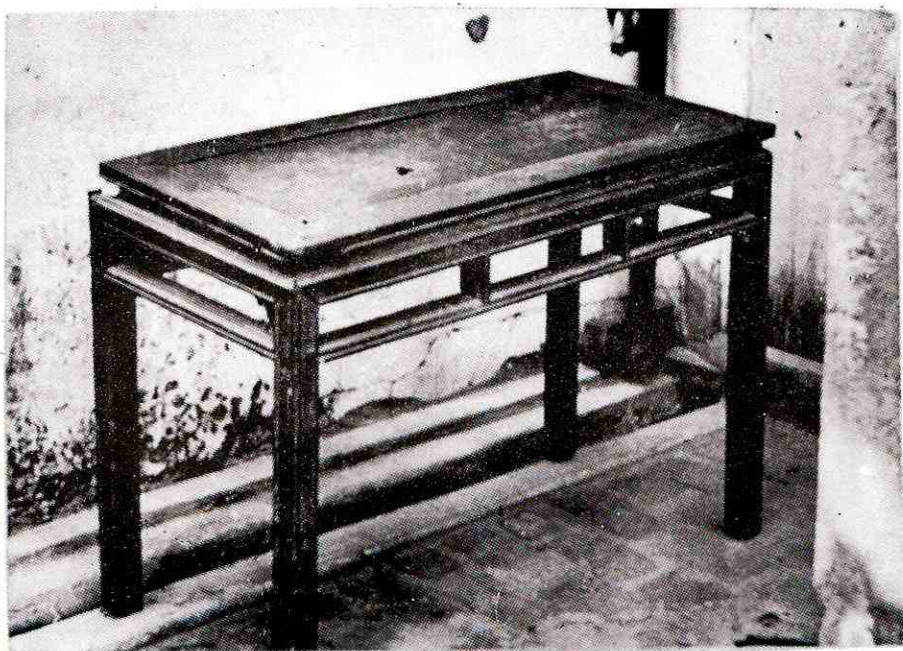
1 Báo cáo của Sở mật thám Bình Thuận ngày 6-8-1930, bản tiếng Pháp đang lưu trữ tại Lịch sử Đảng Bình Thuận - đến nay vẫn chưa xác minh được các đồng chí đảng viên nào thực hiện rải truyền đơn.

Gia Tú cũng gánh gạo đến Hàm Đá để từ đó phát truyền đơn đi các nơi trong vùng. Đảng viên và quần chúng cách mạng ở Phan Thiết, Hàm Thuận đã chuẩn bị chu đáo, sẵn sàng hành động. Riêng Chi bộ Tam Tân (Hàm Tân) thời gian này do mưa to, nước sông dâng cao, chưa kịp nhận được truyền đơn và kế hoạch hành động, nên không kịp hưởng ứng.

Đến đêm 14 rạng ngày 15-8-1931, giữa trời mưa gió, các tổ chức Đảng trong tỉnh nhất loạt hành động như kế hoạch đã định. Từ thị xã Phan Thiết đến các làng Đại Nấm, Phú Hội, Rạng (Thiện Khánh), Mũi Né (Khánh Thiện), trên quốc lộ số 1 từ Phan Thiết ra phía Bắc Hàm Thuận, trên đường số 8 từ Phan Thiết đến Ma Lâm và các làng Dân Thạnh, Vinh Hòa, Long Thạnh..., truyền đơn rải đầy các ngã và bằng ngữ treo ở một số nơi... Trên cây me gần ga Ma Lâm, cây lim làng Dân Thạnh, trước cổng đồn lính khố xanh Phan Thiết, nóc tôn gác đình làng Thiện Khánh... cờ đỏ tung bay trong gió⁽¹⁾. Ngay trong ngăn kéo của viên công sứ Bình Thuận, viên tri phủ Hàm Thuận cũng có truyền đơn cách mạng.

Trong đêm 15-8, khi phát hiện có cờ đỏ, truyền đơn, biểu ngữ Cộng sản xuất hiện trong làng, trong

1 Cờ đỏ có hình búa liềm may vải đỏ khổ 0,8m x 1,2m. Khẩu hiệu viết bằng sơn lên băng đậm, hai đầu buộc vào cán tre. Trang 36, Hàm Thuận bất khuất kiên cường - Tập I - Xuất bản năm 1988.



*Bàn dùng in báo Nhân đạo đặt tại cơ sở
bí mật của Đảng ở làng Tùy Hòa (Hàm Thuận)
năm 1931.*

phố, bọn lý hương hốt hoảng cho tuần phu nổi trống mõ báo động. Quần chúng cách mạng trong các đội tuần phu cùng tuần phu các làng thừa cơ nổi trống, mõ, thùng thiếc... làm thanh viện áp đảo địch và thúc tỉnh quần chúng. Cả một vùng rộng lớn tỉnh Bình Thuận sôi động. Khí thế cách mạng gây được ảnh hưởng lớn trong nhân dân thị xã và nông thôn.

Vừa ra lệnh cho bọn tay sai thu gom truyền đơn, gỡ băng, cờ, viên công sứ Bình Thuận điện báo khẩn cấp ra Huế. Sở mật thám Trung kỳ điện báo cho mật thám Hà Nội, Sài Gòn, Nông Pênh, Viên Chăn về hoạt động treo cờ, rải truyền đơn của Cộng sản ở Bình Thuận ⁽¹⁾.

Sau đêm kinh hoàng ấy, tên công sứ Pháp cùng bọn tay sai hội họp bàn cách đối phó. Khắp các thị xã, thị trấn và các làng thôn quê có cộng sản hoạt động, bọn sai nha, lính phủ, lính tỉnh cùng mật thám, phòng nhì tỏa đi khảo tra, xét hỏi, bắt bớ. Các con đường lớn nhỏ vào các vùng chúng nghi vấn đều có lính canh phòng, kiểm tra nghiêm ngặt những người qua lại. Lúc bấy giờ, Ngô Đình Diệm làm Quản đạo Ninh Thuận, do có công đàn áp khủng bố Cộng sản ở Ninh Thuận trong năm 1930 nên được thăng chức Tuần Vũ Bình Thuận. Y ra lệnh cho bang tá Phan Thiết, tri phủ Hàm Thuận, Hòa Đa, tri huyện Hàm Tân...

1 Báo cáo của công sứ Bình Thuận 15-8-1931.

lòng sục bắt bớ với phương thức tà bất nhằm hơn
bỏ sót. Thừa lệnh Ngô Đình Diệm, bọn tri huyện, tri
phủ sai quan nha, lính lệ, cai tuần vào từng thôn, xóm
bắt những người mà chúng nghi là yêu nước đưa về
các "trường tra" để tra tấn. Bọn chúng còn lợi dụng
bắt cộng sản để trả thù những người không ăn cánh
và làm tiền những người giàu có.

Ở phủ Hàm Thuận, trong số bị tri phủ Hồ Đắc
Bích bắt tra tấn có người dao động khai báo với địch
đầu mối cơ sở nên chúng đã bắt các đồng chí : Nguyễn
Gia Tú, Nguyễn Thắng, Nguyễn Tương, Trần Hoàn,
Nguyễn Ty, Phan Xích, Hồ Quang Cảnh và những người
thân thuộc trong gia đình. Các đồng chí Nguyễn Thắng,
Nguyễn Tương, Nguyễn Gia Tú, Hồ Quang Cảnh... bị
đưa lên gông cùm ở nhà lao Phan Thiết.

Ở Hàm Tân, do mối liên hệ bị vỡ từ Phan Thiết,
Hàm Thuận, cuối tháng 9-1931 lính khố xanh từ tỉnh
vào do lãnh binh Phan Gia Chung cầm đầu đã truy
lùng bắt các đảng viên chi bộ Tam Tân và tổ chức
quân chúng phản đế Đông Minh hội gồm 35 người.
Sau khi tra khảo tại chỗ, chúng đưa các đồng chí Lê
Thanh Lữ, Lê Chạy... ra giam ở nhà lao Phan Thiết.

Ở Tuy Phong, Hòa Đa, cơ sở Đảng chưa phát triển,
song ảnh hưởng vang dội của Xô Viết Nghệ Tĩnh cũng
làm cho kẻ thù đề phòng. Tri phủ Thân Trọng Dực
lợi dụng tình hình ấy bắt 31 anh chị em trong đoàn

hát bộ (tuồng) do một số trí thức tổ chức hát tại Duông
quyên góp tiền ủng hộ đồng bào miền Bắc bị bão lụt.
Chúng vu cho những người này là cộng sản và đưa về
nhà lao Phan Thiết giam giữ. Trong số này có chị Trần
Thị Điểm và anh Trần Đình Quảng... ở huyện Tuy
Phong.

Tại nhà lao tỉnh, Diệm ra lệnh cho tay chân tra
tấn rất dã man những người bị bắt, không từ một thủ
đoạn nào như đánh đập, cho người ngâm vào nước,
vuốt lạt tre và bắt ngồi lên ghế có lỗ thủng đốt đèn
cây dưới hậu môn...

Hành động khủng bố tàn bạo của địch không làm
giảm sút tinh thần cách mạng của các chiến sĩ. Đồng
chí Hồ Quang Cảnh luôn tỏ rõ ý chí trung kiên, bất
khuất, giữ vững khí tiết người cộng sản. Dùng các thủ
đoạn tra tấn cực hình không khai thác được gì, chúng
xoay qua bắt cụ Hồ Sĩ Lâm thân sinh của đồng chí
đánh đập rất tàn nhẫn để làm yếu đuối tinh thần.
Thương cha, nhớ mẹ, yêu gia đình, nhưng đứng trước
kẻ thù, đồng chí vẫn không nghiêng ngã, lung lay.

Qua nhiều lần tra khảo, gạn lọc, cuối năm 1931,
Diệm vâng lệnh công sứ Bình Thuận đưa ra Tòa án
Nam Triều xử 360 can phạm cộng sản. Sau phiên tòa,
36 chiến sĩ bị chúng kết án 2 đến 5 năm khổ sai. Các
đồng chí Nguyễn Gia Tú, Trần Hoàn, Nguyễn Ty...

lãnh án 3 năm tù, đồng chí Phan Xích và một số khác bị kết án 2 năm tù. Các đồng chí Hồ Quang Cảnh, Nguyễn Thắng, Nguyễn Tương bị đày đi Buôn Ma Thuột và bị tăng thêm một năm án do tuyệt thực đấu tranh phản đối chế độ tàn bạo của nhà tù. Năm 1933, đồng chí Hồ Quang Cảnh đã hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh chống làm khổ sai tại nhà tù Buôn Ma Thuột.

Bất được nhiều đảng viên Cộng sản, phá được nhiều cơ sở yêu nước, dân áp được phong trào cách mạng, bọn thống trị ở Bình Thuận tỏ ra hí hửng với thắng lợi. Song trên mảnh đất giàu truyền thống yêu nước này, ngọn lửa cách mạng vẫn tiếp tục cháy âm ỉ. Cuộc đấu tranh tuy có nhiều khó khăn, gian khổ, bị địch khủng bố gắt gao, phong trào có lắng xuống, nhưng đảng viên còn lại có bước trưởng thành, giữ được ý chí chiến đấu, tiếp tục hoạt động móc nối cơ sở, duy trì đường dây liên lạc, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh mới rầm rộ sôi nổi hơn.

Sau thời gian bị khủng bố trắng, quân chúng cách mạng trong tỉnh cũng dần dần trở lại ổn định. Bất chấp hiểm nguy bà con tiếp tục giúp đỡ cách mạng dưới các hình thức. Qua cuộc đấu tranh, uy tín và ảnh hưởng của Đảng ngày càng lan rộng, ăn sâu. Trên đường đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc

phong kiến, giành cơm áo và độc lập dân tộc, sứ mệnh lịch sử của Đảng được quần chúng tiếp nhận một cách tự giác.

*

Sau những vụ khủng bố và diệt cộng sản không ngừng trong hai năm 1930 - 1931, tiếp đến là hạn hán mất mùa, nạn đói do họa, nhân dân Bình Định lâm vào cảnh cơ hàn. Nhiều cuộc biểu tình đòi cứu đói, chống bóc lột với nhiều hình thức khác nhau đã nổ ra. Có cuộc đấu tranh do nhân dân tự tổ chức, có cuộc đấu tranh do đảng viên lãnh đạo, tuy không thành công nhưng ngọn lửa căm thù đốt men tâm lý chờ dịp bùng lên.

Ở phủ Hàm Thuận và quận Hòa Đa, những tên tư sản Hồ Bắc Bích, Trần Trọng Dược lợi dụng phát "Công sản" đã khủng bố nhiều gia đình giàu có để làm tiền. Ai đấu lại cho chúng thì được trả hậu không bị khoan nhượng. Sau khi Trần Văn Năm Triệu kết xử về "tự trạng tham gia Công sản" kết án các đồng chí đảng viên và đây đi Bùn Mả Thuận, thì ông là lúc hàng trăm là đơn của quần chúng ở hai địa phương này khiếu nại tên tư sản Hàm Thuận, Hòa Đa ăn hối lộ. Trước những chứng cứ không thể chối cãi, tên Hồ Bắc Bích buộc phải cách chức Dược và Bích để mọi dân

CUỘC ĐẤU TRANH VẪN TIẾP DIỄN

Sau những vụ khủng bố ác liệt của bọn thống trị trong hai năm 1930 - 1931, tiếp đến là hạn hán mất mùa, nạn đói đe dọa, nhân dân Bình Thuận lâm vào cảnh cơ hàn. Nhiều cuộc biểu tình đòi cứu đói, chống bóc lột với nhiều hình thức khác nhau đã nổ ra. Có cuộc đấu tranh do nhân dân tự tổ chức, có cuộc đấu tranh do đảng viên lãnh đạo, tuy không thành công, nhưng ngọn lửa căm thù dôn nén âm ỉ, chờ dịp bùng lên.

Ở phủ Hàm Thuận và phủ Hòa Đa, những tên tri phủ Hồ Đắc Bích, Thân Trọng Dực lợi dụng bắt "Cộng sản" đã khủng bố nhiều gia đình giàu có để làm tiền. Ai dứt lót cho chúng thì được thả hoặc không bị kêu lên phủ đường hạch tội. Quần chúng vô cùng căm phẫn chúng. Sau khi Tòa án Nam Triều xét xử về "tội trạng tham gia Cộng sản" kết án các đồng chí đảng viên và đày đi Buôn Ma Thuột, thì cũng là lúc hàng trăm lá đơn của quần chúng ở hai địa phương này kiện các tên tri phủ Hàm Thuận, Hòa Đa ăn hối lộ. Trước những chứng cứ không thể chối cãi, tuần vũ Ngô Đình Diệm buộc phải cách chức Dực và Bích để mị dân.

Tháng 2-1934, số đảng viên cộng sản mãn hạn 3 năm tù như Nguyễn Gia Tú, Trần Hoàn... ra khỏi nhà lao Phan Thiết. Trước đó, các đảng viên bị tù ngắn hạn hơn đã trở về Đại Năm, Tam Tân. Hạt nhân lãnh đạo của Đảng ở cơ sở được tăng thêm. Được tin phái đoàn điều tra Công nhân Pháp tới Sài Gòn và sẽ ra Phan Thiết ⁽¹⁾, các đồng chí Nguyễn Gia Tú, Trần Hoàn... hướng dẫn gia đình các đồng chí Nguyễn Tương, Hồ Quang Cảnh bị tù ở Buôn Ma Thuột... cùng viết đơn kiến nghị gửi phái đoàn vạch tội ác của bọn thực dân ở thuộc địa trong cuộc khủng bố mấy năm qua, yêu cầu Chính phủ Pháp đại ân xá tù chính trị ⁽²⁾. Cuộc đấu tranh không đạt được kết quả. Bọn thực dân và Triều đình phong kiến ngăn cản không cho phái đoàn công nhân điều tra Pháp ra Bình Thuận. Lý do của chúng là Bình Thuận thuộc đất của Nam Triều ⁽³⁾.

- 1 (1) Theo sáng kiến của Đảng Cộng sản Pháp thành lập Ủy ban vận động đại ân xá tù chính trị tại Đông Dương". Phái đoàn do đồng chí Ga-bô-ri-an Pe-ri, Nghị sĩ Quốc hội dẫn đầu sang Đông Dương từ tháng 1-1934.
- 2 (2) Trong lúc đó ở Bình Thuận chưa biết tin đồng chí Hồ Quang Cảnh bị cai tù sát hại trong lúc đấu tranh chống khổ sai vào cuối năm 1933.
- 3 (1) Do chính sách chia để trị của thực dân Pháp, về hành chánh chúng coi "xứ" Nam kỳ là thuộc địa theo Hiệp ước 1884, Bắc kỳ là "xứ" bảo hộ trực tiếp và "xứ" Trung kỳ là bảo hộ quân chủ.

Mặc dù vậy, các đảng viên Cộng sản ở Bình Thuận không chịu bó tay. Các bản kiến nghị và đơn đòi ân xá chính trị phạm được tập hợp lại và cử người vào Sài Gòn tìm gặp phái đoàn Công nhân điều tra Pháp. Ở Sài Gòn lúc này, Đảng tổ chức một nhóm cán bộ hoạt động công khai hướng dẫn nhân dân gặp phái đoàn. Nhờ đó, những đơn kêu cứu của nhân dân Bình Thuận đến được phái đoàn, chính sách chia để trị của bọn thực dân không ngăn cản được ý nguyện của nhân dân.

Thời gian này đồng chí Nguyễn Gia Tú tuy ra tù vẫn bị quản thúc tại quê nhà, nhưng với bộ đồ nghề cắt tóc và với lý do kiếm sống, đồng chí đã đi nhiều nơi ở Hàm Thuận, Hàm Tân nhằm chấp nối lại số đảng viên cũ. Đồng chí còn liên lạc với số thanh niên tiến bộ như Phan Lợi, em của đồng chí Phan Xích ở Đại Năm, Lâm Đình Phúc ở Phú Mỹ... số đồng chí này trong phong trào đấu tranh những năm 1936 - 1939 đều trở thành lực lượng nòng cốt. Đồng chí Tú còn tập hợp một số quần chúng tốt khác không kể cũ hay mới bằng các hình thức tổ chức đội banh, góp tiền mua, đọc sách báo tiến bộ để quần chúng có cảm tình với Đảng ngày thêm đông.

Đến năm 1935, đồng chí Nguyễn Tương từ nhà tù Buôn Ma Thuật trở về Bình Thuận. Do bị tra tấn, đồng chí bị bệnh phải lo chạy chữa thuốc thang nên

không hoạt động được nhiều ; tuy vậy đồng chí vẫn tìm cách liên hệ góp ý kiến với số đảng viên đang hoạt động.

Lúc này, nổi băn khoăn lớn nhất của cơ sở Đảng ở Bình Thuận là làm sao bắt liên lạc được với cơ quan lãnh đạo cấp trên để nắm bắt đường lối và phương hướng hoạt động cho đúng. Bởi vì tình hình bên ngoài đang chuyển biến nhanh chóng.

Chủ nghĩa tư bản toàn thế giới đang lâm vào thời kỳ khủng hoảng mới (1). Để tìm lối thoát, bọn tư bản độc quyền dùng chủ nghĩa phát xít mở chiến tranh thế giới. Ở các nước Đức, Ý, với sự ủng hộ của các nhà tư bản tài phiệt, bọn phát xít lên cầm quyền tích cực chuẩn bị chiến tranh. Ở Nhật, bọn quân phiệt tiến hành xâm lược Trung Quốc, chuẩn bị mở rộng chiến tranh ra vùng Đông - Nam Á và Thái Bình Dương.

1 Từ 1930 - 1935, khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản đã ảnh hưởng đến kinh tế các nước thuộc địa. Ở Bình Thuận lúc này nhiều hàng hóa, nông sản bị thua lỗ, nhiều nhà tư sản dân tộc bị phá sản như Công ty Liên Thành (1934 mỗi cổ phần 50 đồng, được chia lãi 2,52. Năm 1935 bị lỗ). Trong nghề nước mắm, 125 tấn nước mắm 1930 giá thấp cũng bán được 40 đồng, nhưng 1932 chỉ còn 30 đồng. Giá gạo năm 1929, một tạ bán 11,53 đồng thì năm 1933 chỉ còn 3,2 đồng...

Trước tình hình đó, tháng 7-1935, Quốc tế Cộng sản họp Đại hội lần thứ VII. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu tham dự đại hội. Tháng 7-1936, căn cứ vào Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và xuất phát từ thực tế ở Đông Dương, Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở hội nghị nhận định : "Cách mạng Đông Dương chưa có thể trực tiếp đánh đổ thực dân Pháp và làm cách mạng ruộng đất ; chỉ đấu tranh chống phát xít và chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình" (1). Hội nghị đề ra Nghị quyết cấp bách, thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế rộng rãi bao gồm "các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau đấu tranh đòi những quyền lợi dân chủ đơn sơ : Tự do hội họp, tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do đi lại, xuất dương, ân xá hết chính trị phạm, ngày làm 8 giờ, các luật cho thợ thuyền, mở rộng các cơ quan kinh tế, tài chính, hội đồng quản hạt, viện dân biểu..." (2).

Sau hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, phong trào cách mạng trong nước có bước phát triển mới. Ở Sài Gòn, từ tháng 8-1936, phong trào Đông Dương đại

1 Những sự kiện lịch sử Đảng, tập 1, trang 369, NXB Sự thật Hà Nội, năm 1976.

2 Văn kiện Đảng 1930 - 1945, tập 2 trang 123.

hội được khởi xướng và qua báo chí công khai đã tác động đến Bình Thuận. Trong khi đó, cơ sở cách mạng trong tỉnh được khôi phục dần dần những năm 1934-1935, nay tiếp thu được phương hướng mới nên dấn sức lãnh đạo quần chúng đứng lên đấu tranh vì mục tiêu dân sinh, dân chủ. Đồng chí Lâm Đình Trúc, được cử ngay vào Sài Gòn để tìm hiểu nội dung và cách thức tổ chức phong trào Đông Dương đại hội. Về lại Phan Thiết, đồng chí Trúc cùng đồng chí Nguyễn Gia Tú thành lập một Ủy ban vận động Đông Dương đại hội tại Phan Thiết gồm 3 người : Nguyễn Gia Tú, cựu chính trị phạm, Lâm Đình Trúc trí thức và Tống Ngọc Cang, một nhà kinh doanh nước mắm có lòng yêu nước. Sau khi thành lập, Ủy ban đã cử đại diện đến gặp công sứ Pháp chính thức báo tin nhân dân trong tỉnh sẽ tổ chức Đông Dương đại hội. Nhưng tên công sứ viện cớ Bình Thuận là lãnh thổ của Nam triều, nên không cho tổ chức. Tuy vậy, đồng chí Nguyễn Gia Tú vẫn lợi dụng thời cơ bàn với các ủy viên trong Ủy ban đưa truyền đơn phân phát đến các gia đình có cảm tình với cách mạng để tập hợp thêm lực lượng mới, giác ngộ tinh thần yêu nước cho các tầng lớp nhân dân, thu hút quần chúng vào cuộc đấu tranh chống địch và bản thân các đồng chí có thêm kinh nghiệm trong hoạt động công khai hợp pháp với khẩu hiệu đòi: Ân xá tù chính trị, quyền tự do dân chủ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động... Đầu năm 1937,

Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cử phái viên Giuýt-xtanh Gô-đa đến điều tra tình hình thuộc địa ở Đông Dương. Một phong trào thu thập "dân nguyện" do Đảng phát động được đẩy lên nhiều nơi trong nước. Ở Bình Thuận, các tổ chức cơ sở Đảng phát động phong trào lấy ý kiến dân chúng trong các tầng lớp làm muối, thợ may, người đánh xe ngựa, tiểu thương, hàm hộ, chủ ghe, công chức, trí thức và những người lương thiện trong bộ máy lý hương ở thị xã và nông thôn. Những yêu sách của các giới được Ban vận động Đông Dương đại hội tập hợp lại để chuyển cho phái viên Gô-đa. Nhưng bọn thực dân phản động ở thuộc địa đưa Gô-đa từ Huế lên thẳng Đà Lạt nghỉ ngơi rồi về Sài Gòn mà không qua Phan Thiết. Do vậy, một lần nữa, những yêu sách của dân chúng Bình Thuận được đồng chí Lâm Đình Trúc trực tiếp đưa vào Sài Gòn để trao cho phái đoàn Gô-đa. Qua những cuộc đấu tranh vừa diễn ra, tinh thần đấu tranh của quần chúng trong tỉnh được khơi dậy. Nhằm tiếp tục phát triển phong trào, các cơ sở Đảng ở Bình Thuận phân công nhau đi vận động tổ chức bãi thị, đấu tranh đòi giảm thuế chợ, đòi cảnh sát không được phạt bữa bãi, giành lấy quyền lợi hàng ngày, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

Điển hình là cuộc đấu tranh chống tăng thuế chợ ở trung tâm tỉnh lỵ Phan Thiết. Nơi đây, tên chủ thầu thuế chợ thu thuế không theo quy định. Vào dịp Tết

Đình Sứ (1937), nó tăng thuế lên gấp đôi làm người nông dân, tiểu thương buôn bán rất bất bình. Trước tình hình đó, Ban vận động bãi thị được thành lập gồm các ông Phan Lợi, Lâm Đình Trúc, Tống Ngọc Cang do đồng chí Nguyễn Gia Tú lãnh đạo. Một cuộc bãi thị nổ ra đúng vào dịp Tết Thanh Minh (tháng 4-1937) kéo dài trong 3 ngày. Nhân dân trong phố trữ sẵn lương thực, thức ăn, những người đánh cá bán rong không đưa vào chợ. Nông dân không đưa hàng hóa vào thị xã. Các hiệu buôn đóng cửa. Xe ngựa không hoạt động. Chợ búa, phố xá vắng lặng... Hoảng sợ, tên công sứ Bình Thuận buộc phải thông báo bắt tên chủ thầu chợ Phan Thiết chỉ thu thuế một lần, mức thuế được hạ xuống và cảnh sát cũng hạ tiền phạt và không được phạt vô cớ nữa.

Cuộc đấu tranh bãi thị giành thắng lợi, có tiếng vang, nó làm tăng thêm uy tín của Đảng Cộng sản và quần chúng cách mạng càng tin vào khả năng đấu tranh cho quyền lợi của bản thân mình.

Kinh qua đấu tranh, nhiều quần chúng nòng cốt của Đảng được thử thách, được đồng chí Nguyễn Gia Tú tuyên truyền về Đảng. Lúc bấy giờ, trong khi chưa bắt được liên lạc với cấp trên, đồng chí Nguyễn Gia Tú, nhân danh một đảng viên cũ và căn cứ vào thực tế của tổ chức Đảng ở Bình Thuận, đã tuyên bố kết nạp Lâm Đình Trúc, Phan Lợi vào Đảng Cộng sản và

lập thành một tổ Đảng, do đồng chí Tú làm tổ trưởng. Từ những đảng viên này, ở Hàm Thuận, các đồng chí phát triển được nhiều cơ sở Đảng.

Tháng 8 năm 1937, một sự kiện chính trị mới lại đến : Viện Dân biểu Trung kỳ mãn nhiệm kỳ, chuẩn bị bầu cử lại. Qua báo chí công khai nắm được chủ trương của Đảng lợi dụng thời cơ này để tuyên truyền chương trình Mặt trận dân chủ, các đồng chí đảng viên ở Bình Thuận xúc tiến vận động đưa người có cảm tình với Đảng vào cơ quan này của địch. Cũng như các cuộc đấu tranh trước, một Ban vận động gồm các thành phần trí thức, những người hữu sản có tinh thần yêu nước được thành lập. Theo quy chế của Nghị viện Trung kỳ, tỉnh Bình Thuận được bầu 2 đại biểu : Một đại biểu dành cho khối nhân dân mà cử tri và người ứng cử phải là viên chức, hào mục các làng, xã... và một đại biểu đại diện cho khối thương gia mà ứng cử viên cũng như cử tri phải là những người thương gia, thầu khoán và nhà kinh doanh có môn bài lớn. Sau một thời gian chuẩn bị, khối nhân dân có 4 ứng cử viên : Ông Huỳnh Khánh Tông, Trần Công Định, Phan Lý Ngụ... Khối thương gia chỉ có ông Huỳnh Văn Dậu. Khi biết được ứng cử viên hai khối, tại nhà một quần chúng đánh xe ngựa ở Trinh Tường, các đồng chí đảng viên Bình Thuận bàn chọn người để ủng hộ ra ứng cử, người đó có đủ điều kiện, uy tín, năng lực đánh bại người của bọn thống trị đưa ra. Ông Huỳnh Khánh

Tông hiệu trưởng trường tư ở Phan Rí và ông Huỳnh Văn Dâu, một cổ động viên của Công ty Liên Thành, là hai trí thức yêu nước có tham gia hoạt động phong trào trong năm 1936 được Đảng ủng hộ.

Cuộc vận động ủng hộ hai ứng cử viên được Đảng lựa chọn với nhiều hình thức, như : đi sát cử tri để tuyên truyền vận động, tổ chức mít tinh hoặc rải truyền đơn, biểu ngữ... Thông qua các cốt cán và quần chúng có cảm tình với Đảng, các đảng viên đã tổ chức một cuộc mít tinh tại rạp hát Moderne (nay là rạp Măng Non) ở đường Gia Long (nay là đường Nguyễn Huệ - Phan Thiết), để hai ứng cử viên được Đảng ủy hộ ra mắt với bản chương trình hành động thực thi khi trúng vào Viện dân biểu Trung kỳ. Cuộc vận động này còn được tổ chức ở phủ Hàm Thuận, phủ Hòa Đa và huyện Hàm Tân... Đồng thời để tỏ thái độ ủng hộ của Đảng, đồng chí Nguyễn Gia Tú còn nhân danh một cựu chính trị phạm ra truyền đơn hô hào cử tri tập trung phiếu cho người của Mặt trận dân chủ.

Qua kết quả bầu cử, ông Huỳnh Khánh Tông có giành được nhiều phiếu ở Tam Tân, Lagi, nhưng không hơn số phiếu của người do chính quyền thống trị đưa ra. Chỉ có một mình ông Huỳnh Văn Dâu trúng cử. Vào viện Dân biểu Trung kỳ, trung thành với chương trình tranh cử được Đảng Cộng sản ủng hộ, ông Dâu đã tích cực phối hợp với các dân biểu khác ở trong Mặt trận dân chủ đấu tranh làm thất bại dự án tăng

thuế của bọn thống trị khi chúng đưa ra thông qua Viện Dân biểu Trung kỳ năm 1938 ⁽¹⁾.

Sau cuộc tuyển cử thắng lợi, không khí đấu tranh của quần chúng cách mạng tiếp tục phát triển. Công nhân nhà máy đèn Phan Thiết đòi thành lập thêm kíp lao động, trả lương ngày chủ nhật. Sợ nổ ra cuộc đình công lớn, công sứ Bình Thuận chỉ thị cho chủ nhà đèn thỏa mãn yêu sách của công nhân. Những người làm muối ở Duồng (Hòa Đa), Cửa Cạn (Hàm Tân), Trinh Tường (Hàm Thuận, nay thuộc Phan Thiết)... cũng đòi bọn chủ thầu muối phải thu mua muối đúng giá thị trường và không được bán muối giá cao, ăn quyt người tiêu thụ. Được sự lãnh đạo của cơ sở Đảng và được dân biểu Huỳnh Văn Dậu kịp thời can thiệp, cuộc đấu tranh của những hộ làm muối ở Trinh Tường giành thắng lợi, buộc bọn chủ thầu phải tăng giá từ 16 xu lên 2,50 đồng một tạ.

Cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ những năm 1937, 1938 được anh em xe kéo, xe ngựa và lao động làm công ở các hầm hộ lớn hưởng ứng. Ở Phan Thiết,

1 Theo đồng chí Trần Ngọc Trác ? Ông Huỳnh Văn Dậu không trúng cử vào Viện dân biểu Trung kỳ, nhưng được đồng chí Nguyễn Gia Tú vận động đưa ông Dậu ra ứng cử vào Hội đồng Kinh tế lý tài Đông Dương và trúng cử. Theo quy định của Pháp lúc bấy giờ ai trúng cử vào Hội đồng Kinh tế lý tài Đông Dương đương nhiên là đại biểu Viện dân biểu Trung kỳ.

chủ xe kéo đã giảm cho thuê từ 50 xu xuống 30 xu một xe. Các chủ thùng lều phải chấp nhận gần hết các yêu sách chính đáng của người lao động. Ở Bình Thuận, thời gian này, cùng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, các Hội ái hữu thợ may, thợ cắt tóc, người đánh xe ngựa lần lượt ra đời nhằm tập hợp lực lượng để đấu tranh với chủ vì quyền lợi lao động cho mình và phối hợp đấu tranh với các giới lao động khác, qua đó đã tạo nên sức mạnh đoàn kết của những người lao động. Đáng chú ý là cuộc đấu tranh của hơn 100 đại biểu Hội ái hữu xe ngựa do đồng chí Nguyễn Gia Tú cùng các đồng chí khác vận động tập hợp tại chùa Long Hải (Phan Thiết) đình công 3 ngày liền đòi cảnh sát không được phạt vô cớ, đòi giảm thuế và đòi quy định bến đỗ xe đón khách. Trong 3 ngày anh em xe ngựa đình công, sinh hoạt trong thị xã gặp nhiều khó khăn như khan hiếm thực phẩm lương thực, giao thông gần như đình trệ (lúc này xe ngựa là phương tiện giao thông chính). Cuối cùng tên công sứ Bình Thuận phải chấp nhận yêu sách của anh em.

Cùng thời gian này, ở Bình Thuận, vai trò báo chí công khai, hợp pháp của Mặt trận dân chủ phát triển, được đảng viên trong tỉnh chú trọng khai thác, sử dụng cổ vũ phong trào đấu tranh. Tiệm sách báo Việt Sơn do một quần chúng cảm tình với Đảng làm việc tại Công ty Liên thành mở tại đường Gia Long (nay là đường Nguyễn Huệ) Phan Thiết là nơi phát hành các

báo chí công khai của Đảng. Tại đây, đồng chí Lâm Đình Trúc, với tấm thẻ cổ động viên báo chí, đã thường xuyên tiếp xúc với các tầng lớp quần chúng thợ thuyền, viên chức, thanh niên, học sinh... đến đọc sách báo, cổ động viết bài đăng trên các báo chí công khai để đấu tranh cho quyền lợi của nhân dân lao động.

Cùng với lãnh đạo đấu tranh đòi dân chủ, dân sinh của các giới lao động ở thị xã, thị trấn, phong trào đấu tranh của nông dân ở nông thôn cũng được các cơ sở Đảng Bình Thuận đặc biệt quan tâm. Nổi rõ là cuộc đấu tranh của nông dân ở vùng Ngã Hai (Hàm Thuận - nay thuộc huyện Hàm Thuận Nam) chống tên Cát-xê (Catset) độc quyền nước ở đập Đồng Đế bắt nông dân phải nộp "tô nước". Vùng đất này, từ xưa nông dân khai thác đất sản xuất và cùng nhau đắp đập Đồng Đế, vét mương dẫn nước từ vùng núi Tà Cú về để làm ruộng. Khi tên Cát-xê chiếm vùng đất từ cây số 16 đến cây số 19 quốc lộ I (Phan Thiết đi Sài Gòn) lập đồn điền, hắn chiếm luôn đập Đồng Đế và bán nước cho nông dân tưới ruộng. Nắm được nguyện vọng của nông dân vùng này, tổ Đảng phân công đồng chí Lâm Đình Trúc cùng một số cốt cán vận động bà con nông dân trực tiếp đấu tranh với tên Cát-xê. Ngày 14-2-1937 (mồng 4 Tết ⁽¹⁾), gần 400 nông

1 Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thuận Hải, xuất bản 1984, trang 90 : Cuộc đấu tranh của nông dân vùng Ngã Hai phá đập Đồng Đế vào đầu năm 1938.

dân cùng với cuộc xẻng, dao rựa xông đến phá đập cản nước, làm cho Cát-xê và bọn tay chân không dám chống cự.

Từ thắng lợi của nông dân Ngã Hai, đồng chí Lâm Đình Trúc hướng dẫn bà con nông dân người Kinh, người Chăm ở phủ Hòa Đa và huyện Phan Lý đứng lên chống tên Lãng-lê (Langlet) chủ đập nước Đồng Mới (Sông Lũy), buộc tên địa chủ người Pháp này và người đỡ đầu của hắn là tên công sứ phải thỏa mãn yêu sách đòi giảm "tô nước" của nông dân.

Phát huy thắng lợi, được sự phân công của cơ sở Đảng, đồng chí Nguyễn Gia Tú vào Hàm Tân gặp các đồng chí là đảng viên thời kỳ 1930 - 1931 ở đây như Lê Thanh Lư, Lê Chạy vận động nông dân các làng Tam Tân, Phong Điền, Hiệp Nghĩa đấu tranh đòi Thông Kỳ giảm 30% số tô nông dân phải nộp. Là một địa chủ gian xảo tàn ác có chỗ dựa là công sứ Bình Thuận, nhưng sợ vụ mùa đã đến mà không có tá điền nào thuê mướn ruộng của y, nên Thông Kỳ cũng buộc phải thỏa mãn yêu cầu của nông dân Hàm Tân.

Cùng với các cuộc đấu tranh diễn ra nhiều nơi trong tỉnh, tháng 7-1937, phong trào đấu tranh trong ngành đường sắt phía Nam do tổ chức Đảng trong ngành lãnh đạo từ Sài Gòn cũng nổ ra và được công nhân thuộc hệ thống đường sắt từ Tháp Chàm (Ninh

Thuận) đi Mường Mán (Bình Thuận), Di An (Biên Hòa) và cả tuyến Tháp Chàm đi Đà Lạt (Lâm Đồng) nhiệt tình hưởng ứng. Ở Bình Thuận, trong phong trào đấu tranh của công nhân ga Mường Mán và các ga khác, đáng chú ý là cuộc đấu tranh của công nhân ga Sông Lòng Sông thuộc huyện Tuy Phong. Ở đây, hơn 200 công nhân đình công gần một tuần lễ đòi tăng lương 10% và đòi đổi tên xếp ga Erunetrau đi nơi khác. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi, yêu sách của công nhân được giải quyết.

Nhưng vào thời gian này, giữa lúc cuộc đấu tranh dân sinh, dân chủ đang phát triển rộng khắp, Đảng tập hợp được nhiều quần chúng trực tiếp đấu tranh với địch thì tình hình thế giới chuyển biến xấu đi. Mùa thu 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Sau khi chiếm các nước Áo, Tiệp Khắc, ngày 1 tháng 9 năm 1939 Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau đó, Anh - Pháp tuyên chiến với Đức. Đông Dương thuộc địa của Pháp cũng bị lôi cuốn vào cuộc chiến. Tại Pháp, ngày 25-9-1939, Chính phủ phản động ra lệnh giải tán Đảng Cộng sản, đàn áp cách mạng trong nước và ở các nước thuộc địa. Các hành động bắt bớ, khám xét, đóng cửa báo chí công khai tiến bộ, giải tán các tổ chức quần chúng, xóa bỏ các quyền lợi dân sinh, dân chủ của nhân dân mới giành được diễn ra khắp nơi trong nước Pháp và ở Đông Dương.

Chính vì vậy, đồng chí Nguyễn Gia Tú trên đường vào Tòa soạn báo Dân chúng ở Sài Gòn được báo tin địch đã khủng bố và đặt ra vấn đề "cần lo liệu trước tình hình mới..." (1), vội quay về Phan Thiết và được tin chúng khám xét nhà đồng chí Lâm Đình Trúc và một số quần chúng thuộc tầng lớp trí thức, hữu sản, hoạt động hợp pháp bị gọi đến Sở Mật thám thẩm vấn. Dân biểu Huỳnh Văn Dậu cũng bị mật thám răn đe.

Trước tình hình đó, một vấn đề đặt ra là phải bảo toàn cơ sở. Lâm Đình Trúc đã tránh lánh, tổ Đảng còn hai đồng chí bàn bạc với nhau : Phan Lợi đi Tánh Linh thông báo tình hình cho cơ sở rút vào bí mật, Nguyễn Gia Tú ra các tỉnh phía Bắc tìm bắt liên lạc với Đảng. Chuyến đi của đồng chí Tú không có kết quả, khi về lại biết tin Lâm Đình Trúc bị địch bắt bèn cùng đồng chí Lợi thông báo cho cơ sở đề phòng, đồng thời bố trí đồng chí Lợi chưa bị lộ vẫn hoạt động ở vùng Đại Năm (Hàm Thuận, nay thuộc Phan Thiết), đồng chí Tú đã bị lộ phải rút vào rẫy Thơm sau làng Tuy Hòa, liên lạc chỉ đạo qua cốt cán với các nơi khác.

Tuy cuộc khủng bố của địch chỉ phá vỡ một phần tổ chức cơ sở cách mạng ở Bình Thuận, nhưng do không liên lạc được với Đảng, không tiếp nhận được

1 Do một đồng chí cán bộ báo chí của Đảng hoạt động công khai báo tin cho đồng chí Tú.

chủ trương đường lối mới của trên, nên đảng viên, cốt cán trong tỉnh bị động, phong trào dần dần lắng xuống.

Tháng 2-1940, Xứ ủy Trung kỳ họp hội nghị tại Thuận An (Huế) nghiên cứu Nghị quyết 6 Trung ương Đảng, đề ra kế hoạch công tác trong giai đoạn mới : "Mặt trận dân chủ thích hợp với hoàn cảnh trước kia, ngày nay không còn thích hợp nữa. Ngày nay, phải thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để đấu tranh chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập" (1). Tháng 7-1940, Xứ ủy Trung kỳ cử đồng chí Trần Hữu Dực, Xứ ủy viên vào phụ trách các tỉnh miền Nam Trung kỳ. Đồng chí Dực đặt cơ quan lãnh đạo tại tỉnh Ninh Thuận và cho in tờ báo "Chiến thắng" để tuyên truyền chỉ đạo hoạt động của Đảng đối với các tỉnh trong vùng.

Từ Tháp Chàm (Ninh Thuận), đồng chí Trần Hữu Dực cử người vào Ma Lâm chấp nối liên lạc với cơ sở Đảng ở Bình Thuận, sau đó đồng chí trực tiếp vào Bình Thuận gặp đồng chí Nguyễn Tương tại Bình An (Hàm Thuận). Được truyền đạt đường lối của Đảng về thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế, tuy đang bị quản thúc, đồng chí Nguyễn Tương tìm đến Trần Hoàn, Phan Lợi là hai đảng viên trước đây để

1 Trích văn kiện Đảng, tập III, trang 34.

bản công tác. Việc đầu tiên là phân công nhau đi tuyên truyền, nắm lại cơ sở ở thị xã Phan Thiết (đường Đồng Khánh, nay là đường Trần Phú), đường Quai de la Saumure nay là đường Trung Trắc, đường Quai de Charpentier nay đường Trung Nhi, ở làng Trinh Tường và các làng thuộc Hàm Thuận như : Bình An, Đại Năm..., chuẩn bị thành lập hệ thống tổ chức đáp ứng yêu cầu tình hình, nhiệm vụ mới. Sau chuyển đi của đồng chí Trần Hữu Dực, báo "Chiến thắng" từ rẫy Sông Quao (Ninh Thuận) theo đường dây liên lạc chuyển vào cho các đồng chí Tương, Hoàn, Lợi. Đồng chí Trần Hữu Dực còn móc nối xây dựng cơ sở ở Tuy Phong.

Ngoài mối liên hệ do đồng chí Trần Hữu Dực chấp nối với đồng chí Nguyễn Tương, lúc này còn có các đồng chí đảng viên từ tỉnh ngoài vào hoạt động ở thôn Khánh Hội (Ninh Thuận) tìm đến một số gia đình quen biết ở Phan Thiết, Lagi (Hàm Tân) để xây dựng cơ sở cách mạng nhưng không thành.

Đầu 1941, do các tỉnh ngoài Trung kỳ phong trào bị vỡ, địch biết được địa bàn đồng chí Trần Hữu Dực đang hoạt động nên tổ chức mật thám vào Ninh Thuận dò la tìm bắt. Biết được âm mưu của địch, đồng chí Trần Hữu Dực và tổ chức Đảng càng hoạt động bí mật hơn. Tuy nhiên, do một liên lạc ở Tuy Phong bị địch bắt trong khi có mang tài liệu và báo Chiến Thắng, nên bị chúng tra tấn hết sức tàn nhẫn. Chịu đựng

không nổi, người liên lạc đã khai ra chỗ ở của đồng chí Trần Hữu Dục và ngày 9-9-1941, mật thám Phan Thiết bí mật ra bắt đồng chí tại rẫy Sông Quao (Ninh Thuận). Bọn trùm mật thám ở Nha Trang, Đà Nẵng, Huế được tin báo cáo đều vội vã vào Phan Thiết khai thác. Bị kẻ thù dùng mọi cực hình tra tấn, nhưng đồng chí Trần Hữu Dục vẫn không khai báo điều gì với chúng và cuối cùng chúng phải kết án đồng chí. Không khai thác được gì ở đồng chí Trần Hữu Dục, địch ra lệnh bắt hết số đảng viên là can phạm chính trị trước đây như đồng chí Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Tương, Trần Hoàn, Phan Lợi tra tấn để tìm ra manh mối. Nhưng trước sau những người cộng sản Bình Thuận vẫn giữ vững khí tiết cách mạng của mình.

Tháng 2-1942, địch đày các đồng chí Trần Hữu Dục, Nguyễn Tương, Phan Lợi, Trần Hoàn với những án tù 5 năm, 2 năm đi nhà lao Buôn Ma Thuột và đưa đồng chí Nguyễn Gia Tú đi trại tập trung Ly Hy (Thừa Thiên).

Có thể nói, những năm đấu tranh trong phong trào Mặt trận dân chủ và được các đồng chí Xứ ủy Trung kỳ vào lãnh đạo lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế, phong trào cách mạng Bình Thuận vẫn tiếp tục gây được cơ sở, phát triển lực lượng, liên hệ với quần chúng và trong mỗi thời kỳ, với mức độ khác nhau, đều chuyển hướng theo đường lối cách mạng giải phóng

dân tộc của Đảng. Đồng thời càng bị kẻ thù khủng
bố, tù đày, các đảng viên Bình Thuận càng ngời sáng
ý chí cách mạng, tạo cho quần chúng lòng tin đi theo
Đảng, vượt qua mọi thử thách gay go, gian khổ trong
cuộc đấu tranh với kẻ thù.

Sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc
sang Đông Âu, Liên Xô, China, Pháp và ở Đông Dương
thực dân Pháp mở ra cho nhân dân Việt Nam một
tình hình cách mạng trong nước ngày càng phát triển.
Chiến tranh Pháp - Xiêm (Thái Lan) do Nhật đạo diễn
tại vùng biên giới Xiêm - Cao Miên (Cambodia) Xiêm
lao gây nhiều tác động đối với các tỉnh Nam Kỳ và
Nam Trung Kỳ.

Sự kết thúc hai thế kỷ phân độn Nhật -
Pháp đưa nhân học lật nhào hẳn ta về phía về chủ
chiến tranh để làm cho dân tộc Việt Nam ngày càng
xác định chỉ có một con đường cách mạng thì sống,
không cách mạng thì chết.

Ở Trung Kỳ, tháng 10-1941, Trung ương chuẩn lập
Xứ ủy mới do đồng chí Lê Chương phụ trách bí thư.
Đồng chí Trương Hoàn, nữ ủy viên, được cử vào Ninh
Thuận thay đồng chí Trần Hữu Dực (vua bị địch bắt).
Chỉ đạo phương trào cách mạng Nam Trung bộ. Mang
theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 8
(khóa I), chương trình của Mặt trận Việt Minh và chủ
trương của Xứ ủy, đồng chí Trương Hoàn vào công Mỹ

CHƯƠNG III

LỊCH SỬ SANG TRANG

Sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai lan rộng sang Đông Âu, Liên Xô, Châu Phi... và ở Đông Dương thực dân Pháp mở cửa cho phát xít Nhật tràn vào, tình hình cách mạng trong nước ngày càng khẩn trương. Chiến tranh Pháp - Xiêm (Thái Lan) do Nhật đạo diễn tại vùng biên giới Xiêm - Cao Miên (Campuchia) Xiêm-Lào gây nhiều tác động đối với các tỉnh Nam kỳ và Nam Trung kỳ.

Sự cấu kết giữa hai thế lực phản động Nhật - Pháp hòa nhau bóc lột nhân dân ta để phục vụ cho chiến tranh đã làm cho dân tộc Việt Nam ngày càng xác định chỉ có một con đường "Cách mạng thì sống, không cách mạng thì chết".

Ở Trung kỳ, tháng 10-1941, Trung ương thành lập Xứ ủy mới do đồng chí Lê Chương phụ trách bí thư. Đồng chí Trương Hoàn, xứ ủy viên, được cử vào Ninh Thuận thay đồng chí Trần Hữu Dục (vừa bị địch bắt) chỉ đạo phong trào cách mạng Nam Trung bộ. Mang theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 (khóa I), chương trình của Mặt trận Việt Minh và chủ trương của Xứ ủy, đồng chí Trương Hoàn vào tổng Mỹ

Tương (Ninh Thuận) hoạt động. Một thời gian ngắn, đồng chí Trương Hoàn được lệnh ra Quảng Nam nhận nhiệm vụ khác và đồng chí Trần Xuân Miên vào thay.

Tại Bình Thuận, sau vụ bắt bớ của thực dân Pháp vào tháng 9-1941, nhiều đảng viên và quần chúng cách mạng bị tù đày, giam cầm, khống chế, phong trào từng nơi bị lắng xuống. Tuy vậy ở Hòa Đa, Tuy Phong, do mối liên hệ làm ăn, quen biết, một số đảng viên bị dịch theo dõi ở các tỉnh ngoài vào đây tránh lánh và tiếp tục hoạt động, nên phong trào vẫn được phát triển. Như năm 1942, anh Trương Đình Long ở Quảng Nam vào nhà bà con ở Phan Rí Cửa đã liên hệ với một số thanh niên cảm tình với cách mạng, thành lập nhóm Việt Minh 5 người : Ngô Độc, Ngô Vinh, Võ Hữu Đức... Đầu năm 1943, địch phát hiện số anh em này hoạt động yêu nước, chúng bắt 4 người giam ở Phan Thiết. Riêng anh Ngô Vinh thoát được, lánh vào Sài Gòn. Ở Bình Thạnh, Long Hương, một số thanh niên như các anh Huỳnh Táng, Trần Ngọc Trác... sau khi được tiếp xúc với chương trình Việt Minh đã họp thành "nhóm những người có lòng" hoạt động từ thiện, như tổ chức đoàn hát ủng hộ miền Bắc bị bão lụt... Trong khi đó, anh Võ Đăng, y tá Bệnh viện Phan Thiết, cơ sở của đồng chí Nguyễn Tương, cũng về hoạt động bí mật ở Long Hương. Ở Hàm Tân, phong trào đấu tranh tự động của quần chúng vẫn nổ ra, như năm 1943 anh Ngô Quang Minh dạy học ở trường Phong Điền viết

bài đăng trên báo "Tiếng Dân" tố cáo nền giáo dục lệ thuộc và lương bổng giáo viên không đủ sống. Bên cạnh đó, một nhóm thi xã, truyền bá quốc ngữ, hội banh có tinh thần yêu nước ra đời ở Lagi, Phong Điền, Tam Tân... Ở Hàm Thuận, cuối năm 1943, một số người yêu nước ở Phan Thiết hiểu biết về Việt Minh như anh Nguyễn Kim Đông... lên Hàm Thuận bán lượ, mua bông, đã tuyên truyền Việt Minh, móc nối lại một số cơ sở như các ông Tiểu Nghi, Ngô Mân... và đến tháng 5-1945 các làng Phú Hội, Phong Năm, Kim Ngọc, Ma Lâm, Mũi Né đều có cơ sở của Việt Minh.

Tuy vậy, từ năm 1941 đến đầu năm 1945, phong trào cách mạng ở Bình Thuận vẫn còn nhiều khó khăn. Sau khi Pháp đầu hàng Nhật, quân Nhật đưa lực lượng chốt giữ ở Lăng Cô - Xóm Chùa (xã Tam Thanh - Phú Quý) để đặt máy thông tin theo dõi tình hình báo cáo về Bộ chỉ huy đóng ở Sài Gòn, Cam Ranh và dùng bộ máy cai trị của thực dân Pháp đàn áp cách mạng và cung ứng nhân lực, tài nguyên cho chúng. Đồng thời, nhân thế suy yếu của thực dân Pháp, bọn phát xít Nhật cũng đục nước, béo cò nắm một số mặt kinh tế ở Bình Thuận, như cho Công ty Mít-su-bi-si chiếm hăng (Cá bạc" của tên Gơ-ran-van ở Bình Hưng (Phan Thiết), lập nhà băng ở Phan Thiết do tên Sáu Ngọ làm chủ, lập sở khai thác gỗ ở Tánh Linh... Cùng với lũng đoạn kinh tế, chúng tuyên truyền thuyết "Người châu Á của người châu Á" để lừa mị nhân dân. Chúng

xây dựng các loại tay sai, lập lực lượng thanh niên phòng vệ ở Phú Quý và một số nơi khác để hậu thuẫn cho ách thống trị của chúng. Thấy chủ Pháp thất thế, một số tên tay sai rắp tâm hòa theo cung phụng chủ mới là phát xít Nhật.

Khi Nhật chiếm cứ Đông Dương, bên ngoài Pháp tỏ vẻ đầu hàng, nhưng bên trong chúng cố tập hợp, lôi kéo người Đông Dương chống lại Nhật nhằm bảo vệ ách thống trị tàn của chúng. Đầu thập kỷ 1940, Pháp thành lập trường cao đẳng thể dục Đông Dương (ESEPIC) ở Giồng Táo (phía Nam thị xã Phan Thiết) làm trung tâm đào tạo huấn luyện viên cho thanh niên 5 xứ : Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai Lao và Cao Miên (Campuchia). Sau đó, chúng lại mở tiếp trường cao đẳng thanh niên Đông Dương (ESCJIC) gần khu vực trường ESEPIC. Cạnh đó, dưới dõng Căng ESEPIC (nay thuộc phường Đức Long), chúng mở một trường đào tạo cán bộ thanh niên (EPCJ) dành riêng cho thanh niên Bình Thuận. Ở các trường này, với nội dung huấn luyện cách cắm trại, tham quan, luyện tập thể dục, hoạt động từ thiện, thành lập các đội banh và với khẩu hiệu : "Có yêu Tổ quốc Việt Nam, mới yêu nước Pháp", chúng âm mưu ru ngủ các tầng lớp thanh niên quên đi nỗi đau khổ của dân tộc Việt Nam đang rên xiết dưới 3 tầng áp bức : Nhật - Pháp - Phong kiến và thờ ơ trước phong trào đấu tranh cứu nước đang lan rộng khắp nước và ngày càng trở nên cấp bách.

Năm 1943, Mỹ mở mặt trận Thái Bình Dương tấn công quân đội Nhật trên biển và cả trên đất liền. Năm 1944, Nhật đưa quân vào miền Nam nước ta. Chiến tranh giữa Nhật - Mỹ cũng diễn ra nhiều nơi ở Bình Thuận. Hàng ngày từ 7 giờ 30, máy bay Mỹ lấy đảo Phú Quý làm chuẩn bay vào ném bom bắn phá Tháp Chàm, Cam Ranh, Sài Gòn... và khoảng 10 giờ chúng bay qua Đảo để về căn cứ. Cứ mỗi lần như vậy, chúng thường trút bom đạn còn dư xuống Đảo giết chết nhiều người dân thường vô tội. Máy bay Mỹ khống chế tuyến đường sắt, đường bộ và đường biển, không cho quân Nhật chở quân, chở hàng từ Bắc vào Nam và ngược lại. Trên vùng biển Tuy Phong, Phan Thiết thường xảy ra các trận đánh nhau giữa Nhật và Mỹ, cản trở việc đi biển của ngư dân. Trên đất liền, máy bay Mỹ thường bắn phá các ga xe lửa, các đoàn tàu, đoàn xe của Nhật và chúng bắn cả vào khu vực chế biến hải sản của Công ty Mít-si-bi-si ở Phan Thiết. Bom đạn của hai tên đế quốc đã tàn phá xóm làng, giết hại nhân dân ta, gây cảnh đau thương, tang tóc. Lúc này, bọn Pháp không những không dám chống lại Nhật mà còn giữ vai trò tay sai đắc lực cho phát xít Nhật khủng bố diên cuồng những người Cộng sản và phong trào cách mạng. Nhiều tên lợi dụng tình hình Nhật - Mỹ đánh nhau ra sức vợ vét bóc lột làm giàu trước khi bị phát xít Nhật hoàn toàn loại bỏ. Ở Bình Thuận, tên "Môn"

công sứ Phan Thiết, với ảo tưởng thực dân Pháp sẽ khôi phục độc quyền cai trị như cũ, nên đã dùng tiền bạc, hàng hóa mua chuộc lôi kéo một số tư sản, công chức giàu có để phục vụ mưu đồ chính trị sau này của y.

Nhưng tình hình không như bọn chúng ảo tưởng. Mâu thuẫn đối kháng giữa Nhật và Pháp ngày càng gay gắt. Tình thế khốn quẫn của Nhật ở Thái Bình Dương và nỗi lo sợ hậu họa của Pháp ở sau lưng khi quân Đồng Minh tiến vào đã buộc Nhật phải làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp đêm 9-3-1945.

Ở Bình Thuận, đêm 9-3-1945, lính hiến binh Nhật đã bắt công sứ "Môn", giám binh, trùm mật thám cùng nhiều chủ công sở, quan chức, sĩ quan quân đội người Pháp ở Phan Thiết, Hòa Đa, Tuy Phong. Ở đảo Phú Quý khoảng 10 giờ sáng ngày 9-3-1945, tên sĩ quan quân đội Nhật ra lệnh bắt tên trung úy Pháp chỉ huy trung đội lính khố xanh giải về Sài Gòn. Ở vùng Tánh Linh, quân Pháp chạy trốn sang bên kia sông La Ngà, quân Nhật đưa xe chở binh lính lên đuổi theo rồi rút về lại.

Hết cảnh Pháp xong, Nhật lập chính phủ bù nhìn thân Nhật Trần Trọng Kim. Nhằm lập công với chủ mới, Bảo Đại cũng tuyên bố "Việt Nam độc lập, xóa bỏ các hiệp ước đã ký với Pháp và sẽ hợp tác thân

thiện Việt - Nhật để xây dựng khối thịnh vượng chung Đại Đông Á". Ở nhiều nơi, số tay chân lâu nay thân Nhật nhẩy ra công khai làm tay sai cho chúng. Bọn quan lại Nam triều ở Bình Thuận tổ chức mít-tinh ăn mừng độc lập (?). Trương Gia Kỳ Sanh (Trúc Viên) đăng đàn diễn thuyết tại Phan Thiết kêu gọi dân chúng ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim.

Để tăng cường chính quyền tay sai, Nhật đưa Huỳnh Dư, một giáo học ở Quảng Nam vào thay tuần vũ Phạm Phú Tiết làm tỉnh trưởng Bình Thuận ⁽¹⁾ và lập bộ máy tay sai thân Nhật các cấp.

Mặc dù vậy, trước thế thắng như chẻ tre của Liên Xô và các lực lượng chống phát xít, quân đội Nhật mất tinh thần, hoang mang, rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim không còn hiệu lực. Được tin phát xít Đức đầu hàng Đồng Minh không điều kiện, nhiều nơi trong nước, ngọn lửa cách mạng thổi bùng lên cao. Theo lời hiệu triệu của Việt Minh, nhiều cuộc mít-tinh, biểu tình của quần chúng diễn ra trước mắt quân đội Nhật và chính quyền bù nhìn. Tình thế cách mạng trực tiếp đang chín muồi.

Nhưng vào thời gian này, ở Bình Thuận, phong trào cách mạng vẫn còn khó khăn. Sau thời kỳ Mặt

1 Với chính sách đoàn kết dân tộc, sau này Đảng ta đưa ông Phạm Phú Tiết ra công tác ở Tòa án Liên khu 5 và ông Huỳnh Dư làm công tác bình dân học vụ của Liên khu 5 trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

trận dân chủ, các đảng viên bị địch khủng bố gắt gao. Đường dây liên lạc với Xứ ủy Trung kỳ bị đứt. Thiếu sự lãnh đạo của Đảng, phong trào quần chúng bị lắng xuống. Mãi tới sau ngày Nhật đảo chính, phong trào mới trở lại sôi động. Tháng 4 năm 1945, đồng chí Nguyễn Gia Tú từ trại tập trung Ly Hy (Thừa Thiên) trở về Bình Thuận. Tiếp đó các đồng chí bị giam ở nhà tù Buôn Ma Thuật gồm : Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Nhơn, Nguyễn Chúc, Thái Hựu là đảng viên quê ở tỉnh khác cùng đồng chí Nguyễn Tương về Bình Thuận hoạt động. Theo sự hướng dẫn của đồng chí Nguyễn Tương, khi về đến làng Tuy Hòa (nay là xã Hàm Đức), các đồng chí vào ở nhà chị Tư Quán là một cơ sở cách mạng tin cậy được thử thách trong thời kỳ 1931, 1936, 1939 để nắm tình hình. Tại đây, để bắt tay vào công việc, năm đồng chí nhất trí phân công đồng chí Nguyễn Sắc Kim phụ trách chung ; đồng chí Nguyễn Tương phụ trách các huyện : Hòa Đa, Tuy Phong, Hàm Thuận và Hàm Tân chủ yếu là Hàm Thuận ; đồng chí Nguyễn Chúc cùng với đồng chí Nguyễn Tương phụ trách hai huyện Hòa Đa, Tuy Phong ; đồng chí Thái Hựu phụ trách đề pô xe lửa Mương Mán và đồng chí Nguyễn Nhơn phụ trách Phan Thiết để móc nối liên lạc với cơ sở cũ, gây dựng lại phong trào cách mạng của tỉnh nhà. Vào tháng 5-1945, đồng chí Cổ Văn An và tháng 7-1945, đồng chí Nguyễn Đức Dương, Đặng Soa cũng

quê ở tỉnh khác về Bình Thuận hoạt động. Năm đồng chí về trước và ba đồng chí về sau tuy cùng bị giam ở Buôn Ma Thuột, nhưng do hiểu lầm nhau, chưa tin tưởng nhau, nên chưa thống nhất về tổ chức. Mặc dù vậy, căn cứ vào Nghị quyết 8 của Trung ương, các đồng chí vẫn cố gắng hoạt động. Sau một thời gian ngắn, các địa phương Hòa Đa, Tuy Phong, Hàm Thuận đã xây dựng được một số cơ sở; Phan Thiết lập được các tổ chức Công nhân cứu quốc, Viện chức cứu quốc, tạo điều kiện tiến tới thành lập Ủy ban vận động Việt Minh thị xã.

Đầu tháng 6-1945, năm đảng viên ở nhà lao Buôn Ma Thuột về trước nhóm họp tại một khu rừng cách trường cao đẳng thể dục Đông Dương (Cảng Ésepic) 4 km về phía nam, quyết định thành lập Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh Bình Thuận do đồng chí Nguyễn Sắc Kim phụ trách chung, đồng chí Nguyễn Tương phụ trách tổ chức - tài chính, ba đồng chí còn lại phụ trách các huyện, ngành như trước đây. Trước mắt, hướng công tác tập trung vào thị xã Phan Thiết, huyện Hàm Thuận và chú trọng tổ chức cơ sở trong công nhân để pô xe lửa Mương Mán. Riêng đồng chí Nguyễn Sắc Kim còn có nhiệm vụ liên lạc với các đảng viên ở Ninh Thuận để phối hợp hành động và qua đó tìm mối tiếp nhận sự chỉ đạo của cấp trên.



Đồng chí Nguyễn Sắc Kim, phụ trách Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh Bình Thuận từ tháng 6 đến tháng 10 - 1945. (Ảnh chụp năm 1948).

Tuy đã xây dựng lại phong trào cách mạng, nhưng cho đến lúc này các tỉnh Cực Nam Trung bộ vẫn chưa nhận được sự chỉ đạo của cấp trên. Để chủ động phối hợp công tác, cuối tháng 6-1945, đại diện Việt Minh 3 tỉnh : Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên nhóm họp tại làng Vạn Phước (Ninh Thuận) bàn về tình hình chung, kế hoạch phối hợp hành động sắp tới và bầu ra Ban liên lạc ba tỉnh.

Trong khi các tỉnh Cực Nam Trung bộ đã thống nhất được mối quan hệ hoạt động ; tình hình tiếp tục chuyển biến nhanh chóng. Đầu tháng 8-1945, Hồng Quân Liên Xô tiêu diệt đạo quân Quan Đông ở Đông Bắc Trung Quốc, buộc Nhật đầu hàng không điều kiện. Từ ngày 13 đến 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang). Hội nghị nhận định : "Cơ sở tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới" ⁽¹⁾ và quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng Minh vào Đông Dương. Ngay đêm 13-8, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, ra quân lệnh số I, hạ lệnh tổng khởi nghĩa. Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa bế mạc thì Đại hội quốc dân cũng họp tại Tân Trào vào ngày 16-8 cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt nam (tức Chính phủ lâm thời) do đồng chí Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

1 Văn kiện Đảng (1930 - 1945) tập III, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản năm 1977, trang 414.

Ở Bình Thuận, tình hình cách mạng chuyển biến mau lẹ đòi hỏi các đảng viên ở nhà lao Buôn Mê Thuột về Bình Thuận phải thống nhất tổ chức và hành động. Trừ 3 đồng chí Soa, An, Chúc bận công tác chưa về kịp, còn các đồng chí khác đã bí mật nhóm họp tại một chòi ruộng ở làng Bình Lâm - Hàm Thuận quyết định :

- Thống nhất hành động giữa 8 đồng chí đảng viên, coi đây là một tập thể lãnh đạo, chịu trách nhiệm cùng với đảng viên trong tỉnh tiến hành đấu tranh cách mạng theo Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 8. Từ đây, các đảng viên đều hoạt động dưới danh nghĩa Việt Minh.

- Phát động quần chúng treo băng cờ, rải truyền đơn, dùng lực lượng cơ sở ở Hàm Thuận và thị xã Phan Thiết tổ chức biểu tình thị uy gây cao trào, có thời cơ là nổi dậy dùng bạo lực giành chính quyền.

Sau cuộc họp họp nhất này, các cơ sở trong tỉnh thời kỳ Mặt trận dân chủ, thời kỳ Mặt trận phản đế và quần chúng mới được gây dựng đều do Việt Minh tỉnh lãnh đạo thống nhất.

Tại Phan Thiết, trong các tầng lớp tiểu thương, thợ thủ công, thợ cắt tóc, trong lính bảo an, trong thanh niên Phan Anh, trong ngành xe lửa và một số tầng lớp trên ta đã xây dựng được các hội viên cứu quốc. Trên cơ sở đó, Ban chấp hành Việt Minh lâm

thời thị xã được thành lập. Ở các huyện Hàm Thuận, Hòa Đa, Tuy Phong, Hàm Tân, cơ sở Việt Minh trong ngư dân, nông dân cũng được xây dựng. Riêng Hòa Đa thành lập Ban vận động Việt Minh lâm thời huyện. Mối liên hệ chỉ đạo từ tỉnh xuống huyện có các đồng chí trong Ban vận động Việt Minh tỉnh được phân công phụ trách từng huyện, thị, ngành lo.

Trong khi công tác xây dựng cơ sở quần chúng đang phát triển, đồng chí Nguyễn Tương ra Nha Trang, ngày 21-8-1945 về báo tin Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện và truyền đạt ý kiến của đồng chí Bùi San góp ý với Bình Thuận. Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh quyết định tổ chức một cuộc phát động quần chúng đấu tranh với hình thức rải truyền đơn, treo băng cờ, dán biểu ngữ trong thị xã Phan Thiết.

Trước đó do không liên lạc được với cấp trên nên khoảng tối 17-8-1945 ⁽¹⁾, cờ đỏ sao vàng cũng được treo trước tòa sứ của Pháp, trại lính bảo an ⁽²⁾ và biểu ngữ được treo trên cầu sông Cà Ty (cầu gỗ ngày nay) với nội dung :

- Đả đảo chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim.

- Tước vũ khí quân đội phát xít Nhật ở Đông Dương.

1 Có tài liệu ghi là 18-8-1945.

2 Tòa sứ Pháp, nay là UBND tỉnh Bình Thuận và trại lính bảo an, nay là cơ quan tỉnh đội Bình Thuận.

- Dựng chính phủ nhân dân cách mạng lâm thời.

- Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Những truyền đơn, biểu ngữ và cờ đỏ sao vàng được treo và rải công khai nhiều nơi trong thị xã đã động viên thêm tinh thần cách mạng của quần chúng và khiến bọn tay sai ngụy quyền thân Nhật run sợ. Để trấn an tay sai, lính Nhật hò hét xé khẩu hiệu : "Tước vũ khí quân đội phát xít Nhật ở Đông Dương" được treo ở cầu Quan (cầu gỗ hiện nay) (về sau ta đổi lại là : Tước vũ khí của những phần tử phát xít trong quân đội phát xít Nhật) song hành động này của chúng cũng không giữ được tinh thần cho số người cầm đầu các tổ chức thân Nhật đã hoang mang, phân hóa. Trong khi đó, tự vệ của ta nhanh chóng bắt Trúc Viên trong tổ chức "Hội ủng hộ chính phủ phụng sự quốc gia" thân Nhật đang có mưu đồ lên thay Huỳnh Dư làm tỉnh trưởng Bình Thuận khi có cơ hội. Quần chúng hùng hục khí thế cách mạng. Các tổ chức thân Nhật và phản động mất thủ lĩnh bị phân hóa, tan rã. Trong các doanh trại, lính Nhật nhón nhác thu xếp đồ đạc, đốt giấy tờ...

Tin các tỉnh đã khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân dồn dập báo về. Dù chưa kịp tổ chức cuộc biểu tình tuần hành thị uy của quần chúng, song nhận thấy thời cơ giành chính quyền ở cấp tỉnh (Phan Thiết) và Hàm Thuận đã đến nên ngày 23-8-1945, Ban



*Một số đồng chí trong Ban vận động Việt
Minh lâm thời tỉnh Bình Thuận tháng 6 -
1945 (ảnh chụp 12 - 1980).*

Việt Minh lâm thời tỉnh cử đồng chí Nguyễn Nhơn cùng một số anh em tự vệ đến gặp tỉnh trưởng Huỳnh Dư. Đồng chí Nguyễn Nhơn giải thích cho ông Huỳnh Dư về chủ trương của Việt Minh và phân tích lợi hại giữa hai con đường. Tán thành cách mạng hoặc chống lại cách mạng. Tình thế đã buộc Huỳnh Dư phải nhận: Giao chính quyền cho Việt Minh ! Ngay tối hôm đó, Ban Việt Minh lâm thời tỉnh họp mở rộng, có cả Việt Minh thị xã Phan Thiết tham dự, tại trụ sở bí mật ở lò bún sau cửa hiệu Xê-na-ry (thuộc phường Đức Nghĩa). Sau khi đánh giá tính chất các sự kiện vừa xảy ra, Hội nghị bàn tổ chức lực lượng mít tinh và tiếp quản các công sở của địch bàn giao vào ngày mai (24-8) và phân công đồng chí Nguyễn Nhơn, Nguyễn Tương, đại diện Việt Minh tỉnh gặp Huỳnh Dư để tiếp quản chính quyền. Đồng chí Cổ Văn An thay đồng chí Nguyễn Chúc cùng đồng chí Đặng Soa tiếp quản, chỉ huy lực lượng bảo an ở Phan Thiết. Đồng chí Nguyễn Diêu phụ trách giữ gìn tài liệu, hồ sơ trong các công sở và giữ chìa khóa kho bạc.

Sáng 24-8-1945, các đồng chí Nguyễn Nhơn, Nguyễn Tương hai đại biểu Việt Minh tỉnh gặp tỉnh trưởng ngụy quyền Huỳnh Dư tại nhà số 8, đại lộ Sài Gòn (1) tiến hành việc bàn giao và tiếp quản các công sở. Trong khi đó, tại đồn lính bảo an cờ đỏ sao vàng tung

1 Nay là đường Trần Hưng Đạo (Phan Thiết).

bay trên đỉnh cột cờ trước cổng, lính bảo an xếp hàng chờ đón Việt Minh. Sau khi nghe đại diện Việt Minh tỉnh nói về tình hình và nhiệm vụ cứu nước của toàn dân lúc này, toàn thể anh em binh lính bỗng sùng chào lá cờ đỏ sao vàng thiêng liêng của Tổ quốc. Anh em giao nộp 30 khẩu súng trường cho cách mạng. Tại kho bạc, hơn 1 triệu đồng được niêm phong và chuyển đến địa điểm mới. Tại các công sở như nhà giấy thép (bưu điện), nhà máy đèn..., đại biểu Việt Minh kêu gọi anh em công nhân làm việc tốt hơn để phục vụ và cống hiến cho cách mạng. Ở nhà lao, nơi kẻ thù giam giữ nhiều phạm nhân, ta giải phóng tù chính trị và hứa tha bổng cho những phạm nhân khác không làm hại cách mạng và mấy ngày sau, lời hứa đó được thực hiện. Tất cả mọi thứ thuế bất công do chế độ thực dân đặt ra được tuyên bố xóa bỏ...

Ngày 25-8-1945, chính quyền cấp tỉnh đã hoàn toàn về tay nhân dân. Cũng trong ngày hôm đó, bằng mọi phương tiện xe lửa, ô tô, đi bộ, đồng bào từ các nơi đổ về cùng với đồng bào thị xã Phan Thiết diễu hành biểu dương lực lượng, mít-tinh mừng ngày chính quyền về tay nhân dân. Lúc quân chúng ở các ngã đường đang tiến về sân lễ, bọn lính Nhật giở trò khiêu khích, cho xe chở lính tới đổ trước đồn bảo an cũ, đào công sự, chia súng máy vào đồn đòi ta trả "tòa sứ" cho chúng. Trong tình hình đó, lãnh đạo Việt Minh tỉnh ra lệnh cho mọi người tránh khiêu khích, nhưng kiên

quyết không nhượng bộ. Mặt khác, ta huy động lực lượng công nhân có vũ trang từ đề pô Mường Mán về trợ lực và cử đại biểu đến gặp chỉ huy quân đội Nhật, trong khi đó quần chúng vẫn tiếp tục hô các khẩu hiệu :

- Kiên quyết bảo vệ chính quyền cách mạng.

- Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm.

- Việt Minh muôn năm.

Trước áp lực của quần chúng và sự kiên quyết của lãnh đạo Việt Minh tỉnh, sau ba lần gặp bàn, cuối cùng quân Nhật phải nhượng bộ không đòi lại "tòa sứ" và hứa không phá rối cuộc mít tinh của ta. Thắng lợi này càng cổ vũ tinh thần dân chúng, mọi người thấy rõ sức mạnh của mình khi đoàn kết nhau lại dưới sự lãnh đạo của Việt Minh.

14 giờ 30 phút, hàng vạn quần chúng diễu hành qua trước tòa sứ cũ (lúc này gọi là Vũ viện đường - nay là trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận) rồi tiến ra sân vận động thị xã. Tại sân vận động, trước rừng cờ, biểu ngữ, các đồng chí Nguyễn Nhơn, Nguyễn Tương trong Ban Việt Minh tỉnh phát biểu ý kiến, nêu lên ý nghĩa quan trọng về thắng lợi của cuộc cách mạng hôm nay. Lần đầu tiên, sau 15 năm đấu tranh anh dũng, nhân dân Bình Thuận cùng với nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đập tan bộ

máy thống trị của đế quốc phong kiến, giành được chính quyền về tay nhân dân. Sau mít tinh, quần chúng lần lượt diễu hành qua các phố xá và các ngã đường làm cho thế cách mạng càng lên cao. Sau đó, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh được thành lập gồm 11 ủy viên, do đồng chí Nguyễn Nhơn làm chủ tịch, đồng chí Nguyễn Tương làm phó chủ tịch.

Sau khi đã giành được chính quyền ở tỉnh thành công, các huyện, thị lần lượt lãnh đạo nhân dân đứng lên giành chính quyền. Ở Hàm Thuận và Phan Thiết, những ngày sau đó bọn tay sai từ phủ, tổng đến xã, phường lần lượt ra trình diện, giao nộp hồ sơ, đồng triện cho cách mạng. Các nhà làng trong phủ Hàm Thuận trở thành nơi hội họp của quần chúng. Tại Hàm Thuận, đồng chí Nguyễn Gia Tú được cử làm chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, thay ông Phạm Hoài Xuân (Thục Chi) làm chủ tịch trước đó mấy ngày. Ban Chấp hành Việt Minh huyện do ông Nguyễn Hữu Hạnh làm chủ nhiệm. Ở các huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong, đồng chí Cổ Văn An được Việt Minh tỉnh phân công phụ trách đã cùng với Ban vận động Việt Minh các địa phương kịp thời lãnh đạo quần chúng đứng lên giành chính quyền. Đêm 24-8-1945, các bộ phận tiếp quản đã được phân công tiến vào phủ bộ Hòa Đa, để lại Phan Thanh Cần và đội quân đồn Hòa Đa đã đầu hàng, giao ấn tín, vũ khí cho chính quyền cách mạng. Sáng ngày 26-8, hàng ngàn người ở Chí

Công, Phan Rí Cửa, Phan Rí Thành tập trung về sân vận động Chi Lăng làm lễ mít-tinh mừng thắng lợi. Đồng chí Ngô Độc phụ trách Ban vận động Việt Minh phủ đã phát biểu ý kiến tại buổi lễ, nêu lên ý nghĩa thắng lợi và kêu gọi quần chúng tham gia bảo vệ thành quả cách mạng. Liên sau đó, ngày 28-8, UBND lâm thời Hòa Đa được thành lập do đồng chí Cổ Văn An làm chủ tịch, Ủy ban Việt Minh do ông Lê Hòa làm chủ nhiệm. Ở Tuy Phong, trưa 27-8-1945, hàng ngàn người đổ về xã Long Hương làm mít-tinh, sau đó kéo đến huyện đường. Tri huyện Phan Thanh Đạm cùng số quan lại xếp hàng chờ đón Việt Minh đến và đồng chí Võ Đăng thay mặt Ban lãnh đạo Việt Minh huyện nhận ấn tín, thả tù nhân, tịch thu vũ khí. Ngay tối 27-8, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện được thành lập do đồng chí Võ Đăng làm chủ tịch. Ngày 28-8-1945, sau khi biết tin phủ Hòa Đa trao chính quyền cho Việt Minh, số thanh niên trí thức người Việt, người Chăm ở Phan Lý Chàm trang bị gậy gộc tiến vào huyện đường. Tri huyện Phạm Ngọc Cẩn chờ sẵn, nhanh chóng giao ấn tín, giấy tờ cho lực lượng khởi nghĩa. Ngày 29-8, lực lượng khởi nghĩa tổ chức mít-tinh lớn tại sân vận động Phan Lý và ra mắt chính quyền lâm thời Nam bộ Hòa Đa ⁽¹⁾ do ông Nguyễn

1 Sau khi khởi nghĩa thành công, số người lãnh đạo lập Nam bộ Hòa Đa, địa giới từ làng Hựu An đến Bình Thuận, bao gồm các làng Kinh, Chăm sống trên vùng đất này.

Cầm làm chủ tịch. Để thống nhất lãnh đạo chung, chính quyền Nam bộ Hòa Đa bị giải thể thành lập chính quyền huyện Phan Lý Chàm do ông : Thanh Giác làm chủ tịch. Ở đảo Phú Quý, lúc đó thuộc huyện Tuy Phong quản lý, sau khi lính Nhật rút khỏi đảo và nhận được chủ trương khởi nghĩa từ đất liền, tối 29-8-1945 và những ngày sau đó, số anh em thanh niên yêu nước cùng số cốt cán của Việt Minh tiến hành bắt bọn lính ngụy, tước vũ khí của chúng và thành lập chính quyền cách mạng. Quân chúng tổ chức mít tinh tại chùa Linh Quang Tự mừng chính quyền 9 làng (nay là 3 xã) về tay nhân dân do đồng chí Huỳnh Văn Hoạch làm chủ tịch. Ở Hàm Tân, số thanh niên tiến bộ biết tin tình đã giành chính quyền, ngày 25-8 đã họp bàn biện pháp khởi nghĩa, nhưng không thống nhất với nhau, cả hai phái đều cử người ra Phan Thiết gặp chính quyền tỉnh xin ý kiến và ngày 28-8 mới trở lại huyện nhà. Trong khi đó, ở các xã Hiệp Nghĩa, Phong Điền, Tam Tân nơi có các đảng viên cũ lãnh đạo, quân chúng đứng lên giành chính quyền vào 7 giờ sáng ngày 26-8-1945. Sáng 29-8, các làng Bình Châu, Thắng Hải nghe tin cách mạng làm chủ huyện lỵ, cũng tự động kéo về huyện đường để biểu dương lực lượng. Chiều ngày 2-9-1945, tại sân banh Lagi, nhân dân các làng xung quanh làm lễ mừng độc lập và bầu Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện do ông Phan Thanh Bá làm chủ tịch. Đến ngày 3-9-1945, tri huyện Hồ Đình Lan giao nộp ấn tín, số bộ cho

chính quyền cách mạng. Ở huyện Tánh Linh, vùng rừng núi xa xôi hẻo lánh, dân cư thưa thớt, sau khi tham gia giành chính quyền ở tỉnh, đồng chí Nguyễn Gia Tú được cử lên cùng đồng chí Lê Văn Triều tổ chức khởi nghĩa giành chính quyền. Dựa vào lực lượng công nhân xe be, thợ rừng và cơ sở ở thị trấn, Ủy ban khởi nghĩa được thành lập mở cuộc mít-tinh trên sân vận động huyện. Đông đảo đồng bào các dân tộc Chăm, K'ho, Giarai, Mạ, Kinh... dự. Ban lãnh đạo khởi nghĩa do đồng chí Lê Văn Triều dẫn đầu đến nhà huyện Đính thu ấn tín và thành lập chính quyền cách mạng do đồng chí Lê Văn Triều làm chủ tịch. Trong phong trào cách mạng tháng 8-1945 vùng Võ Đắc do tổ chức Đảng huyện Xuân Lộc lãnh đạo, nhân dân từ cây số 14, 23, 27 tập trung về Võ Đắc tổ chức giành chính quyền. Mọi người lấy tôn quét sơn làm cờ. Thanh niên tiên phong⁽¹⁾ sử dụng mỗi người một cái gậy vót nhọn và một cuộn dây thừng làm vũ khí tiến vào các làng kêu gọi nhân dân đứng lên khởi nghĩa. Các hương cả, hương trưởng đại diện chính quyền cũ đầu hàng cách mạng. Không có chống cự, không có đổ máu, cách mạng giành thắng lợi, Ủy ban nhân dân cách mạng lập thời được thành lập do đồng chí Ba Cường làm chủ tịch.

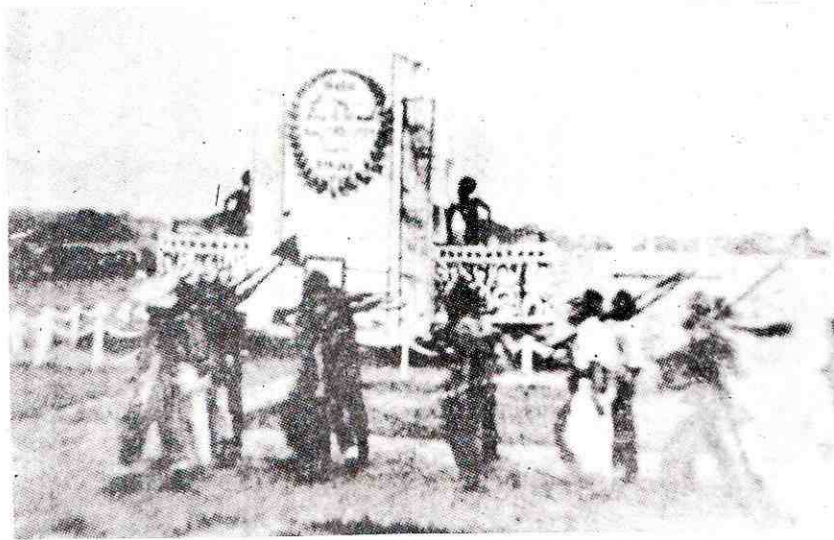
1 Một số tỉnh Nam bộ có tổ chức Thanh niên tiên phong và Thanh niên giải phóng yêu nước, nhưng không thống nhất hành động với nhau.

Gần một tháng sau ngày khởi nghĩa, tại Bình Thuận hệ thống chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở đã được thành lập và hoạt động. Ở một số huyện, chính quyền chưa vững chắc được nhanh chóng củng cố.

Ngày 2-9-1945, trên sân vận động Phan Thiết và các huyện, nhân dân trong tỉnh tổ chức mít tinh, diễu hành mừng ngày Hồ Chủ tịch thay mặt nhân dân ta tuyên bố với thế giới : Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa độc lập và tự do ra đời sau 80 năm dưới ách thực dân đế quốc.

Cách mạng tháng Tám thành công, từ nô lệ, nhân dân ta trở thành người làm chủ đất nước. Cùng cả nước, nhân dân Bình Thuận bước sang giai đoạn lịch sử mới.

Nhìn lại chặng đường từ năm 1930 tổ chức Đảng ra đời ở Tam Tân đến cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, phong trào cách mạng Bình Thuận tuy có lúc lên lúc xuống khác nhau, nhưng cũng đã trải qua 15 năm đấu tranh đầy hy sinh và thử thách. Trong thời gian ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ cao trào cách mạng 1930 - 1931, những năm bị khủng bố trắng 1931 - 1935, cuộc vận động đòi dân sinh dân chủ 1936 - 1939, cao trào cứu nước 1940 - 1945 và cuối cùng đứng lên tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, nhân dân Bình Thuận đã góp phần cùng cả nước đấu tranh



*Lễ đài trong buổi mít tinh mừng ngày
Tuyên ngôn Độc lập tại sân vận động Phan
Thiết ngày 2 - 9 - 1945 (ảnh chụp 9 - 1945).*

quyết liệt một mất, một còn với thực dân Pháp, phát xít Nhật, làm cách mạng tháng Tám thành công, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, đánh dấu một cuộc biến đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử dân tộc.

Khởi nghĩa tháng Tám thành công, chính quyền dân chủ cộng hòa được thiết lập, những người Cộng sản Bình Thuận đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân tạo ra những tiền đề tinh thần và vật chất cho hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ trường kỳ gian khổ 30 năm, cuối cùng đã giành thắng lợi trọn vẹn, thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

CHIẾN CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM

(Tháng 8-1945 - 1-1946)

I. Công cụ chính quyền cách mạng :

Thực hiện chủ trương của Trung ương, tháng 8-1945 Mặt trận Việt Minh cấp Bình Thuận chính thức thành lập do đồng chí : Nguyễn Tường làm chủ nhiệm, đồng chí Phan Lạc (Tư Minh) làm ủy viên thường trực (1)

I Các ủy viên Việt Minh tỉnh có : đồng chí Thái Huy, Nguyễn Như, Nguyễn Đức Dương, Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Chác, Cô Văn An, Đặng Sơn. Đến tháng 10-1945, bổ sung đồng chí Nguyễn Dân, Hồ Tự Như, Nguyễn Thị Ân (Dung) vào Ban chấp hành. Tháng 12-1945, đồng chí Nguyễn Như chuyển ra công tác ở Xứ ủy Trung kỳ.

PHẦN THỨ BA
DƯỚI NGỌN CỜ CỦA ĐẢNG,
NHÂN DÂN BÌNH THUẬN KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1946 - 1954)

CHƯƠNG I

CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN
CÁCH MẠNG VÀ CHUẨN BỊ KHÁNG
CHIẾN CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM
(Tháng 8-1945 - 1-1946)

1. Củng cố chính quyền cách mạng :

Thực hiện chủ trương của Trung ương, tháng 9-1945 Mặt trận Việt Minh tỉnh Bình Thuận chính thức thành lập do đồng chí : Nguyễn Tương làm chủ nhiệm, đồng chí Phan Lợi (Tư Minh) làm ủy viên thường trực ⁽¹⁾

1 Các ủy viên Việt Minh tỉnh có : đồng chí Thái Hựu, Nguyễn Nhơn, Nguyễn Đức Dương, Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Chúc, Cổ Văn An, Đặng Soa. Đến tháng 10-1945, bổ sung đồng chí Nguyễn Dân, Hứa Tự Nhung, Nguyễn Thị Ân (Dung) vào Ban chấp hành. Tháng 12-1945, đồng chí Nguyễn Nhơn chuyển ra công tác ở Xứ ủy Trung kỳ.

Gắn liền với thiết lập Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc như : Công nhân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc lần lượt ra đời từ tỉnh đến các phủ, huyện, phường, xã. Sau đó, các tổ chức : Vô sản cứu quốc, Thủy trình cứu quốc của người lao động biển, Kỹ mã cứu nước v.v... được thành lập.

Lãnh đạo chính quyền và đoàn thể từ phủ, huyện đến các xã, phường lúc này phần nhiều là thanh niên yêu nước và các nhân sĩ trí thức tiến bộ. Chính vì vậy, để nâng cao nhận thức về cách mạng và khả năng làm việc cho cán bộ Việt Minh và chính quyền, các đồng chí Nguyễn Tương, chủ nhiệm Việt Minh, Nguyễn Đức Dương tổng thư ký Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh đã tổ chức nhiều lớp huấn luyện tại Hàm Thuận, Hàm Tân, Hòa Đa, Tuy Phong. Trong tháng 12 năm 1945, đồng chí Nguyễn Văn Chi được Phân ban Cục Nam Trung bộ cử vào củng cố chính quyền tỉnh Bình Thuận, đồng chí Nguyễn Đức Dương được cử làm chủ tịch thay đồng chí Nguyễn Nhơn và các ông Trương Văn Thu được cử làm phó chủ tịch, Lê Trung Ngạn làm thư ký Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh.

Về Đảng, khi chuẩn bị khởi nghĩa, các đồng chí đảng viên tập hợp lại dưới danh nghĩa Việt Minh, do đồng chí Nguyễn Sắc Kim phụ trách. Tuy nhiên trong nội bộ Đảng lúc bấy giờ đoàn kết chưa cao cho nên

tháng 10-1945, Xứ ủy Trung kỳ cử đồng chí Nguyễn Dân vào làm bí thư để ổn định tổ chức, tăng cường lãnh đạo của Đảng. Đến tháng 11 năm 1945, trước tình hình mới, Đảng chủ trương "tự giải tán" rút vào hoạt động bí mật. Để tuyên truyền phát triển Đảng làm nòng cốt lãnh đạo cách mạng, Trung ương Đảng chỉ đạo thành lập Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác hoạt động công khai ở các cấp. Theo hướng này, đầu năm 1946, tỉnh Bình Thuận thành lập các Hội nghiên cứu Các Mác ở Hàm Thuận, Hàm Tân, Phan Thiết... Qua hệ thống tổ chức này việc tuyên truyền phát triển Đảng được tiến hành trong các cơ quan kháng chiến và các địa phương.

Về lực lượng vũ trang, trước khởi nghĩa, một số cơ sở yêu nước được xây dựng trong lĩnh vực bảo an. Khi giành chính quyền thắng lợi, với số cơ sở này và số thanh niên tuyển chọn trong tổ chức thanh niên Phan Anh và thanh niên các làng xã, một đơn vị giải phóng quân do đồng chí Nguyễn Đức Tuyên phụ trách được hình thành và một đơn vị từ Nam bộ ra (bộ đội Nam tiến) do đồng chí Vĩnh chỉ huy. Đồng thời Ban quân sự tỉnh được thành lập có 5 ủy viên do đồng chí Nguyễn Chúc làm ủy viên trưởng. Ra đời trong điều kiện đất nước vừa thoát khỏi ách thống trị 80 năm của thực dân Pháp và phát xít Nhật, nên vũ khí trang bị cho

lực lượng vũ trang còn thiếu thốn. Ngoài những khẩu súng trường kiểu Pháp, Anh đã cũ kỹ, nhiều chiến sĩ còn dùng cả gươm dao, giáo mác... Cùng với tỉnh, các phủ, huyện, thôn, xã đều thành lập những đơn vị dân quân tự vệ cấp tiểu đội, trung đội để canh gác bảo vệ xóm làng. Lúc này cùng với bài hát "Lên đàng" phong trào xếp bút nghiên lên đường chiến đấu diễn ra sôi nổi khắp nơi. Những chiến sĩ gia nhập lực lượng vũ trang đều tự nguyện mang áo quần, cơm gạo của gia đình đi làm nhiệm vụ. Đến khi có phong trào ủng hộ kháng chiến, như "Tuần lễ vàng", "Hũ gạo cứu quốc"... chính sách dựa vào sức dân nuôi dưỡng lực lượng vũ trang mới được giải quyết. Lực lượng vũ trang cách mạng ra đời, việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ quân sự, chính trị cho các ủy viên quân sự xã, huyện, tỉnh trở thành yêu cầu mới. Tháng 10-1945, ngoài Trường quân chính tỉnh mở tại làng Bình An, phủ Hàm Thuận, tỉnh còn cử cán bộ ra trường Quân chính ở Quảng Ngãi và Hà Nội học tập để đào tạo cán bộ quân sự cho sau này. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn, ngày 23-9-1945 và mở rộng chiến tranh ra các nơi, để chuẩn bị chống Pháp từ Sài Gòn đánh ra, ngày 10-11-1945 tại làng Bình An (Hàm Thuận) đại diện quân sự hai tỉnh Ninh Thuận - Bình Thuận, các đồng chí chỉ huy đơn vị bộ đội Nam tiến cùng đại diện Ủy viên Quân

chính Nam phần Trung bộ họp bàn thành lập lực lượng vũ trang tập trung phụ trách 4 tỉnh Cực Nam Trung bộ. (1) Trên cơ sở này, Chi đội II Giải phóng quân được thành lập tại Ninh Thuận phụ trách cả tỉnh Lâm Viên. Chi đội I Giải phóng quân được thành lập tại Bình Thuận phụ trách cả tỉnh Đồng Nai Thượng gồm hai đại đội (tương đương 2D) do đồng chí Lương Văn Khâm chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Sắc Kim (lúc này không làm bí thư) làm chính trị ủy viên. Sau khi đưa một đại đội ra chiến đấu ở mặt trận Nha Trang, đại đội còn lại gồm 4 phân đội (tương đương 4 đại đội) đóng quân trên các địa bàn xung yếu trong tỉnh.

Để có vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang, sau khi thực hiện sắc lệnh ngày 15-9-1945 của Hồ Chủ tịch thành lập ngành quân giới, tỉnh Bình Thuận thành lập công binh xưởng sản xuất lựu đạn, sửa chữa vũ

1 Chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, tháng 11-1945 Trung ương chia cả nước thành 12 chiến khu. Các tỉnh Nam Trung bộ (từ Đà Nẵng đến Bình Thuận) chia thành Khu 5 và Khu 6. Khu 6 có các tỉnh: Buôn Ma Thuột, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng và Bình Thuận. Tháng 2-1946, Pháp chiếm các tỉnh Cực Nam Trung bộ, ta lập các Đại đoàn 27, 31. Tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận thuộc Đại đoàn 27. Tháng 9-1947 thành lập Khu 15 (các tỉnh Tây Nguyên). Đến tháng 10-1948, Trung ương sát nhập các Khu 5, 6, 15 thành Liên khu V (bao gồm các tỉnh Nam Trung bộ).

khí cho bộ đội và dân quân. Đơn vị công binh xương
đầu tiên đặt tại vườn Canh Nông làng An Phú (nay
là xã Hàm Chính - Hàm Thuận Bắc). Khi bước vào
kháng chiến, công binh xưởng của quân đội, dân quân
được thành lập ở nhiều nơi để kịp phục vụ cho kháng
chiến.

Cũng như lực lượng vũ trang, sau khi giành chính
quyền thắng lợi, lực lượng an ninh Bình Thuận ra đời
gồm 2 ban : Cảnh sát và Trinh sát, do một số viên
chức cảnh sát cũ phụ trách. Do phong cách công tác
như trước đây, số anh em này không được lòng dân,
nên cuối tháng 10-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng
lâm thời tỉnh cử đồng chí Đặng Soa phụ trách và thống
nhất hai ban cảnh sát, trinh sát thành Ty công an.

Lực lượng vũ trang và công an ra đời đóng vai trò
trụ cột bảo vệ thành quả cách mạng, giữ gìn trật tự
an ninh trên các địa bàn và chuẩn bị cho cuộc kháng
chiến lâu dài.

Cùng với việc xây dựng lực lượng quân sự, công
an, chính quyền tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện
chủ trương của Trung ương Đảng, Bác Hồ về "Kháng
chiến - kiến quốc" coi đây là nhiệm vụ cấp bách nhất,
huy động nhân dân cả nước chống 3 thứ giặc : giặc
đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm được nhân dân hưởng
ứng, phong trào diễn ra thật rầm rộ. Để chống giặc
đói, phong trào tăng gia sản xuất được đẩy mạnh ở

khắp mọi nơi. Diện tích canh tác được mở rộng, sản lượng lương thực tăng, chẳng những đủ trang trải nhu cầu tại địa phương mà còn đóng góp ủng hộ nhân dân miền Bắc đang bị nạn đói năm Ất Dậu hoành hành. Mặt khác, chính quyền cách mạng còn tịch thu đồn điền của thực dân Pháp ở Hàm Thuận, Hòa Đa, ruộng đất của bọn Việt gian phản quốc chia cho nông dân không có ruộng cấy và vận động địa chủ, phú nông giảm tô, giảm tức cho nông dân nghèo. Ở thị xã Phan Thiết, với ý thức làm chủ, công nhân tham gia quản lý nhà máy đèn, đẽ gỗ xe lửa.

Chống giặc đói đi đôi với giặc dốt ; trong các làng, xã, các lớp bình dân học vụ được mở nhiều nơi. Các lứa tuổi trẻ, già, gái, trai đến lớp học tập. 80 năm qua, nhiều gia đình, đời ông không biết chữ, đời cha cùng canh ngô, giờ đây cùng con cháu đánh vần, tập viết v.v... Người dạy và học đều tự giác. Người biết chữ chỉ cho người chưa biết. Người biết nhiều dạy cho người biết ít, cứ như vậy phong trào phát triển rộng khắp. Để kiểm tra chất lượng và kết quả học tập nhiều nơi công cộng, như bến đò, đình làng, chợ búa hình thành các trạm kiểm tra bình dân học vụ. Ai đọc được các chữ viết mới được đi qua. Để động viên nhau học tập, nhiều bài học được đặt thành ca dao, hò vè :

O tròn như quả trứng gà

O thời đời non, O thi mang râu.

Phong trào bình dân học vụ được duy trì cả trong thời kỳ Pháp trở lại xâm lược. Nhiều người từ vùng tạm bị chiếm vẫn hằng hái ra vùng căn cứ Tam Minh (Hàm Tân) thi lấy bằng, thể hiện nguyện vọng tha thiết với độc lập tự do do cách mạng đem lại sau những năm dài nô lệ.

Về ủng hộ cách mạng, phong trào "Tuần lễ vàng" phát động từ 17 đến 24-9-1945, được đông đảo nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Các má, các chị tự giác ủng hộ những chiếc nhẫn ngày cưới, những đôi bông của ba má cho con làm của hồi môn. Người nghèo không có vàng bạc thì ủng hộ những đồng tiền đã dành dụm được. Bà Nguyễn Thị Thêm ủng hộ cả cổ vật bằng vàng của các vua Chăm trước đây. Phong trào "Hủ gạo đồng tâm", "Hủ gạo cứu quốc" diễn ra thường xuyên, liên tục trong mỗi gia đình. Hàng ngày, đến bữa nấu cơm, mỗi gia đình bớt ra một ít gạo bỏ vào hủ đặt cạnh bếp, khi đầy trút ra đem góp vào kho gạo nuôi quân. "Tuần lễ vàng", "Hủ gạo cứu quốc" là một trong những nguồn tiếp tế to lớn cho bộ đội, du kích đánh giặc, giữ làng, thể hiện lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta.

Nhằm đặt cơ sở pháp lý cho nền tảng Nhà nước dân chủ nhân dân, việc bầu cử Quốc hội nước Việt Nam độc lập là một nhiệm vụ hết sức khẩn trương đã được Hồ Chủ tịch đề ra trong Hội nghị Chính phủ

3-9-1945. Từ tháng 12 năm 1945, cùng cả nước, nhân dân trong tỉnh sôi nổi bước vào cuộc vận động bầu cử đại biểu Quốc hội. Tỉnh Bình Thuận lúc bấy giờ có hơn 100.000 dân, được bầu hai đại biểu. Sau một thời gian vận động, có 14 người được đề cử và ứng cử làm đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngày tổng tuyển cử 6-1-1946 thực sự là ngày hội lớn của toàn dân. Lần đầu tiên sau hơn 80 năm nô lệ, nhân dân được thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ công dân một nước Việt Nam độc lập, đông đảo cử tri Bình Thuận từ thị xã Phan Thiết đến các vùng thôn quê đi bỏ phiếu với tinh thần hết sức phấn khởi. Do trình độ dân trí lúc bấy giờ, Mặt trận Việt Minh đề ra câu thành ngữ "cá Đối kho Tương" để vận động cho các ứng cử của mình. Đó là bác sĩ Huỳnh Tấn Đối, một tri thức tiên bộ lúc bấy giờ ở Phan Thiết. Tương là đồng chí Nguyễn Tương một đảng viên Cộng sản quê ở Hàm Thuận, nhiều lần bị tù đã hết mình vì nhân dân. Kết quả đồng chí Nguyễn Tương và bác sĩ Huỳnh Tấn Đối đều trúng cử đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Tình hình vận mệnh đất nước ngàn cân treo sợi tóc, chiến thắng giặc đói, giặc dốt, bầu cử thành công Quốc hội, củng cố vững chắc chính quyền cách mạng là thành tích to lớn đầu tiên của chế độ mới. Nó thể

hiện tính ưu việt của Nhà nước dân chủ nhân dân, mọi người ai ai cũng quyết tâm gắn bó, bảo vệ.

Sau bầu cử Quốc hội, cùng cả nước, quân và dân Bình Thuận tích cực chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

2. Chuẩn bị kháng chiến :

Trong những ngày nhân dân Bình Thuận đang sôi nổi xây dựng và củng cố chính quyền vừa mới giành được thì 15 giờ ngày 28-8-1945, thực hiện âm mưu đánh phá cách mạng, thực dân Pháp cho máy bay thả dù một số biệt kích xuống nhà thờ Tân Lý (Hàm Tân). Nhưng khi những chiếc dù vừa chạm đất, hàng trăm dân chúng các làng Phong Điền, Hiệp Nghĩa, Tam Tân tiến đến vây bắt được 4 tên Pháp, 2 tên Việt gian và thu đầy đủ các tang vật. Sau đó mấy ngày, quân Pháp dùng máy bay thả biệt kích xuống vùng Suốt Kiệt (Tánh Linh). Ở đây chúng cũng bị nhân dân lùng bắt. Hai sự kiện trên báo hiệu cho nhân dân ta thấy : Giặc Pháp chưa từ bỏ âm mưu trở lại xâm lược nước ta.

Quả vậy, đúng như dự đoán của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, ngày 23-9-1945 nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn vừa giành được chính quyền gần một tháng thì quân Pháp được sự giúp đỡ của quân Anh - Ấn trở lại đánh chiếm thành phố. Sau đó, chúng đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ. Đối với các tỉnh

Nam Trung bộ, chúng vừa dùng quân Nhật trở lại đóng chốt các vị trí cũ trước tháng 8-1945, vừa dùng hải quân bắn phá một số nơi như Thương Chánh (Bình Thuận), Cà Ná, Ninh Chữ (Ninh Thuận) để thu hút lực lượng ta phòng thủ ven biển và ngày 19-10-1945 hơn 1.000 lính Pháp - Nhật đổ bộ đánh chiếm thành phố Nha Trang (Khánh Hòa). Mặt khác, chúng dùng bộ binh, cơ giới từ Biên Hòa theo quốc lộ 1 phối hợp đánh chiếm các tỉnh ven biển miền Trung. Nhưng khi tiến đến Rừng Lá (giáp ranh giữa Biên Hòa - Bình Thuận) bị bộ đội, du kích Bình Thuận cùng bộ đội từ Nam bộ ra đóng quân ở đây chặn đánh, chúng phải rút về. Như vậy, chiến thuật hai gọng kìm để đánh chiếm các tỉnh Nam Trung bộ của chúng bước đầu bị thất bại.

Trước âm mưu thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đã anh dũng đứng lên chống Pháp. Ngày 26-9-1945, Hồ Chủ tịch gửi thư cho đồng bào Nam bộ khẳng định : "Chúng ta nhất định thắng lợi, vì chúng ta chính nghĩa". (1) Sau đó Trung ương Đảng ra lời kêu gọi đồng bào cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam bộ.

Đáp lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ, ủng hộ Nam bộ kháng chiến, các tỉnh ở Trung bộ, Bắc bộ thành

1 Hồ Chí Minh, tuyển tập, NXB Sự Thật - xuất bản 1960, trang 214.

lập các "Phòng Nam bộ" để vận động vật chất và tổ chức các đơn vị vũ trang vào Nam chiến đấu. Từ tháng 10-1945 trở đi, nhân dân Bình Thuận đón tiếp các đoàn quân Nam tiến từ các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh hành quân vào Nam đánh giặc. Bộ đội Nam tiến đi đến đâu cũng được các má, các chị lo cơm nước, dân quân tự vệ lo nơi ăn ở và dẫn đường. ⁽¹⁾ Đồng thời quân dân Bình Thuận cũng thành lập một đơn vị Nam tiến vào chiến đấu ở mặt trận Thị Nghè (Sài Gòn) và bố trí lực lượng phòng thủ từ cây số 37 đến Rừng Lá, trong đó có cả trung đội dân quân người dân tộc trang bị cung, nỏ cùng tham gia. Lần đầu tiên Bình Thuận trở thành nơi hội tụ các đoàn quân Nam tiến, đại diện cho lực lượng cả nước ủng hộ Nam bộ đánh giặc Pháp, thể hiện khí thế cả nước ra quân, cả nước chống quân xâm lược.

Tháng 10-1945, quân Pháp từ Sài Gòn nống ra đánh chiếm tỉnh Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Sông Bé) và tỉnh Biên Hòa. Mặt trận ở miền Đông bị vỡ. Lực lượng kháng chiến ở đây rút ra Bình Thuận. Trong khi đó, lực lượng Nam tiến từ các tỉnh phía Bắc tiếp tục tiến vào đã làm cho các huyện Hàm Thuận, Hàm Tân, Phan Thiết là nơi hội tụ, đồng thời cũng gặp

1 Lịch sử truyền thống Phan Thiết, xuất bản năm 1989, trang 107 : có 14 phân đội bộ đội Nam tiến từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung hành quân qua Phan Thiết vào Sài Gòn đánh giặc.

nhều khó khăn về nơi ăn, chốn ở, lương thực, dẫn đến một số nơi ở Hàm Tân, bộ đội dùng vũ lực ép chính quyền địa phương tiếp tế. Trước tình hình ấy, để có sự chỉ huy chung, bố phòng chống địch tấn công ra và giải quyết các vấn đề tại địa phương, các đồng chí lãnh đạo từ mặt trận Sài Gòn rút ra cùng chỉ huy các đơn vị Nam tiến và lãnh đạo tỉnh Bình Thuận thành lập Ủy ban đặc biệt Khu Bình Thuận - Miền Đông Nam bộ do đồng chí Đào Duy Kỳ, Nguyễn Đức Dương, Nam Long lãnh đạo. Ủy ban dự kiến lập chiến khu ở Cà Tót (Hàm Thuận) làm căn cứ kháng chiến lâu dài. Nhưng quân Nhật - Pháp tấn công chiếm Nha Trang, một số đơn vị bộ đội được điều ra chi viện cho mặt trận này, nên Ủy ban đặc biệt Khu chưa kịp hình thành về tổ chức và xây dựng căn cứ.

Tình hình mỗi lúc một khẩn trương. Khoảng đầu tháng 11-1945, theo lệnh quân Anh, quân Nhật từ biển đổ bộ chiếm đóng đồn Thương Chánh cũ (khu vực Nhà nghỉ Công đoàn tỉnh hiện nay) để làm bàn đạp đánh chiếm thị xã Phan Thiết và làm nội ứng cho Pháp trở lại chiếm đóng Bình Thuận.⁽¹⁾ Trước tình hình ấy, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh cử đồng chí Nguyễn Chúc đến gặp chúng để thương lượng, phân tích lợi hại khi chúng trở lại Phan Thiết và khuyên

1 Theo tập Thuận Hải 30 năm chiến tranh, xuất bản năm 1990, trang 55 ; Nhật có khoảng 1 tiểu đoàn đóng tại Thương Chánh.

chúng nên giao vũ khí cho ta tránh đổ máu. Nhưng với bản chất ngoan cố của quân xâm lược, chúng không những không chịu giao vũ khí cho ta, mà còn chuẩn bị đánh chiếm toàn thị xã. Tình thế rất cấp bách. Một mặt ta vẫn chuẩn bị kháng chiến, mặt khác tiếp tục thương lượng với Nhật nhằm tránh một cuộc chiến nổ ra đang bất lợi cho ta là một lúc phải chống cả hai tên đế quốc, phát xít hòa nhau tấn công. Cuộc thương lượng không thành, quân Nhật vẫn ngoan cố. Trước tình hình đó, để giành thế chủ động, Ban lãnh đạo tỉnh Bình Thuận quyết định chuẩn bị tiêu diệt tàn quân phát xít Nhật ở Thương Chánh và chủ trương cho các cơ quan lãnh đạo tỉnh đóng trong thị xã rút về đóng từ cây số 3 đường Liên tỉnh lộ 8 (Hàm Liêm) đến làng Bình An (xã Hàm Chính), đưa nhân dân thị xã tản cư về các vùng nông thôn Hàm Thuận để tránh thiệt hại về người, về của và bố trí các đơn vị dân quân tự vệ thay nhau canh gác, theo dõi mọi hành động của kẻ thù. Các đơn vị thuộc Chi đội 1 Giải phóng quân đóng từ Lạc Đạo đến Đức Nghĩa qua ngã ba nhà thương (nơi giáp nhau giữa đường Liên tỉnh lộ 8 với đường Hải Thượng Lãn Ông - thuộc phường Phú Trinh) sang đường Huế (Rue de Huế, nay là đường Lê Hồng Phong) để bao vây, chặn đánh không cho quân Nhật đánh chiếm rộng ra khắp thị xã. Một ban tiếp tế chuyên lo cơm nước, chăm sóc thương binh được thành lập có gần 100 người tham gia, đa số là phụ

nữ... Sáu giờ ngày 11-11-1945, quân Nhật từ Thương Chánh chia thành nhiều cánh quân tấn công vào trụ sở Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh (vị trí UBND tỉnh Bình Thuận hiện nay), đồn GI cũ (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh hiện nay) và sau đó chúng dồn sức tấn công đến ngã ba nhà thương. Chúng tiến đến đâu cũng đều bị bộ đội, dân quân tự vệ chặn đánh quyết liệt, tiêu hao, tiêu diệt một số tên, ⁽¹⁾ nên không tiến lên đường số 8 được. Tuy nhiên, do tương quan lực lượng lúc này, ta trang bị kém, kỹ chiến thuật không bằng quân đội nhà nghề của phát xít Nhật, nên Ban chỉ huy tỉnh quyết định đánh du kích để ngăn chặn bước tiến của quân thù. Các ngày 13, 14-11-1945, lực lượng Chi đội 1 rút về ven thị xã, đơn vị đóng ở Đức Nghĩa, Lạc Đạo rút về đóng ở cầu 40, đơn vị đóng ở nhà thương rút về đóng ở Phú Tai và đơn vị đóng ở nhà Pát-can (Pascal) rút về đóng ở Bắc sông An Hải đến Phú Hải. Ban tiếp tế đóng ở Chợ Gò (Phú Trinh), khi địch bung ra rút về đóng ở Lại An Thượng (xã Hàm Thắng). Với cách bố trí này, các đơn vị Giải phóng quân và tự vệ tiếp tục chiến đấu bao vây quân Nhật ở nội thị. Các vùng địch chưa đến, ta vận động nhân dân triệt đường tiếp tế nước uống, lương thực, làm cho chúng gặp rất nhiều khó khăn. Chúng tổ chức

1 Theo một số nhân chứng cung cấp : Trong trận đánh đầu tiên ta diệt 2 tên lính Nhật tại trước cửa đồn GI cũ, và các hướng khác ta diệt 5 tên.

tàn công phá vòng vây của ta ở cầu 40 (Nam thị xã Phan Thiết), nhưng bị ta đẩy lui.

Sau một tháng bị bao vây, thiếu nước, thiếu lương thực, quân Nhật lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Trong khi đó, quân Pháp bị căng kéo lực lượng đối phó ở nhiều nơi, không phối hợp được với quân Nhật, nên đến ngày 12-12-1945, bọn Nhật phải xuống tàu rút ra biển. Ta về lại thị xã, tổ chức cho nhân dân hồi cư, ổn định cuộc sống, thực hiện các công việc chuẩn bị kháng chiến.

Sau ngày 13-12-1945, tại Vườn hoa Phan Thiết (nay là khu vực gần ga xe lửa), Ủy ban Việt Minh, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh và các đoàn thể cứu quốc làm lễ truy điệu những chiến sĩ và đồng bào đã hy sinh anh dũng trong các trận chiến đấu chống phát xít Nhật, trận chiến đấu mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Thuận.

lãnh đạo tỉnh tại thời kỳ này là Phan Thiết, chuyên về
các công nông thôn : Tỉnh Bình Thuận, Bình Thuận, Bình Thuận, v.v. thuộc huyện Bình Thuận, lực lượng
Chi hội 1 thành lập các chi hội * * * * *
Phan Thiết, thành lập các chi hội * * * * *
phía các chi hội trên các trục giao thông trọng.

Mặc dù đã bị thất bại bước đầu trong chiến thuật hai gọng kìm, dùng quân đội từ đương biển và dọc đường quốc lộ 1, có tàn quân Nhật làm xung kích nội

ứng bên trong, bọn thực dân Pháp vẫn tiếp tục thực hiện ý đồ đánh chiếm các tỉnh Nam Trung bộ.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Trung ương "Không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình nhất định phải đánh Pháp", ngày 13-1-1946 tại Phan Rang, đại diện Việt Minh và Ủy ban hành chính 4 tỉnh : Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Viên và Bình Thuận cùng đại diện các chi đội 1, 2, 3 họp bàn thống nhất hành động, chuẩn bị kháng chiến chống Pháp. (1) Hai đồng chí Lê Văn Hiến và Đàm Minh Viễn phái viên Chính phủ và Bộ Tổng Tư lệnh quân đội chủ trì hội nghị này.

Sau khi thống nhất chủ trương chung, các tỉnh khẩn trương thực hiện kế hoạch bố phòng, sơ tán dân cư và xây dựng các phương án tác chiến...

Quan triệt tình hình nhiệm vụ mới ấy, tỉnh Bình Thuận nhanh chóng chuẩn bị kháng chiến. Các cơ quan lãnh đạo tỉnh rời khỏi thị xã Phan Thiết, chuyển về các vùng nông thôn : Phú Bình, Xóm Mía, Bình An, Mỹ Thạnh, v.v... thuộc huyện Hàm Thuận. Lực lượng Chi đội 1 đóng ở các vị trí xung yếu trong và ngoài Phan Thiết, phòng thủ các địa bàn ven biển, chuẩn bị phá các cầu lớn trên các trục giao thông quan trọng. Lực lượng dân quân, tự vệ chiến đấu canh gác các

1 Biên bản cuộc hội nghị 4 tỉnh, hiện nay còn lưu giữ tại Bảo tàng Lâm Đồng.

thôn xóm và cảnh giới ven biển. Ngày 22-12-1945 và ngày 25-1-1946, tàu Pháp ngoài biển bắn pháo vào Cà Ná, Sơn Hải, rơi đèn pha vào Phan Thiết. Việc phòng thủ ven biển, các vùng xung yếu và chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến trở nên rất khẩn trương.

Với vị trí là một tỉnh ở Cực Nam Trung bộ, xa sự chỉ đạo của Trung ương và Xứ ủy Trung kỳ, phương tiện giao thông chưa phát triển, đường dây liên lạc và nguồn tiếp tế từ các tỉnh ngoài vào bị gián đoạn, nên từ lãnh đạo đến mọi người dân, ý thức tự lực tự cường lo toan việc đánh giặc giữ làng, bảo vệ Tổ quốc được khơi dậy mạnh mẽ. Với khí thế "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân đều được động viên bước vào cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ.

CHƯƠNG II :

NHỮNG NGÀY ĐẦU QUÂN DÂN BÌNH THUẬN KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC

(31-1-1946 - - 12-1946)

Sau khi dùng đường thủy, đường quốc lộ 1A đưa quân từ Sài Gòn ra đánh chiếm các tỉnh Nam Trung bộ không thành, ⁽¹⁾ cuối tháng 1-1946, thực dân Pháp huy động 15.000 quân ⁽²⁾ chia làm hai cánh đánh chiếm các tỉnh Nam Trung bộ một lần nữa.

Cánh quân thứ nhất từ Sài Gòn đánh chiếm các tỉnh Nam Tây nguyên và từ đây theo đường 21 đánh

- 1 Giữa tháng 11-1945, địch dùng đường biển và đường bộ với chiến thuật hai gọng kìm tấn công các tỉnh Nam Trung bộ, chúng sử dụng gần 1 vạn quân tinh nhuệ, gồm phần lớn sư đoàn thiết giáp số 2 (2è DB), 3D bộ binh thuộc địa số 5 (5è RIC), lực lượng không quân và 6 tàu chiến, trong đó có thiết giáp hạm Ri-sơ-li-ơ (Richelieu) lớn nhất của Pháp lúc bấy giờ.
- 2 Cuối tháng 1-1946, sau khi có viện binh từ Pháp sang, chúng tập trung 15.000 quân, gồm binh đoàn thiết giáp Mát-xuy, E bộ binh thuộc địa Ma Rốc (RICM), 2D bộ binh thuộc E bộ binh thuộc địa số 21, 23, 1D của lữ đoàn Viễn Đông số 1 (1è BMEO) có không quân, hai quân phối hợp, do tướng Lơ-cờ-léc (Leclere) chỉ huy, lấy mặt danh cuộc hành quân GO (Gaur).

chiếm Ninh Hòa với ý đồ phối hợp quân Pháp ở Phan Rang ra để phá vòng vây của ta ở Nha Trang, giải vây cho quân lính chúng bị ta giam hãm từ sau tháng 10-1945. Sau đó, chúng tiến ra đánh chiếm Đèo Cả.

Cánh quân thứ hai dùng 140 xe chở quân ngày 25-1-1946, từ Biên Hòa theo đường 20 đánh chiếm Di Linh và thành phố Đà Lạt. Trong khi đó, ngày 25-1-1946, chúng dùng tàu thủy bắn phá vào Cà Ná, Ninh Chữ (Ninh Thuận), rồi đèn pha vào Phan Thiết để nghi binh thu hút lực lượng ta tập trung đối phó hướng này. Ngày 28-1-1946, quân Pháp từ Di Linh theo đường số 8 đánh xuống Phan Thiết. Nhưng đến phòng tuyến cây số 42 (giáp ranh giữa tỉnh Đồng Nai Thượng - Bình Thuận) bị lực lượng ta bố trí ở đây chặn đánh, chúng phải rút về lại vị trí cũ.

Cùng ngày 28-1-1946, theo đường 11 (nay là đường số 27), bọn Pháp hành quân xuống đồng bằng. Dọc đường tiến quân, để đánh lừa bộ đội và nhân dân ta, chúng cắm cờ đỏ sao vàng trên xe và tiến xuống chiếm Phan Rang (Ninh Thuận). Ngày 29-1, chúng từ Phan Rang tiến ra đánh chiếm Ba Ngòi - Cam Ranh, ngày 30-1-1946, từ Phan Rang dùng xe chở quân, có thiết giáp, xe tăng tiến vào Bình Thuận.

Tin địch đánh chiếm Phan Rang, qua anh em công nhân xe lửa Sông Mao, truyền nhanh vào Phan Thiết. Ủy ban hành chánh tỉnh gấp rút chuẩn bị đối phó,

lệnh cho các đơn vị Chi đội 1, tự vệ các huyện sẵn sàng đánh địch và tổ chức sơ tán nhân dân thị xã Phan Thiết, kêu gọi nhân dân thực hiện vườn không nhà trống trên đường địch đi qua và thiết lập vị trí mới của cơ quan lãnh đạo.

Trên đường tiến quân vào Bình Thuận, quân Pháp bị bộ đội và du kích Ninh Thuận chặn đánh ở Cà Ná. Khi chúng vào Bình Thuận, ta chặn đánh tại Vĩnh Hảo và bố trí chướng ngại vật, đào hầm hào phục kích tạo dốc Hồi Long. Tại đây, sau khi vượt qua Vĩnh Hảo, chúng vẫn dùng cờ đỏ sao vàng cắm trên xe hàng đánh lừa lực lượng ta. Nhưng với tinh thần cảnh giác cao và với những khẩu súng trường cũ, giáo mác, du kích đã chặn đánh địch hơn một giờ trong ngày 31-1-1946, có ưu thế mạnh mẽ về quân số, trang bị, làm chậm hẳn cuộc tiến quân của chúng. Tại trận chiến đấu ở dốc Hồi Long, 11 chiến sĩ dân quân tự vệ đã hy sinh. Đây là trận chiến đấu đầu tiên của tự vệ Bình Thuận trong kháng chiến chống Pháp. Đến Hòa Đa, địch để một đại đội đóng đồn bót, số quân còn lại tiếp tục tiến vào Phan Thiết. Trưa ngày 31-1-1946 (vào ngày 30-12 âm lịch), chúng đến cầu Phú Long (xã Hàm Nhơn - Hàm Thuận) bị một phân đội của Đại đội 4, Chi đội 1 Giải phóng quân cùng dân quân Xóm Lụa chặn đánh quyết liệt diệt một xe quân sự. Để trả thù, quân Pháp hèn hạ đã bắn phá chợ và dân cư gần đó, tàn sát 30 dân thường vào ngày giáp tết cổ truyền dân tộc. Sau

đó, lúc 14 giờ cùng ngày chúng tiến vào Phan Thiết bị Đại đội 1, Chi đội 1 chặn đánh tại ga xe lửa, kho bạc (Ngân hàng Nhà nước tỉnh ngày nay). Địch mạnh ta yếu, lực lượng ta bị tiêu hao nặng, phải rút về Dân Thạnh củng cố. Đơn vị Quốc gia tự vệ cuộc do đồng chí Nguyễn Chúc chỉ huy chặn đánh địch ở cầu Quan (gần Tỉnh ủy Bình Thuận ngày nay). Khi xe tăng của Pháp tấn công đến, một số đồng chí bị thương, đơn vị phải rút về suối Ninh Thuận (Tam Giác). Ngày 2-2-1946, địch chiếm Ma Lâm và 3-2-1946 chúng tiến vào đánh chiếm Hàm Tân.

Sau khi chiếm đóng một số nơi ở Bình Thuận, tên giám binh Đốt-cơ-lép (Đ'raelaibg) và tên công sứ Môn (Lemonle) trở lại cai trị Bình Thuận. Chúng kêu gọi các công chức cũ trở lại làm việc và được nhận lương từ 9-3-1945, xúc tiến lập bộ máy tể, lập ra cái gọi là "Chăm - Thượng phục hưng" ở huyện Phan Lý lõi kéo đồng bào Chăm, đồng bào Thượng đi theo chúng nhằm gây mâu thuẫn giữa cộng đồng các dân tộc Chăm - Kinh - Thượng để chia rẽ khối đoàn kết của dân tộc. Nhưng với tinh thần yêu nước, nhiều công chức cũ đã không hợp tác với chúng và đi theo kháng chiến, nhiều đồng bào không bị mắc mưu địch.

Về ta, do sớm nhận được tin Pháp đánh chiếm Ninh Thuận, nên một mặt triển khai lực lượng đánh địch, mặt khác chủ động sơ tán cơ quan và dân chúng:

cơ quan tỉnh dời về Rừng Già thuộc địa phận khu Tam Giác, Tuy Hòa, Dân Thạnh, thuộc huyện Hàm Thuận. Ban chỉ huy Chi đội 1 rút về Triền. Các đơn vị vũ trang thuộc Chi đội 1 hoạt động trên địa bàn Phan Thiết, Hàm Thuận rút về đóng quân ở Dân Thạnh, Triền và một bộ phận bộ đội Nam bộ đóng ở Hàm Tân. Đại đội 3, sau khi chặn đánh địch ở chùa Vĩnh Cố (Vĩnh Hảo), rút về đóng quân tại Long Hương, La Gàn (thuộc huyện Tuy Phong). Cơ quan thị xã Phan Thiết một bộ phận rút về Ba Hòn (Nam Căng Ésépic), một bộ phận rút về Lò Thổi, Chà Tre (thuộc xã Hàm Liêm). Các cơ quan lãnh đạo : Hòa Đa rút về Thái An (nay là xã Hồng Thái), huyện Tuy Phong rút về La Gàn (Bình Thạnh), huyện Phan Lý rút về đóng ở Tà Bo (xã Phan Hòa), Hàm Tân rút về Bưng Thị. Nhân dân thị xã Phan Thiết, phân nhiều phân tán về vùng Tam Giác (Hàm Thuận). Lúc này, tỉnh Bình Thuận còn đón tiếp hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ và nhân dân tỉnh Đồng Nai Thượng, sau khi Pháp chiếm Di Linh, đã xuống vùng Suối Hộ (Hàm Trí) và vùng Lang Hanh (xã Phan Sơn - huyện Bắc Bình) để sinh sống và củng cố lực lượng.

Tại vùng sơ tán, cuộc sống đồng bào tản cư vô cùng khó khăn, thiếu thốn, nhưng được nhân dân địa phương chia sẻ đùm bọc và lãnh đạo tỉnh, huyện lo tổ chức sản xuất, nên đời sống sinh hoạt dần dần đi vào ổn định. Ở vùng Tam Giác trong khi nhân dân sơ

tán đang khắc phục những khó khăn để ổn định cuộc sống thì ngày 8-2-1946 (ngày 7 Tết âm lịch), quân Pháp từ ba hướng : Phan Thiết lên, Phú Hội qua và ga Mường Mán đến bất ngờ đánh vào Xóm Mía. Các đại đội 1, 2 thuộc Chi đội 1 chặn đánh địch, nhưng đơn vị bị động nên có thiệt hại về người và của, Pháp tàn sát, làm chết 70 người dân Xóm Mía. Đây là tội ác đầu tiên của kẻ thù tàn sát nhân dân với số lượng lớn nhất ở Bình Thuận lúc bấy giờ.

Đến tháng 2-1946, quân Pháp đã chiếm đóng một số vị trí ở Hòa Đa, Long Hương, Phan Lý, La Gi, Tánh Linh, Phan Thiết và một số vùng thuộc huyện Hàm Thuận.

Trong khi thực dân Pháp đánh chiếm các tỉnh Nam Trung bộ, tháng 10-1945, thực hiện chủ trương của Trung ương, chiến khu 5, 6 được thành lập. Khu 6 gồm các tỉnh : Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng. Cũng cuối tháng 9-1945, Xứ ủy Trung kỳ và Ủy ban hành chánh Trung bộ mở hội nghị quân sự bàn kế hoạch đối phó với tình hình địch đang mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam Trung bộ. Đồng thời, Ủy ban quân chính Nam phần Trung bộ được hình thành để chỉ huy chiến đấu các mặt trận phía Nam từ tỉnh Phú Yên trở vào Bình Thuận và các tỉnh Nam Tây nguyên. Các đồng chí Phạm Kiệt, Trương Quang Giao được cử làm

Chỉ huy trưởng và chính trị ủy viên. Đến tháng 12-1945, Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam được hình thành nhằm lãnh đạo thống nhất các tỉnh ở miền Nam nước ta đã bị Pháp chiếm đóng, do đồng chí Nguyễn Sơn làm chủ tịch, đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng làm ủy viên chính trị. Đồng thời thực hiện sắc lệnh 71/SL ngày 22-5-1946 của Chính phủ, cuối tháng 5-1946, Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam giải thể các chiến khu, thành lập các đại đoàn và các chi đội giải phóng quân đổi thành trung đoàn. Đại đoàn 27 chỉ huy các trung đoàn 80 (Khánh Hòa), 81 (Ninh Thuận), 82 (Bình Thuận) và 79 (Đắc Lắc, Phú Yên).

Tại Bình Thuận, từ sau tháng 2-1946, Ủy ban hành chính tỉnh và Việt Minh tỉnh họp tại làng Mỹ Thạnh (Hàm Thuận) bàn củng cố tổ chức, củng cố đoàn thể, lãnh đạo nhân dân ổn định đời sống, sản xuất và đẩy mạnh kháng chiến. Để tạo thuận lợi cho công tác lãnh đạo trong tình hình mới. Tỉnh chủ trương chia các huyện thành những khu vực hành chính : Hàm Thuận 8 khu, Hòa Đa - Phan Lý 10 khu, Tuy Phong 5 khu, Tổng Phú Quý là một khu đặc biệt và huyện Hàm Tân 4 khu... Dưới các khu hành chánh vẫn giữ nguyên các đơn vị làng, xã. Huyện đưa cán bộ về phụ trách các khu hành chánh để củng cố cơ sở và tuyên truyền chủ trương đường lối kháng chiến trong nhân dân.

Trong tình hình đã chuyển sang thời chiến, việc củng cố tổ chức, sắp xếp, lại đơn vị hành chính là một chủ trương kịp thời và phát huy tác dụng : cán bộ tỉnh sát huyện, cán bộ huyện sát xã, cán bộ xã sát dân, trong đó đoàn thể phụ nữ cứu quốc hoạt động rất sôi nổi. Trong những ngày này, việc tiếp tế từ vùng địch tạm bị chiếm ra vùng căn cứ kháng chiến gặp khó khăn, song do dựa vào dân nên đã khai thông được. Từ khi củng cố lại lực lượng, hoạt động tác chiến của bộ đội, tự vệ các làng xã được đẩy mạnh một bước. Trong tháng 2-1946, ta đánh địch ở Phú Tài, Phú Hội, Long Phước, Đại Hòa... tuy chưa diệt được nhiều sinh lực địch, nhưng quân và dân Bình Thuận đã rút được những bài học kinh nghiệm quý báu cho chặng đường chiến đấu tiếp theo.

Vì quyền lợi của chủ nghĩa đế quốc, Anh - Pháp - Mỹ - Tưởng Giới Thạch thỏa thuận với nhau xâm lược Việt Nam vừa mới giành được độc lập. Tình thế đất nước vô cùng hiểm nghèo, vừa giải quyết bao khó khăn chồng chất, vừa đối phó với nhiều kẻ thù từ nhiều phía. Nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung

ương Đảng và Hồ Chủ tịch, Chính phủ ta đã ký với Chính phủ Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946. Đây là một sách lược mềm dẻo hết sức cần thiết nhằm đẩy quân Tưởng ra khỏi miền Bắc, loại bỏ bớt bọn phản động bên trong và chia mũi nhọn đấu tranh vào bọn thực dân Pháp xâm lược, tranh thủ mọi khả năng hòa hoãn để củng cố lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Sau khi ký hiệp định sơ bộ, Trung ương cử một phái đoàn đến Nha Trang (Khánh Hòa) để bàn với Bộ Chỉ huy Nam Trung kỳ của địch (Zonesud Annam) về việc thực hiện lệnh ngừng bắn ở các tỉnh Nam Trung bộ. Đồng thời, địch ở các tỉnh cũng chủ động đến liên hệ với ta để bàn ký Hiệp định sơ bộ ở địa phương.

Cũng như các tỉnh bị chiếm khác, ở Bình Thuận địch đến liên lạc với ta bàn hai bên ký hiệp định sơ bộ địa phương. Lúc này, trong cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Dương, chủ tịch Ủy ban đang chữa bệnh ở Khu 5, đồng chí Nguyễn Dân, Bí thư Tỉnh ủy đang bị bệnh, đồng chí Nguyễn Tương, Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh đi họp Quốc hội chưa về, nên trong cuộc họp giữa đại diện Việt Minh, chính quyền, Chi đội 1 Giải phóng quân không thống nhất được chủ trương chung. Đồng chí Lương Văn Khâm, chi đội trưởng, ông Trương Văn Thu, phó Chủ tịch Ủy ban hành chánh tỉnh... đồng ý ký với Pháp.

Các đồng chí Nguyễn Chúc, Đặng Soa, Thái Hựu, Nguyễn Gia Tú, Cổ Văn An... không đồng ý. Hiện tượng mất đoàn kết, chia rẽ nội bộ xuất hiện. Khoảng cuối tháng 3 năm 1946, đồng chí Khâm và ông Thu đứng ra ký hiệp định sơ bộ địa phương với Pháp tại làng Lại An (Hàm Thuận). Nội dung Hiệp định địa phương cũng giống như các điều khoản của Hiệp định sơ bộ Chính phủ ta đã ký với Pháp, song ranh giới phân chia ta, địch ở địa phương có lợi cho địch... Sau khi ký ở tỉnh, ở một số huyện địch cũng chủ động gặp ta bàn ký kết hiệp định tại địa phương. Ở huyện Hòa Đa, tên quan ba Calvet ký với đại diện đại đội 3 đóng quân ở đây ; tên trung úy Joan Nos đồn trưởng đồn La Gi cũng gửi thư ngỏ cho Ủy ban hành chánh huyện bàn ký hiệp định. Trong khi đó, các đồng chí không đồng ý ký hiệp định với Pháp thì tích cực chuẩn bị kháng chiến. Do không thống nhất quan điểm và hành động trước kẻ thù, và do sẵn có mối bất đồng trước đây, nên trong nội bộ lãnh đạo tỉnh lúc bấy giờ mâu thuẫn càng thêm gay gắt bất lợi cho sự nghiệp chung.

Trong khi đó, đồng chí Nguyễn Tương ra đến Huế biết tin Quốc hội đã họp xong (Quốc hội họp trước thời gian đã thông báo), đã gặp đồng chí Nguyễn Đức Dương đang chữa bệnh. Được đồng chí Trần Hữu Dực, Chủ tịch Ủy ban hành chánh Trung bộ, thông báo chủ trương chuẩn bị kháng chiến của Trung ương, hai đồng chí Tương và Dương, trên hai chiếc ghe bầu khác nhau

trở lại chiến trường. Cuối tháng 4-1946, hai đồng chí cùng về đến Mũi Né và ngày 8-5-1946, cùng với các đồng chí lãnh đạo tỉnh ở nhà tổ chức họp tại Rẫy Thơm làng Tuy Hòa (xã Hàm Đức) bàn kế hoạch củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, chuẩn bị kháng chiến và quyết định hủy bỏ Hiệp định địa phương đã ký với Pháp. Khi ta tuyên bố hủy bỏ Hiệp định địa phương, thực hiện ý đồ thâm độc từ trước, đêm 8-5-1946 địch đánh úp vào Ban chỉ huy Chi đội 1 ở Triền, sau đó bắt đồng chí Lương Văn Khâm chỉ đội trưởng đưa về Phan Thiết thủ tiêu ; tấn công vào vị trí của Đại đội 3 ở Hòa Đa, gây cho ta nhiều tổn thất, mất mát. (1)

Việc ký Hiệp định sơ bộ địa phương là sai lầm của một số đồng chí lãnh đạo tỉnh lúc bấy giờ. Sau khi ký, cả tin vào kẻ thù sẽ thực hiện đúng hiệp định, nên mất cảnh giác, để cho địch đi vào vùng ta, dò la tin tức chuẩn bị đánh úp cơ quan. Sự thiếu nhất trí trong lãnh đạo tỉnh đã làm cho lực lượng cách mạng suy yếu. Một số cán bộ hoang mang, mất phương hướng, chao đảo tinh thần. Nhiều chiến sĩ Quốc gia tự vệ Cuộc Phan Thiết chôn súng, bỏ về nhà làm ăn. Một số nhân viên Ủy ban ở Mũi Né xuống thuyền ra vùng

1 Phản lại Hiệp định sơ bộ địa phương ở các tỉnh, ngày 1-5-1946 Pháp đánh úp lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa ; cũng ngày 1-5 Pháp đánh úp vào La Chũ bắt hầu hết các thành viên Ủy ban hành chánh tỉnh Ninh Thuận.

tự do. Một số tên tay sai địch nằm im, chờ thời, nài ra mặt khủng bố đồng bào. Địch đóng thêm đồn bót, siết chặt ách kềm kẹp nhân dân. Có thể nói đây là thời điểm khó khăn nhất của Bình Thuận trong những ngày đầu kháng chiến.

*

* * *

Sau khi phản bội Hiệp định sơ bộ địa phương gây tổn thất cho ta ở các tỉnh Cực Nam Trung bộ, tháng 6 năm 1946, Pháp dùng tàu thủy bắn phá dọc bờ biển từ Phú Yên đến Đèo Cả. Trên bộ, chúng cho quân đánh chiếm Kon Tum, Cheo Reo, An Khê... Ở phía Bắc, sau khi 20 vạn quân Tưởng rút khỏi miền Bắc nước ta, tháng 11 năm 1946, Pháp dùng tàu thủy đổ bộ chiếm Đà Nẵng, Hải Phòng...

Trước tình hình địch mở rộng chiến tranh ra các tỉnh Nam Trung bộ và cả nước, để đẩy mạnh cuộc kháng chiến vùng sau lưng địch, Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam đã tăng cường cán bộ cho các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận. Từ tháng 6 đến tháng 8-1946, các đồng chí Nguyễn Văn Giáo, Nguyễn Sắc Kim (vào lại), Phan Bường, Phan Hạo... và nhiều chiến

sĩ cùng một số quân trang, quân dụng được bổ sung cho chiến trường Bình Thuận.

Tại Bình Thuận, sau cuộc họp cán bộ chủ chốt tỉnh tháng 5-1946 ở Rẫy Thơm làng Tuy Hòa, kế hoạch sắp xếp lại tổ chức, bố trí lại cán bộ lãnh đạo, xây dựng lại lực lượng vũ trang, củng cố chính quyền và đoàn thể Việt Minh được triển khai khẩn trương.

Về Đảng, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, từ tỉnh đến các huyện, thị Phan Thiết, Hàm Thuận, Tuy Phong, Hàm Tân đều thành lập các "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác" để tuyên truyền giác ngộ, xây dựng hạt nhân nòng cốt của Đảng. Nhiều hội viên sau quá trình tuyên truyền giáo dục tiếp thu chủ nghĩa Mác được kết nạp vào Cứu quốc hội. Đến quý 3 năm 1947, tỉnh Bình Thuận có 163 hội viên chính thức, 20 hội viên dự bị, hoạt động trong 25 chi hội (gồm 17 chi hội ở các làng, 2 chi hội phường, 4 chi hội cơ quan và 2 chi hội ghép). Về sinh hoạt, chi hội cơ sở sinh hoạt 1 tháng 3 lần, chi hội cấp huyện sinh hoạt 2 tháng 1 lần và ở tỉnh cũng 2 tháng 1 lần. Trong số hội viên có các thành phần : công nhân chiếm 10%, trung bản nông chiếm 54%, tiểu tư sản, trí thức chiếm 30% và phụ nữ chiếm 5%. Lực lượng hội viên trong quân đội có 33 đồng chí.

Song song với tuyên truyền xây dựng Đảng dưới hình thức "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác", cuối năm 1946 đầu 1947 các đoàn thể Việt Minh cũng được củng

cố lại. Về Việt Minh tỉnh vẫn do đồng chí Nguyễn Tương làm chủ nhiệm. Tháng 6-1946, đồng chí Tương phụ trách đơn vị "Tự vệ chiến đấu" tỉnh, đồng chí Cổ Văn An thay lãnh đạo công tác Việt Minh ; đồng thời vào cuối 1946 đầu năm 1947, tỉnh điều đồng chí Nguyễn Huệ từ Hàm Tân về làm phó chủ nhiệm... Tháng 10-1947, tỉnh giải tán đơn vị "Tự vệ chiến đấu", đồng chí Tương trở lại làm nhiệm vụ Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh. Năm 1948, đồng chí Tương ra Liên khu 5 công tác, đồng chí Lê Tự Nhiên nguyên là Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh Ninh Thuận trong năm 1945 - 1946, năm 1947 đi công tác ở Lâm Viên bị địch bắt giam đã vượt ngục về công tác ở Bình Thuận được bổ sung vào Tỉnh ủy và thay đồng chí Tương. Đến năm 1949, thực hiện chủ trương thống nhất Việt Minh và Liên Việt, đồng chí Nhiên ra công tác tại Liên khu V. Các đoàn thể như Thanh niên cứu quốc do đồng chí Nguyễn Diêu phụ trách, Hội Phụ nữ cứu quốc do đồng chí Nguyễn Thị Tiếng thay đồng chí Trần Thị Dung (Ân) làm hội trưởng ; Công nhân cứu quốc do đồng chí Nguyễn Văn Bưu phụ trách v.v...

Về chính quyền tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Dương vẫn được cử làm Chủ tịch Ủy ban hành chánh và tháng 8-1946 đảm nhiệm bí thư thay đồng chí Dân đang bị bệnh, và các ông : Trương Văn Thu làm phó chủ tịch, Lê Trung Ngạn làm thư ký. Tuy vậy, việc điều hành của chính quyền các cấp chưa có nề nếp. Ở các huyện, thị, giải tán các khu hành chánh, thành

lập các xã mới : Hàm Thuận 17 xã, huyện Hàm Tân 5 xã, Hòa Đa 10 xã... Chính quyền các huyện cũng được củng cố một bước. Các đồng chí : Trương Cửu làm chủ tịch Hòa Đa, Lâm Nung chủ tịch Phan Lý Châm, Hoàng Đình Yến chủ tịch Hàm Tân, Nguyễn Gia Tú làm chủ tịch Hàm Thuận, đồng chí Lê Triều chủ tịch Tánh Linh, Phạm Xin chủ tịch Tuy Phong. Chính quyền thị xã Phan Thiết được thành lập vào cuối 1947, do ông Huỳnh Văn Dậu làm chủ tịch. (1)

Về quân sự, ngày 25-6-1946, tỉnh có chủ trương củng cố lại các đại đội của Chi đội 1 trước đây, bổ sung thêm thanh niên tham gia vào lực lượng vũ trang thành lập trung đoàn 82. Ban chỉ huy trung đoàn đóng tại Hố Đất, do đồng chí Nguyễn Văn Giáo làm trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Sắc Kim làm chính trị ủy viên. (2) Đến tháng 10-1947, thành lập 2 tiểu đoàn tập trung 89 và 86.

- 1 Khi đồng chí Nung bị địch bắt, đồng chí Văn Quyên thay làm chủ tịch huyện Phan Lý Châm. Tháng 7-1946, đồng chí xin ra công tác ở vùng tự do Khu 5, đồng chí Phạm Quỳnh Đồng thay làm chủ tịch Tuy Phong.
- 2 Trung đoàn có các đại đội lấy phiên hiệu là : C Phan Đình Phùng hoạt động trên địa bàn Hàm Thuận - Phan Thiết, đến tháng 9-1946 đổi vào hoạt động ở Hàm Tân, Tánh Linh; C Hoàng Hoa Thám hoạt động trên địa bàn Hàm Tân, đến tháng 9-1946 chuyển ra hoạt động trên địa bàn của Phan Đình Phùng trước đây và C Quang Trung hoạt động trên địa bàn 3 huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong. Trong năm 1947, thành lập thêm C Trần Quốc Tuấn, C Phạm Hồng Thái.



Đồng chí Nguyễn Đức Dương, Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Bình Thuận từ tháng 8 - 1946 đến tháng 4 - 1947 Từ tháng 10 - 1947 đến tháng 8 - 1949, tiếp tục làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận và là ủy viên Liên khu ủy, Liên Khu V, Bí thư Ban cán sự Cục Nam. (Ảnh chụp năm 1992).

Cũng vào tháng 6-1946, đồng chí Nguyễn Tương tập hợp thanh niên yêu nước của huyện Hàm Thuận, Phan Thiết thành lập đơn vị "Tự vệ chiến đấu" của tỉnh, gồm 3 trung đội. Đơn vị đã hoạt động đánh địch nhiều trận trên địa bàn Hàm Thuận, Phan Thiết. Nhân dân thường gọi đơn vị này là "Bộ đội ông Tương".

Sau khi thực hiện chủ trương liên xã, các xã mới đều thành lập các lực lượng du kích, tự vệ để làm nhiệm vụ bảo vệ xóm làng và diệt tề. Các huyện, thị cũng thành lập các đơn vị du kích tập trung, như tháng 3-1946, Phan Thiết thành lập đơn vị vũ trang lấy tên "Ban kiến thiết" sau đổi lại "Danh dự đội". Tháng 10-1947, huyện Phan Lý thành lập trung đội Chế Bông Nga ; huyện Tân Linh thành lập trung đội người dân tộc lấy tên "Trung đội Châu Ro", huyện Hàm Tân tổ chức du kích tự vệ của huyện.

Về công an tỉnh cũng được củng cố lại do đồng chí Đặng Soa phụ trách, sau đó ông Vũ Đình Bang thay. Các huyện Hòa Đa, Hàm Thuận, thành lập đơn vị công an xung phong và Phan Thiết, Tuy Phong thành lập các Ban "AS" làm nhiệm vụ diệt bọn tề, Việt gian có nợ máu với nhân dân.

Sau khi lực lượng vũ trang tập trung và các đội tự vệ được củng cố, phong trào đánh địch diễn ra sôi nổi. Ngày 9-5-1946, du kích Bình Thạnh phối hợp với Đại đội Quang Trung đánh địch tại La Càn, diệt 10

tên, thu 4 súng. Sáng 11-05-1946, địch huy động thiết giáp, máy bay yểm trợ cho 200 tên lính tấn công vào La Gàn. Tại làng căn cứ này, du kích, bộ đội Quang Trung chặn đánh địch quyết liệt : tên quan hai và một số binh lính bỏ mạng. Mãi đến 15 giờ chiều, địch mới tràn được vào thôn. Chúng điên cuồng trả thù, tàn sát 45 người và bắt 55 người khác, đốt phá nhiều nhà cửa, vườn cây. Đây là vụ địch tàn sát lần thứ nhất ở La Gàn. Ngày 26-6-1946, ta phục kích đánh địch từ Bình Thiện đến Mũi Né, diệt gần 1 trung đội, thu 1 trung liên Pren và 7 súng trường. Đây là trận đánh thu chiến lợi phẩm súng trung liên đầu tiên. Cũng trong tháng 6-1946, đại đội Phan Đình Phùng đánh đồn Rạng và Phú Hội, tác động mạnh đến Phan Thiết, nhân dân ở đây vui mừng phấn khởi, bọn tề vệ hoang mang dao động. Ngoài ra, trong tháng 7, 8-1946, đại đội Quang Trung còn đánh địch ở Xóm Lụa (Chợ Lầu), Thái An..., hỗ trợ phong trào cách mạng ở đây phát triển. Từ cuối 1946, bộ đội Trung đoàn 82 cùng Đội tự vệ chiến đấu của tỉnh và du kích các địa phương đã đánh địch ở Rẫy Thơm, Triền, Dân Thạnh, Rạng, Sông Lũy, Bình Lâm, Xuân Bình, Ma Lâm, Lagi, Tân Lý, Tam Tân tạo nên một phong trào thi đua giết giặc rộng khắp. Đặc biệt nhân dân Văn Kê, Thạnh Mỹ... (Hàm Tân) tự đốt nhà tản cư lên rừng bất hợp tác với địch khi chúng đưa quân đến đóng đồn ở Cây Khô

vào tháng 7-1946. Bị cô lập và du kích thường xuyên bao vây, chỉ vài tháng sau, chúng phải rút bỏ đồn và vùng Cây Khô trở thành căn cứ kháng chiến của huyện Hàm Tân cho đến năm 1954.

Cùng với hoạt động vũ trang, phong trào nhân dân ủng hộ kháng chiến phát triển mạnh. Có thể nói, cơ quan kháng chiến và bộ đội đóng ở đâu đều được lực lượng tiếp tế của địa phương lo cho đầy đủ nơi ăn, chốn ở, lương thực, thuốc men. Trong tấm lòng người dân đối với kháng chiến, đối với bộ đội, có biết bao người cha, người mẹ ủng hộ một cách vô tư, vì cách mạng. Ông Lê Văn Hinh - các chiến sĩ thường gọi "Ông già đồng rơm" - quê ở Hàm Liêm (Hàm Thuận) trong năm 1946 đã ủng hộ đơn vị bộ đội E82 19 xe lúa và dành riêng một số ruộng cho bộ đội sản xuất tự túc. Đại đội Quang Trung được nhân dân Phan Rí chu cấp, nuôi dưỡng hết sức nhiệt tình. Các má Di, má Năm ở Mũi Né bán cả tài sản ủng hộ bộ đội và tự nguyện làm y tá, nuôi dưỡng thương bệnh binh cho đến sau này. Ở vùng tạm bị địch chiếm, nhân dân hăng hái quyên góp thuốc men, vải vóc, tiền bạc ủng hộ kháng chiến. Ở các thị xã, thị trấn, các chủ thùung lều đều tự nguyện đóng thuế nước mắm, đóng góp tài chánh nuôi quân đánh giặc.

Như vậy, sau một thời gian gặp khó khăn, phong trào cách mạng Bình Thuận đã được củng cố. Việc xây

dựng căn cứ làm chỗ dựa cho cuộc kháng chiến lâu dài được sớm triển khai. Tỉnh xây dựng căn cứ ở Triền, Hồ Đất, Bàu Trắng, v.v... Các huyện ở phía Bắc tỉnh lập căn cứ ở Bá Ghe, Lệ Nghi, Bình An, Thái An, La Gàn và các huyện phía Nam tỉnh lập căn cứ ở Ba Hòn, Tam Minh, Tiến Thành... Ngay trong vùng tạm bị chiếm vẫn có cơ sở cách mạng và các căn cứ lỏm ở Phan Thiết... Riêng huyện Tánh Linh, địch chỉ đóng đồn ở huyện lỵ, còn vùng rừng núi bao la vẫn do ta làm chủ.

Thế và lực mới ở Bình Thuận đã được mở ra để cùng cả nước bước vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và nhất định thắng lợi.

Đại hội Quang Trung được nhân dân Phan Rí chủ trì
nổi đường hết sức nhiệt tình. Các mã Dị mã Năm ở
Mũi Né bản cả tài sản ủng hộ bộ đội và tự nguyện
làm y tá, nuôi dưỡng thương binh dành cho đến sau
này. Ở vùng tạm bị địch chiếm, nhân dân hàng hải
quyên góp thuốc men, vải vóc, tiền bạc ủng hộ kháng
chiến. Ở các thị xã, thị trấn, các thị trấn lẻ nhỏ
tự nguyện đóng thuế nước mắm, đóng góp tài sản
nổi quân nhân giữ

Như vậy sau một thời gian xây dựng căn cứ, phong
trào cách mạng Bình Thuận đã được củng cố. Việc xây

CHƯƠNG III :

CÙNG TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN LIÊN TỤC TẤN CÔNG ĐỊCH (12-1946 - 08-1949)

Cuối năm 1946, tình hình đất nước có những diễn biến mới.

Với đội quân viễn chinh nhà nghề hơn 10 vạn tên đã đứng chân trên các vị trí chiến lược quan trọng của nước ta, bọn thực dân Pháp phản bội Hiệp định sơ bộ 6-3, trắng trợn đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Từ ngày 15 đến 19 tháng 12 năm 1946, chúng gây hấn tại Hà Nội và đêm 18-12, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta phải đầu hàng.

Trước âm mưu của địch như vậy, ngày 13-12-1946, Hội nghị Khu trưởng 12 chiến khu họp tại Hà Đông để nhận nhiệm vụ mới và bổ sung kế hoạch tác chiến ở các địa phương. Đồng thời, ngày 18, 19-12 Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng tại làng Vạn Phúc (Hà Đông) dưới sự chủ tọa của Hồ Chủ tịch, đã quyết định phát động toàn dân vùng lên kháng chiến cứu nước và đề ra chủ trương "Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ". Ngày 20-12-1946, Hồ Chủ tịch ra lời

kêu gọi "Toàn quốc kháng chiến" và ngày 22-12, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Toàn quốc kháng chiến". Đáp lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ, toàn thể dân tộc Việt Nam đã đứng dậy "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ". Đêm 19-12-1946, quân dân Hà Nội nổ súng mở đầu cho cuộc kháng chiến trong cả nước.

Ở các tỉnh Nam Trung bộ, tháng 12-1946, giặc Pháp đã tăng thêm quân và phương tiện chiến tranh vào Đà Nẵng và ngày 20-12 chúng đánh rộng ra các vùng xung quanh để khai thông với Huế. Đối với các tỉnh bị chiếm từ Khánh Hòa trở vào, chúng đóng đồn bót kiên cố, canh giữ các trục giao thông quan trọng và các đô thị đông dân cư. Chúng lập tế, tổ chức nguy quân, lập các đồn bảo an, đưa lính Âu - Phi làm quân cơ động. Từ tháng 8 đến cuối năm 1947, chúng củng cố vùng tạm bị chiếm, nghi binh vùng tự do, rút bớt quân đưa ra tấn công ta ở Việt Bắc. Sau khi thất bại ở Việt Bắc trong đợt hành quân tìm diệt Chính phủ ta, từ đầu 1948 đến cuối 1949, chúng củng cố vùng bị chiếm tấn công ra vùng tự do. Đến giữa năm 1948, quân Pháp ở Khu 6 có 1 trung đoàn (5 tiểu đoàn) và 1 tiểu đoàn thuộc Bộ chỉ huy miền Nam Trung bộ và cao nguyên của chúng. Ngoài ra, còn có lực lượng bảo an (GI) do các tên giám binh từng tỉnh chỉ huy và lính quốc gia của Mặt trận Việt gian bù nhìn, như ở

Khánh Hòa, Ninh Thuận v.v... Đầu năm 1947, Bộ chỉ huy của địch ở Nha Trang, Phan Rang, Ba Ngòi về Sài Gòn họp và nhận lệnh : "Phải ra sức tấn công để mang lại thương thuyết".

Về ta, trên mảnh đất Nam Trung bộ, Trung ương Đảng và Chính phủ cử đồng chí Phạm Văn Đồng làm đại diện để chỉ đạo, đối phó với địch trong tình hình mới. Tháng 11 năm 1948, Trung ương cũng thành lập Ủy ban hành chính Nam Trung bộ do đồng chí Nguyễn Duy Trinh làm chủ tịch. Trước đó, vào tháng 2-1947 thành lập lại Khu 6 gồm các tỉnh từ Khánh Hòa, Buôn Ma Thuột đến Bình Thuận, Đồng Nai Thượng do đồng chí Trần Công Khanh làm khu trưởng, đồng chí Nguyễn Côn làm Bí thư Khu ủy. Để phối hợp với chiến trường chung trong toàn quốc, Khu 6 có chủ trương "gia tăng thêm lực lượng, khuyến khích hàng ngũ dân quân, lập Ủy ban kháng chiến hành chính khu, tỉnh, huyện, xã, lập các phòng tuyến dân quân, huấn luyện dân quân theo chiến thuật du kích để phối hợp tác chiến cùng với bộ đội, lập các ban phá hoại, tổ chức ban kinh tài, tiếp tế, sản xuất...". Đồng thời, Khu xây dựng phòng tuyến chống địch tấn công ra vùng tự do của ta từ Phú Yên trở ra. Các trung đoàn 81, 82 xa Khu, nên Khu tổ chức đường dây liên lạc tiếp tế vào. Mỗi trung đoàn thành lập một xưởng quân khí để sản xuất, sửa chữa vũ khí tại chỗ. Khi có lệnh toàn quốc kháng chiến, từ ngày 19-12-1946 đến 15-01-1947, các mặt trận

từ Củng Sơn, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết liên tục tấn công địch.

Ở Bình Thuận, đến cuối năm 1946, địch đã đóng giữ các nơi trọng yếu và đầu năm 1947, chúng thực hiện âm mưu củng cố vùng chiếm đóng. Đồng thời, chúng xây dựng hệ thống ngục quyền từ tỉnh đến các thôn, xã, đưa Lưu Bá Châm lên làm tỉnh trưởng, trọng tâm là xây dựng bộ máy tế điệp ở cơ sở với hình thức thành lập các Hội đồng hương chính xã, thôn và các Hội đồng này do các đồn bót trong thôn, xã đó chỉ huy. Cuối năm 1947, chúng thành lập tổ chức Quốc gia liên hiệp ở Hòa Đa và đầu năm 1948, chúng thành lập một Xã ủy Liên hiệp quốc gia ở đây do Nguyễn Công Luận làm khối trưởng và thành lập lính quốc gia có 65 tên. Đến 21-3-1950, Lưu Bá Châm thay Luận làm khối trưởng. Bọn quốc gia liên hiệp hoạt động mạnh vào năm 1947 đến giữa năm 1948. Từ cơ sở ở Hòa Đa, chúng tiến hành vận động xây dựng tổ chức ở Phan Lý, Hàm Thuận.

Cùng với việc thành lập ngục quyền, chúng ra sức phát triển ngục quân, bắt cả thanh niên người Chăm, người Thượng vào lính. Từ 1946 đến năm 1948, trên đất Bình Thuận có 1 tiểu đoàn lính Pháp đồn trú và 1 tiểu đoàn khác làm lính cơ động đi càn quét đánh phá cách mạng. Lính ngục có 700 tên. Như vậy, cả lính Pháp, lính ngục trên đất Bình Thuận lúc này có

2.000 tên. Năm 1946, chúng đóng 20 đồn bót, đến năm 1948 tăng lên 84 cái. Các đồn bót đều được tăng cường quân số và trang thiết bị, như đồn Ma Lâm, Sông Quao, Phan Rí... Từ 1 trung đội lên 2 trung đội và có khi là một đại đội.

Về ta, trước khi có lệnh toàn quốc kháng chiến, tổ chức Việt Minh, chính quyền được củng cố ổn định và đi vào hoạt động lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến. Lực lượng vũ trang được xây dựng và bố trí khắp các địa bàn xung yếu. Trung đoàn 82 đóng trên các địa bàn xung yếu ở Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý, Hàm Thuận, Hàm Tân, Tánh Linh. Thị xã Phan Thiết tổ chức "Ban phòng điệp", đến tháng 8-1947 đổi thành đại đội "Cảm tử" mang tên nhà yêu nước Nguyễn Thái Học. Ngoài ra, ta còn đơn vị du kích tập trung của tỉnh (Bộ đội ông Tương) thành lập 6-1946, đến 10-1947, nhập vào Trung đoàn 82. Tháng 8 và tháng 9 năm 1947, thành lập 2 tiểu đoàn tập trung lấy phiên hiệu 86 và 89 thuộc trung đoàn 82 hoạt động 2 miền trong tỉnh. Bên cạnh bộ đội tập trung, các huyện, xã phát triển mạnh lực lượng dân quân, du kích.

Khi có lệnh "Toàn quốc kháng chiến" đến giữa năm 1948, quân dân Bình Thuận đã liên tục tấn công địch, đánh 98 trận (riêng trong năm 1947 đánh 84 trận), thu được 19 trung liên, 24 tiểu liên, 95 súng trường, 3 súng đại liên và nhiều đạn dược, đồ dùng quân sự

khác. Trong hơn một năm rưỡi tấn công địch, bộ đội Trung đoàn 82 có nhiều trận chiến đấu thể hiện cách đánh sáng tạo và dũng cảm. Như sáng ngày 14-6-1947, một tiểu đội của đơn vị Hoàng Hoa Thám do đồng chí Nguyễn Minh Châu chỉ huy cải trang lính địch, có 3 người lính Lê Dương theo cách mạng tham gia đóng vai quân Pháp đi tuần dã đánh kỳ tập vào đồn Lầu Ông Hoàng. Đồn này đóng trên đỉnh một ngọn núi vùng Phú Hải nhằm kiểm soát con đường từ Phan Thiết đi Mũi Nè và bảo vệ thị xã từ phía Đông. Khi tên lính gác thấy có lính Pháp và lính nguy tửng là lính của cấp trên đi kiểm tra nên bồng súng chào. Tiểu đội tiến vào trong đồn, tên đồn trưởng cũng vừa ngủ dậy, vội vàng đón tiếp. Người hàng binh đóng giả quan hai (thiếu úy) đưa thư cho tên đồn trưởng, lúc đó ta chớp thời cơ nổ súng diệt tên đồn trưởng và chiếm các vị trí quan trọng trong đồn. Bị đánh bất ngờ, chúng hoảng loạn, ta diệt 20 tên, thu 1 súng đại liên Vicke, 1 súng trung liên Pren, 10 thùng đạn. Trận đánh diễn ra trong 10 phút và ta làm chủ trong 2 tiếng đồng hồ mới rút lui. Đây là trận đánh kỳ tập đầu tiên trên chiến trường Bình Thuận. Ở Hàm Thuận, ngày 15-7-1947, ta phục kích giao thông ở Cầu Trại, chặn đánh 3 xe địch chở 80 tên lính, diệt 40 tên, bắt 5 tên và thu nhiều súng đạn. Trận đánh đồn Xóm Lụa

(Phú Long) ngày 8-12-1947, tiểu đội cảm tử của ta cải trang thành lính địch, ngồi xe ô tô tiến vào tiêu diệt đồn. Ở huyện Tuy Phong, ngày 20-10-1947, đại đội Quang Trung chặn đánh 3 xe địch chở lính đi càn ở dốc Bàu Đá (quốc lộ 1), tên đại úy Can-ve vứt cả quân trang, chỉ mặc quần xà lỏn, cắt rừng chạy bộ về đồn Hòa Đa. Ngày 4-7-1947, đại đội Quang Trung bất ngờ tấn công vào đồn Phan Rí, diệt 1 tiểu đội khi chúng còn đang chào cờ buổi sáng. Vào một ngày trong tháng 8-1947, đại đội Quang Trung tập kích vào nhà lao Hòa Đa, giải phóng nhiều tù nhân bị địch giam giữ ở đây. Đến ngày 15, 16-3-1948, tiểu đoàn 89 đánh bại một tiểu đoàn lính Lê Dương càn vào Thái An (Hòa Đa) diệt 80 tên. Quân Pháp gọi vùng đất này là "đất máu". Hơn hai năm kháng chiến, vùng đất Thái An đã có biết bao cán bộ, chiến sĩ, nhân dân hy sinh xương máu để giữ cửa ngõ phía Bắc căn cứ của khu Lê Hồng Phong sau này. Còn ở huyện Hàm Tân, đến đầu năm 1948, địch chỉ còn đóng trong hai đồn Tân Lý và Lagi.

Phong trào du kích chiến tranh phát triển. Lực lượng dân quân, du kích được xây dựng đều khắp các xã, thôn trong tỉnh, có lúc phối hợp với lực lượng trung đoàn 82 đánh địch, có lúc độc lập tác chiến diệt tề. Huyện Hàm Thuận là địa bàn trực tiếp uy hiếp căn cứ đầu não của địch ở Phan Thiết, nên giữa ta và

chúng có sự giằng co quyết liệt. Muốn bảo vệ Phan Thiết, chúng phải tiêu diệt lực lượng ta bên ngoài. Vì vậy, trung bình mỗi tháng có 2 đến 3 cuộc càn quét diễn ra trên đất Hàm Thuận. Trong đó, vùng Tam Giác là trọng điểm đánh phá của địch, cũng là nơi giằng co quyết liệt giữa ta và địch trong suốt cuộc kháng chiến. Trong những tháng đầu năm 1947, du kích xã Hàm Liêm cùng đơn vị bộ đội Hoàng Hoa Thám bao vây đồn Phú Bình, buộc chúng phải bỏ đồn rút về đóng ở cây số 6, đường số 8 vào tháng 8-1947. Nhưng ở đây chúng lại bị du kích xã Hàm Chính và bộ đội bao vây buộc phải rút về Bình Lâm. Tháng 5-1948, tiểu đoàn 86 cùng dân quân xã Xuân Bình chặn đánh địch từ Phan Thiết tiếp tế cho đồn Tân Nông (Hàm Thuận) diệt 30 tên, trong đó có cả tên Phủ Nốt khét tiếng gian ác. Đến khi địch bắt đầu dồn dân vùng ven thị xã trong năm 1947 - 1948, nhiều người chống dồn tránh lánh đi nơi khác, hoặc vào rừng lập thành làng chiến đấu. Từ tháng 4 năm 1947, tỉnh phát động đợt tổng phá tề, toàn huyện Hàm Thuận diệt và bắt 60 tên ngoan cố. Ở Tuy Phong, có La Gàn là nơi nhân dân đấu tranh quyết liệt với địch. Đến ngày 2 và 3-10-1947, địch dồn dân vào chùa Phật Học (La Gàn - Bình Thạnh) xả súng bắn chết 121 người dân vô tội chỉ vì không chịu lập tề theo lệnh của chúng. Đây là vụ tàn sát dã man nhất lúc bấy giờ và

đã gây căm thù sôi sục trong nhân dân các tỉnh cực Nam Trung bộ. Sự khủng bố của địch cũng không ngăn được phong trào du kích chiến tranh trong địa phương. Ở nhiều nơi bọn tề do địch lập ra bị ta diệt hay làm cho suy yếu, không hoạt động hoặc bị xóa bỏ. Như La Gàn (xã Bình Thạnh) từ năm 1946 đến 1947 không có tề. La Gàn còn là nơi có hệ thống bố phòng khá mạnh. Hệ thống "bù" được dựng lên nhiều nơi để báo tin khi địch đi càn quét. Cùng với La Gàn, Long Hương cũng là nơi đầu não của địch rất sợ dân quân du kích. Trong năm 1948, du kích Long Hương đã tổ chức diệt bảy ngựa của đội kỵ binh do tên Đờ-cốc chỉ huy, làm cho lực lượng đột kích nhanh của địch vào vùng ta để bắt cán bộ không còn hoành hành như trước nữa. Cùng với lực lượng du kích đánh địch, ngày 2-3-1948 có 3 thiếu niên Đinh Ngọc Hoàng, Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Mao giả dạng làm trẻ chăn trâu lên vào đốt cháy một máy bay Calatina của địch ở sân bay Long Hương. Thành tích ấy của các em được Bác Hồ khen ngợi và gửi tặng 3.000 đồng Việt Nam và ủy nhiệm cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch chuyển vào. Ở Phan Rí thường nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng, Ở đây đồng bào tổ chức "Đội thiếu niên cờ lau" làm nhiệm vụ canh gác, liên lạc... Ở Phan Thiết, trung tâm đóng các cơ quan đầu não của địch, lực lượng du kích, bộ đội hoạt động trong điều kiện bí mật, được quần chúng

che chở tiếp tế nên cũng đánh được địch liên tục, trừng trị nhiều tên tay sai khét tiếng gian ác, khiến địch rất khiếp sợ. Nhân ngày Quốc khánh nước Cộng hòa Pháp 14-07-1947 truyền đơn Việt Minh rải nhiều nơi trong thị xã... phản đối thực dân Pháp xâm lược. Hoạt động của Cẩm tử đội đã vô hiệu hóa nhiều ban hội tế trong 6 phường. Nhiều trận đánh táo bạo, mưu trí của Cẩm tử đội làm địch không đối phó kịp. Như trận ngày 20-7-1948 (là ngày 14-06-1948 âm lịch), 7 chiến sĩ cẩm tử đội do đồng chí Lâu phụ trách, cải trang công nhân đổ xe thùng (công nhân vệ sinh) chở rác từ Sở Dương (nay là trại tạm giam Công an tỉnh) chạy vào thị xã qua đồn lính khố xanh (nay là cơ quan Tỉnh đội), qua nhà thương (Bệnh viện tỉnh).. xe chạy đến đâu, súng nổ đến đó và truyền đơn cũng được rải theo. Lối đánh đó của ta làm bọn địch bất ngờ, hoang mang, bắn loạn xạ càng làm cho chúng hoang mang thêm. Khi xe thùng đến gần đồn Trinh Tường, địch cho xe đuổi theo, 5 đồng chí ngồi sau rút, riêng đồng chí Hữu lái xe và đồng chí Lý cho xe chạy đến gần đồn ; nhưng bộ phận chi viện không đến kịp như kế hoạch, nên hai đồng chí chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và hy sinh anh dũng. Trận đánh có tác dụng xây dựng lại lòng tin của nhân dân đối với cách mạng. Báo chí Sài Gòn lúc đó cũng đưa tin về trận đánh này của ta nên nhiều nơi biết đến chiến công của anh em

chiến sĩ. Ở Thái An, nơi án ngữ phía Bắc căn cứ của cơ quan tỉnh, địch thường xuyên đánh phá ác liệt. Để báo tin cho cán bộ, bộ đội, du kích chuẩn bị đánh địch, nhân dân tránh lánh khi địch càn đến, nhân dân Thái An đã thành lập các điểm gác "mô". Quân Pháp càn từ Thái An vào căn cứ đều bị chặn đánh, nên rất cay cú với tiếng mô báo động từ xa này của ta. Cay cú với tiếng "mô", nhiều lần địch truy tìm và có lần chúng bắt được 5 anh chị em dân quân gác mô, địch kê đầu từng người lên mô để chặt hòng uy hiếp tinh thần yêu nước các chiến sĩ dân quân, du kích. Nhưng chúng đã lầm, sau vụ thảm sát đó, tiếng mô Thái An vẫn vang lên khi địch hành quân càn quét vào vùng đất này.

Có thể nói, sau khi uốn nắn sai lầm về ký Hiệp định sơ bộ địa phương, phong trào kháng chiến tỉnh nhà được củng cố phát triển. Hưởng ứng lời kêu gọi "Toàn quốc kháng chiến" chủ trương của Đảng và Bác Hồ quân dân Bình Thuận liên tục tấn công địch, thể hiện rõ thế mạnh của chiến tranh du kích và khi thế toàn dân đánh giặc. Đây là thời điểm phong trào du kích chiến tranh tỉnh nhà phát triển nhất từ trước đến nay, cung cấp nhiều bài học cho những chặng đường kháng chiến tiếp theo.

*

*

*

Cuộc kháng chiến càng phát triển, càng đòi hỏi tổ chức Đảng phải được xây dựng vững mạnh. Tháng 4-1947, Tỉnh ủy Bình Thuận mở Hội nghị cán bộ Đảng tại Triền để bàn về công tác phát triển Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, thống nhất lực lượng bộ đội và du kích thoát ly (du kích tập trung), phát triển kinh tế kháng chiến, củng cố công tác tiếp tế, giữ vững giao thông liên lạc ra vùng tự do Trung bộ và vào Nam bộ, và bàn biện pháp giúp đỡ tỉnh Đồng Nai Thượng. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành mới của Đảng bộ gồm 9 thành viên, đồng chí Trần Quỳnh (Mai) được bầu làm bí thư. Đến tháng 10 năm 1947 ; đồng chí Quỳnh ra Khu 6 nhận công tác khác, đồng chí Nguyễn Đức Dương thay làm bí thư (1).

Sau khi bầu Ban Chấp hành mới, công tác phát triển Đảng được chú ý một bước. Trên cơ sở các Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác với mục đích tuyên truyền để phát triển Đảng trước đây, nay nhiều quần chúng cốt cán qua thử thách được kết nạp vào Đảng. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng được hình thành và trong điều kiện Đảng hoạt động bí mật, các cơ quan huyện ủy, thị ủy, tỉnh ủy vẫn gọi là Cứu quốc hội, các chi bộ gọi là chi hội và đảng viên gọi là hội viên.

1 Đồng chí Trần Quỳnh, Bí thư Ninh Thuận, từ đầu 1947 đã được điều vào giúp Tỉnh ủy Bình Thuận củng cố cơ quan lãnh đạo.



*Đồng chí Trần Quỳnh (Mai), Bí thư Tỉnh
ủy lâm thời Bình Thuận từ tháng 4 đến tháng
10 - 1947. (Ảnh chụp 1950)*

Huyện Hàm Thuận trước đây đã thành lập 3 chi bộ : Chi bộ cơ quan huyện, chi bộ xã Đồng Tiến, chi bộ ghép Phú Hải - Phong Năm Sau đó, trên cơ sở phát triển đảng viên, huyện thành lập thêm một số chi bộ ở các xã Xuân Bình, Tân Thành, Dân Đồng, Dân Thạnh. Lúc này đồng chí Nguyễn Gia Tú làm Bí thư huyện ủy kiêm Chủ tịch huyện, đồng chí Nguyễn Diêu, phó bí thư. Đến cuối năm 1947, đồng chí Tú về tỉnh công tác, đồng chí Phan Tấn Trinh thay làm bí thư huyện ủy cho đến năm 1949.

Ở thị xã Phan Thiết, với khẩu hiệu "Biển hậu phương của địch thành hậu phương của ta", Tỉnh ủy đã cử cán bộ vào hoạt động trong nội thành để gây dựng cơ sở. Tháng 5 năm 1947, cơ quan Thị ủy được thành lập. Hai đồng chí Hứa Tự Nhung và Trần Ngọc Trác được cử làm bí thư và phó bí thư thị ủy trực tiếp chỉ đạo các chi bộ ghép phường Đức Long - Lạc Đạo, Bình Hưng - Hưng Long, các cơ quan của thị xã và một số cơ sở Đảng ở Phú Trinh, Trinh Tường. Bên cạnh các hội tế của địch, ta vẫn thành lập các chính quyền các phường hoạt động bí mật để lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kháng chiến.

Ở huyện Hàm Tân, từ giữa 1946 Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác được thành lập do đồng chí Đỗ Đơn Thơ phụ trách. Sau đó chi bộ cơ quan huyện và chi bộ xã Thắng Bình cũng hình thành và năm 1948 thành

lập Huyện ủy, đồng chí Lê Văn Ba được chỉ định làm bí thư.

Ở huyện Phan Lý, năm 1947 tình cử đồng chí Đỗ Khắc Kính ra phụ trách xây dựng Đảng, đã kết nạp thêm 2 đảng viên và hình thành một tổ đảng. Năm 1948, đồng chí Kính bị địch bắt, tình cử đồng chí Nguyễn Bích ra thay. Đầu năm 1949, một số đảng viên mới được kết nạp, nhưng chưa đủ điều kiện thành lập Huyện ủy để lãnh đạo phong trào cách mạng trong đồng bào dân tộc Chăm, tỉnh vẫn quyết định cử đồng chí Bích làm bí thư và đến năm 1950, đồng chí Nguyễn Quý Đôn làm bí thư thay đồng chí Bích.

Ở huyện Tuy Phong, từ tháng 4-1946 đã thành lập huyện ủy lâm thời do đồng chí Hứa Tự Nhung làm bí thư. Đến 1947, đồng chí Nhung vào làm bí thư Phan Thiết, đồng chí Trần Đình Quảng thay. Đến tháng 10-1949, tại Đại hội Huyện đảng bộ, đồng chí Võ Quang Ba được cử làm bí thư và năm 1950 đồng chí Hồ Viết Hách thay. Từ tháng 4 năm 1951, tình sát nhập : Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong thành huyện Bắc Bình, đồng chí Kiều Hoàng được cử làm bí thư huyện ủy.

Ở huyện Hòa Đa, trước khi Pháp trở lại xâm lược, công tác Đảng do đồng chí Cổ Văn An phụ trách. Sau một thời gian phát triển Đảng, đến khoảng tháng 4-1947 thành lập chi bộ do đồng chí Bùi Công Khanh làm bí thư. Từ cuối 1947, trên cơ sở hình thành nhiều chi bộ

ở các xã, năm 1948, huyện ủy Hòa Đa được thành lập do đồng chí Trần Quang Lý làm bí thư. Đến đầu năm 1949, đồng chí Lê Thượng Ích thay làm bí thư và năm 1950 đồng chí Nguyễn Tế Nhị làm bí thư.

Ở huyện Tánh Linh, tổ chức Đảng vẫn do đồng chí Lê Triều làm bí thư, kiêm chủ tịch huyện. Đến năm 1950, tỉnh ủy cử đồng chí Lê Khắc Thành về tăng cường công tác lãnh đạo huyện miền núi.

Ở Trung đoàn 82, từ 10-1946 thành lập chi bộ Đảng trong Ban chỉ huy trung đoàn. Đến tháng 3-1947, thành lập thêm chi bộ ở đại đội Quang Trung. Đến cuối 1947, hầu hết các đại đội đã thành lập chi bộ Đảng và khi thành lập các tiểu đoàn 89, 86 (10-1947) các tiểu đoàn ủy cũng được hình thành để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong tiểu đoàn.

Như vậy, đến cuối năm 1947, số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh Bình Thuận có 183 đồng chí.

Cùng với việc xây dựng Đảng, công tác huấn luyện cho cán bộ Đảng cũng được chú ý. Riêng trong quý III năm 1947, đồng chí Nguyễn Côn, Bí thư Khu ủy Khu 6 đã cùng Tỉnh ủy Bình Thuận mở hai lớp tại Cóc Chua, Ô Rô (Hòa Đa) và Bưng Cò Ke ở Tam Minh, cho 84 cán bộ huyện, xã, mỗi lớp 15 ngày học tập về: đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng ; tình hình Việt Nam từ khi Pháp xâm lược đến nay, về công

tác Đảng và tu dưỡng của người cộng sản ; trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi và sửa đổi lề lối làm việc. Mãn đợt học, học viên làm bản tự kiểm điểm theo thư Hồ Chủ tịch gửi cho các đồng chí đảng viên Trung kỳ tháng 3-1947 vừa qua. Qua các đợt huấn luyện này đội ngũ cán bộ được nâng cao nhận thức về chủ nghĩa cộng sản, đường lối cách mạng Việt Nam về lề lối, phương pháp làm việc từng bước đi vào nền nếp.

Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng bộ tháng 4-1947, hệ thống chính quyền, đoàn thể cũng được củng cố một bước. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh (khoảng năm 1949 gọi tắt là Ủy ban kháng - hành) do ông Phạm Ngọc Cẩn làm chủ tịch, thay đồng chí Nguyễn Đức Dương lúc này ra công tác ở Khu 6. Tháng 10-1947, đồng chí Dương vào lại làm bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Trần Quỳnh kiêm làm phó chủ tịch tỉnh. Đồng thời, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh thành lập các cơ quan chuyên môn giúp việc như : Ty kinh tế do đồng chí Hoàng Đình Yến phụ trách ; Ty tiếp tế do đồng chí Trần Bình phụ trách ; củng cố lại Ty Công an do Vũ Đình Bang phụ trách ; Ty dân y do đồng chí Đệ phụ trách ; Ty thông tin do đồng chí Trần Ngũ Phương phụ trách ; Phòng quốc dân thiểu số do đồng chí Bồ Xuân Long phụ trách.

Cuối năm 1947, dù Mặt trận Việt Minh đã ra đời và có hệ thống tổ chức rộng rãi khắp trong tỉnh, nhưng vẫn còn nhiều giới còn ở ngoài đoàn thể. Do vậy, thực hiện chính sách đoàn kết toàn dân đẩy mạnh kháng chiến của Trung ương, vào đầu 1948 tỉnh Bình Thuận thành lập Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam tỉnh, gọi tắt là Hội Liên Việt do bác sĩ Vũ Trọng làm chủ tịch, đồng chí Nguyễn Đình Huệ, phó chủ nhiệm Việt Minh làm tổng thư ký. Năm 1949, thực hiện thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt thành tổ chức Liên Việt, đồng chí Nguyễn Đình Huệ, Tỉnh ủy viên phụ trách dân vận kiêm chủ tịch. Sau đó, vào năm 1950, đồng chí Huệ làm Chủ tịch Ủy ban kháng - hành tỉnh, ông Phạm Ngọc Cẩn thay đồng chí Huệ làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt. Thông qua tờ báo "Đoàn kết" làm phương tiện, Mặt trận Liên Việt xúc tiến công tác giáo dục, tuyên truyền cho quần chúng, đồng thời vạch mặt âm mưu của kẻ thù chia rẽ khối đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

Về tổ chức lực lượng vũ trang, ngoài Trung đoàn 82, và các tiểu đoàn đã thành lập từ trước, đầu năm 1943, ta thành lập thêm đại đội 216 hoạt động ở Hòa Đa, Tuy Phong và mỗi nơi có từ 1 đến 2 trung đội du kích tập trung. Năm 1948, sát nhập E.81 - E.82 thành Liên trung đoàn 81 - 82 gồm các tiểu đoàn 86, 89, 92 và 95 là lực lượng tiểu đoàn tập trung và các đại đội độc lập. Cũng vào năm 1949, thành lập Tỉnh đội dân

quân do đồng chí Nguyễn Gia Tú phụ trách, nhưng tổ chức này hoạt động chưa mạnh. Năm 1950, thực hiện chủ trương của Liên khu đưa lực lượng chủ lực tăng cường cho các tỉnh đội dân quân, Trung đoàn 81 - 82 cử đồng chí Đoàn Tự Bảy làm tỉnh đội trưởng, Huỳnh Thiên Lộc, Trần Nghĩa làm tỉnh đội phó, đồng chí Hồ Liên bí thư Tỉnh ủy kiêm chính trị viên, và sau đó một thời gian, đồng chí Đoàn An làm chính trị viên. Từ khi chuyển một số cán bộ, chiến sĩ bộ đội chủ lực sang bổ sung cho tỉnh đội dân quân, hoạt động và tổ chức bộ đội địa phương được hoàn thiện hơn. Các huyện đều thành lập huyện đội dân quân chỉ đạo phong trào du kích chiến tranh ở từng địa phương.

Lực lượng vũ trang phát triển, nhu cầu trang bị vũ khí tăng lên. Đường xa, chiến trường bị chia cắt, việc tiếp tế súng ống đạn dược trong ra, ngoài vào trở nên rất khó khăn. Trước tình hình đó, việc xây dựng các công binh xưởng để tự giải quyết sửa chữa và sản xuất một số vũ khí tại chỗ là rất quan trọng. Nhiệm vụ này được giao cho công nhân quân giới do đồng chí Đặng Sĩ Mai phụ trách, sử dụng số máy móc, vật liệu cũ cất giấu ở An Phú, Cà Giây khi Pháp trở lại xâm lược để sản xuất vũ khí cho Trung đoàn 82. Công binh xưởng có 40 - 50 công nhân, phần nhiều là anh em thợ điện, thợ nề pô xe lửa trước đây tham gia. Để giữ bí mật, cơ quan này gọi là Ban D hoặc cơ quan 103. Ban D đã sửa chữa súng, rờ-sạc các loại đạn kiểu của

Anh, Pháp và Nhật và làm mìn, lựu đạn tự tạo loại giạt tay hay dùng điện. Cùng với công binh xưởng của E.82, tinh đội dân quân còn thành lập công binh xưởng đóng ở núi Ông do ông Nguyễn Dương phụ trách. Cơ sở này có 30 - 40 công nhân, chủ yếu người địa phương. Ở Tuy Phong có công binh xưởng Kiều Đức Thắng đóng ở núi Kênh Kênh (La Bá). Vào đầu năm 1948, để tập trung sức mạnh sửa chữa và sản xuất vũ khí phục vụ chiến trường, công binh xưởng địa phương sát nhập thống nhất vào công binh xưởng trung đoàn quản lý. Công binh xưởng thống nhất lấy phiên hiệu : Bộ đội Cao Thắng, do đồng chí Phan Học, trưởng phòng Quân khí Trung đoàn 82 phụ trách. Cuối năm 1949, công binh xưởng Cao Thắng chuyển vào Hàm Tân và sau đó công binh xưởng trung đoàn 81 ở Ninh Thuận cũng chuyển vào Hàm Tân thống nhất thành công binh xưởng của Liên trung đoàn 81 - 82. Trong thời gian này, hoạt động của công binh xưởng bị lộ, Pháp dùng máy bay, tàu biển bắn phá, nên công binh xưởng phải rút về Thăng Bình (gần Xuyên Mộc) và ở đây đơn vị lấy phiên hiệu BD 186. Trong thời gian này, công nhân quân giới đã sản xuất được các loại lựu đạn phóng, mìn, đạn Bazôca, súng SKZ đáp ứng một phần nhu cầu chiến đấu tại địa phương.

Về giao thông liên lạc, một trong những huyết mạch của lãnh đạo, chỉ đạo được nêu lên hàng đầu. Sau khi Cách mạng Tháng 8 thành công, tỉnh tổ chức giao

thông công chánh, phụ trách cả nhà dây thép (bưu điện), đồng thời vẫn giữ mối liên lạc bằng xe lửa, ô tô và đường biển lưu thông với các tỉnh Trung bộ và Nam bộ. Khi Pháp chiếm đóng (từ 2-1946) việc liên lạc với các tỉnh có khó khăn nhưng vẫn lưu thông được. Sau ngày Hiệp định sơ bộ bị Pháp phản bội, giao thông liên lạc đường bộ bị chia cắt, hệ thống liên lạc bằng điện tin không còn. Để giải quyết việc giao thông liên lạc trong tình hình mới, Ban giao thông liên lạc Trung ương tổ chức đường thư trực từ Việt Bắc đến huyện Hiên (Quảng Nam). Các tỉnh Khu 5, Khu 6 tổ chức tiếp đường dây vào các tỉnh Nam bộ. Ở Bình Thuận, hai tuyến liên lạc biển và bộ được tổ chức. Đường bộ nối liền từ Ninh Thuận vào Ô rô (Hòa Đa), đi tiếp qua Hàm Thuận vào Hàm Tân, đến Xuyên Mộc (Bà Rịa) vào tiếp Nam bộ. Đường này chuyển tiếp theo tuyến, trạm. Năm 1947, đường biển nối tiếp từ Sơn Hải (Ninh Thuận) vào La Gàn, Hàm Tân và vào Bà Rịa. Hai tuyến giao thông này đều do Trung đoàn 82 tổ chức với nhiệm vụ trên bộ là đưa, đón cán bộ, chuyển công văn, thư từ ngoài vào, trong ra. Đường giao thông trên biển tổ chức thành đường "Hải đội" chở hàng hóa tiếp tế từ Khu 5 vào, từ Nam bộ ra và có lúc cũng đưa đón cán bộ vào, ra công tác. Đường giao liên đã đưa đón hàng trăm đoàn cán bộ ra vào an toàn, trong đó có đoàn của các đồng chí Lê Duẩn,

Phạm Văn Bạch, Lê Đức Thọ, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Linh, Sơn Ngọc Minh... Trên con đường giao liên này, nhiều cán bộ, chiến sĩ đã hy sinh vì bệnh tật, hoặc bị địch phục kích. Nhưng con đường giao thông huyết mạch vẫn lưu thông trong mọi thời gian, hành trình kháng chiến tuy khó khăn, gian khổ nhưng không bao giờ gián đoạn.

Về công tác vận động cách mạng trong đồng bào các dân tộc ; từ Hội nghị các dân tộc Nam Trung bộ ở Plây-cu ngày 19-4-1946 đến Hội nghị các dân tộc Việt Nam ngày 3-12-1946 ở Hà Nội, Bình Thuận đã thành lập Phòng Quốc dân thiểu số tỉnh. Ở Phan Lý Chàm, Tánh Linh nơi có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, nhiều cán bộ người dân tộc được tăng cường cho Phòng Quốc dân thiểu số và chính quyền như ở huyện Phan Lý Chàm, ông Dụng Gạch (Bộ Gạch) cháu vua Chăm trước đây được cử làm chủ tịch huyện Phan Lý Chàm. Có thời gian, Phòng Quốc dân thiểu số xuất bản tờ báo tiếng Chăm do đồng chí Bồ Xuân Long phụ trách để tuyên truyền chính sách dân tộc của Đảng vận động cách mạng trong đồng bào Chăm. Đồng chí Lê Triều (Tám Triều), Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng - hành huyện Tánh Linh đã lãnh đạo tốt công tác dân vận, tổ chức "Hội đoàn kết đánh Tây" huy động được đồng bào các dân tộc ở Tánh Linh ủng hộ và tham gia kháng chiến.

Về kinh tế kháng chiến, từ 1947 trở đi ở những xã giải phóng thuộc các huyện Hàm Thuận, Hàm Tân đã thực hiện một số chính sách ruộng đất của Đảng như : giảm tô, bảo đảm lãnh canh của tá điền, tạm cấp ruộng đất vắng chủ cho nông dân không có ruộng cày. Việc làm này có tác động tốt đến sản xuất, tạo nhiều của cải cho kháng chiến, ổn định đời sống nhân dân vùng căn cứ, vùng làm chủ và nhiều mặt phát triển đạt kết quả tốt. Ở huyện Hàm Tân, từ cuối 1947 đã xây dựng các cơ sở sản xuất như dệt, muối, làm giấy và các xã Thắng Bình, Tân Thành lập các hợp tác xã mua bán.

Cùng với đẩy mạnh sản xuất, việc lưu thông hàng hóa giữa các vùng căn cứ cũng là một nhu cầu bức xúc của cuộc kháng chiến. Để đáp ứng nhu cầu đó, các chợ kháng chiến ra đời ở Hàm Tân, Hàm Thuận, Tuy Phong, Hòa Đa. Nhân dân các vùng lân cận đến chợ kháng chiến để trao đổi, mua bán những sản phẩm nông nghiệp và những vật dụng cần dùng, kể cả sản phẩm từ vùng tạm bị chiếm mang ra. Lúc đầu, ta có chủ trương không cho hàng hóa vùng địch bán ở vùng giải phóng. Nhưng sau đó, ta có chủ trương chỉ cấm hàng xa xỉ phẩm và đánh thuế cao các loại này để hạn chế. Nhiều chợ kháng chiến như chợ Cây Xay (Hàm Nhơn) vẫn duy trì cho đến ngày có Hiệp định đình chiến 1954. Trong trao đổi hàng hóa với nhau,

có thời kỳ tiền tín phiếu, tiền Việt Nam được đưa ra sử dụng. Tiền Việt Nam được Quốc hội khóa I cho ban hành từ 12-1946, nhưng số lượng đưa vào các vùng Cực Nam Trung bộ không nhiều, nên cuối năm 1947, Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Trung bộ cho phát hành thêm tiền tín phiếu. Do nhu cầu lưu thông, tiền tín phiếu được in tại căn cứ Ô Rô để kịp phục vụ trong tỉnh và tỉnh bạn Ninh Thuận. Nhân dân đem tín phiếu đổi tiền Đông Dương để mua hàng vùng địch đưa ra vùng cách mạng. Ở vùng tự do cũng như vùng tạm bị chiếm giấy bạc tài chính cũng như tín phiếu đều được nhân dân tín nhiệm tiêu dùng. Nhiều tờ rách nát được nhân dân dán lại để trao đổi mua bán với nhau, miễn còn hình Cụ Hồ là được. Cũng từ đó nhân dân thường gọi là "Bạc Cụ Hồ". Trong vùng tạm bị chiếm Phan Thiết, nhân dân còn đổi tiền Đông Dương lấy Bạc Cụ Hồ để cách mạng có tiền mua hàng hóa cần thiết ở vùng địch.

Song song với tăng gia sản xuất, năm 1947 tỉnh phát động phong trào bảo vệ mùa màng để chống lại âm mưu cướp phá của địch trong cao điểm mùa gặt. Trong phong trào này, bộ đội, du kích vừa làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ, vừa giúp dân thu hoạch mùa nhanh chóng, cất giấu kỹ không cho địch lấy đi. Tại các vùng tranh chấp, nhân dân đấu tranh buộc địch để nhân dân tự do gặt lúa của mình sản xuất.

Về công tác văn hóa, văn nghệ, mặc dù đất nước đã chuyển sang chiến tranh, phong trào bình dân học vụ vẫn được duy trì ở vùng căn cứ và vùng tranh chấp, trong đó, vùng Tam Minh (Hàm Tân) là nơi phong trào phát triển khá nhất. Tại đây, hàng ngày các lứa tuổi gái trai, già trẻ vẫn sôi nổi cấp sách tới lớp học như những ngày sau Cách mạng tháng Tám thành công. Nhờ vậy, phong trào xóa nạn mù chữ phát triển nhanh, đến đầu năm 1949, huyện Hàm Thuận, Hàm Tân có khoảng 60% dân số biết chữ. Năm 1947, tỉnh mở trường trung bình (như cấp II) tại vùng Tam Minh và năm 1948, chuyển về Trại Máu (Dân Thạnh - Hàm Thuận) để học viên sau khi tốt nghiệp bình dân học vụ có điều kiện tiếp tục theo học nâng cao dân trí. Ngoài ra, tỉnh còn mở trường bồi dưỡng cán bộ cho ngành y để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công tác thông tin văn nghệ hoạt động khá đều đặn. Đến khi thành lập Ty Thông tin trong năm 1947, các huyện, thị, ngành và một số xã có bản tin riêng để tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ như : thị xã Phan Thiết có tờ "Thống nhất", Trung đoàn 82 có tờ "Chiến đấu", Thanh niên Cứu quốc tỉnh có tờ "Quyết thắng". Tờ tin "Bình Thuận" tồn tại suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Phong trào văn nghệ của quần chúng được đẩy lên. Đoàn Văn công của tỉnh hình thành từ năm 1947 lấy tên "Đoàn

Sao vàng" đã lưu diễn phục vụ nhiều nơi trong tỉnh. Tháng 10-1947, sau khi biểu diễn gần Long Thành (Giếng Triền), Đoàn Văn công Sao vàng bị địch tập kích, một số đồng chí hy sinh và bị địch bắt. Trong lực lượng vũ trang, Trung đoàn 82 có phong trào văn nghệ khá rầm rộ. Sau mỗi trận chiến đấu trở về, các chiến sĩ tổ chức "Lửa trại" để mừng chiến thắng, rút kinh nghiệm trận đánh và biểu diễn văn nghệ, hát vang ca khúc "Hành khúc Trung đoàn 82" sáng tác từ 1947. Và tỉnh thành lập Đội phim đèn chiếu phục vụ cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong vùng làm chủ. Đây là đội đèn chiếu đầu tiên ở cực Nam.

Để bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được và chống các âm mưu địch, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng diễn ra ở nhiều nơi với nhiều hình thức đấu tranh phong phú. Thời gian này, địch kiểm soát đường biên gặt gao nhằm cắt đường tiếp tế của ta trên biển. Chúng cấm dân đi biển xa ngoài 1km. Chi bộ xã Bình Thạnh lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi địch kéo dài giới hạn 1km lên 3km để nhân dân đi biển làm ăn thuận lợi. Ở Phan Rí, tháng 4-1947, chi bộ lãnh đạo quần chúng đòi được tự do làm ăn, bất chấp lệnh của địch ngăn cấm, đưa ghe ra biển đánh cá. Địch bắn xối xả vào ghe thuyền, một số người bị chết và bị thương. Đồng bào tổ chức đấu tranh đòi

địch bồi thường người bị chết, cứu chữa người bị thương, buộc địch phải nhượng bộ. Mỗi chiến công của Cẩm tú đội Phan Thiết đều có phần công sức của quần chúng cách mạng trong nội thị. Khi mỗi trận đánh diễn ra, quần chúng lo che chở, tiếp tế, canh gác và đùm bọc nuôi dưỡng khi bị thương, hoặc chôn cất khi có chiến sĩ hy sinh, không sợ kẻ thù khủng bố tù đầy, chết chóc.

Đề bảo vệ thành phố cách mạng đã giành được và không các âm mưu địch, chúng ta đã tiến hành chiến đấu. Thu Đông 1947, bị thất bại lớn ở chiến trường Việt Bắc, thực dân Pháp thấy không thể đánh nhanh, thắng nhanh mà buộc phải đánh kéo dài, tiến hành bình định lấn chiếm theo vết dầu loang, thực hiện âm mưu "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

Với âm mưu chiến lược mới, năm 1948, chúng thực hiện kế hoạch "Đờ-la-tua" của tên Tư lệnh kiêm ủy viên Cộng hòa Pháp ở Nam bộ với biện pháp đóng đồn bót dày đặc, kiểm soát các vùng tạm bị chiếm. Từ năm 1949, chúng thực hiện kế hoạch này ở Tuy Phong, Hòa

Đa, Phan Lý và Hàm Thuận, kết hợp với dân, rào làng. Đến tháng 5 năm 1949, Rơ-ve tham mưu trưởng lục quân Pháp đến kiểm tra chiến trường Đông Dương và đề ra các biện pháp : khóa chặt biên giới Việt Trung, phát triển ngụy quân, lập những đơn vị người bản xứ dưới cờ Bảo Đại. Tháng 4-1949, thực dân Pháp đưa Bảo Đại từ Pháp về Đà Lạt làm Quốc trưởng bù nhìn.

Đối với các tỉnh Nam Trung bộ, chúng chia thành 4 chi khu (Secteur) : Quảng Nam, Đà Lạt, Plây-cu và Nha Trang. Chi khu Nha Trang có 5 phân khu (Sous Secteur) : Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Ninh Hòa. Bình Thuận từ 1952 là một chi khu riêng có 2 phân khu Phan Rí, Phan Thiết.

Trước tình hình kẻ thù đã thay đổi chiến lược, ngày 15-01-1948, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng tại Việt Bắc để đánh giá so sánh lực lượng ta - địch sau thắng lợi Việt Bắc, đánh giá âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt" của chúng và đối sách của ta. Hội nghị đề ra phương hướng : "Tích cực xây dựng Đảng trong vùng địch kiểm soát... phải đặt công tác Đảng thành vấn đề quan trọng. Củng cố chi bộ có thể tự động lãnh đạo mọi mặt công tác ở địa phương, chấn chỉnh bộ máy chỉ đạo, chuyên môn các cấp... trong 6 tháng bầu lại Ban Chấp hành Đảng

bộ huyện, tỉnh, khu chính thức, bằng Hội nghị đại biểu (1). Đến tháng 5-1948, Đảng có chủ trương phân tán 2/3 lực lượng bộ đội thành các đại đội độc lập, hoạt động ở các địa phương, tạo điều kiện phát triển du kích chiến tranh.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, tháng 7-1948, Hội nghị quân dân chính đảng các tỉnh Nam Trung bộ đề ra 3 nhiệm vụ phải làm trước mắt, trong đó đối với vùng tạm bị địch kiểm soát "Đẩy mạnh du kích chiến tranh trong lòng địch, biến hậu phương địch thành tiền phương của ta". Hội nghị đề ra các biện pháp thực hiện 3 nhiệm vụ, đó là chấn chỉnh bộ đội, phát triển mạnh dân quân du kích, vận dụng du kích vận động chiến... Củng cố khối đoàn kết toàn dân, tăng cường bộ máy lãnh đạo tỉnh, huyện, ra sức phá nguy quyền cơ sở, chống âm mưu dồn dân rào làng của chúng (2). Trong Hội nghị dân quân các tỉnh Nam Trung bộ tháng 6-1948, đồng chí Phạm Văn Đồng cũng đã nhấn mạnh : "Nhanh chóng kiện toàn cơ quan chỉ đạo, chỉ huy dân quân du kích (3). Từ những chủ trương trên, ngày 20-10-1948 Khu 5, Khu 6 và Khu 15 được sát nhập lại thành Liên khu V. Về hoạt động

1 Những sự kiện lịch sử Đảng, tập II - 1945 - 1955, trang 147, Nhà Xuất bản Sự thật, Hà Nội 1979.

2,3 Báo cáo Liên khu 5 từ 23-9-45 - 2-1949 ký hiệu C87, lưu tại Phòng Lịch sử Đảng tỉnh.

quân sự, trong chiến dịch Hè năm năm 1949, Liên khu V mở 3 chiến dịch : Hồ Chí Minh ở Bắc Tây Nguyên; Phạm Văn Đồng ở Bắc Quảng Nam - Đà Nẵng và Trường Chinh ở Nam tỉnh Khánh Hòa.

Cùng với củng cố lực lượng quân sự, đầu năm 1948, Liên khu tổ chức tuyên truyền thống nhất hai đoàn thể Việt Minh - Liên Việt thành Mặt trận Dân tộc thống nhất. Đến cuối năm 1949, Việt Minh và Liên Việt từ xã đến tỉnh đã thống nhất thành Liên - Việt.

Nhằm chỉ đạo sát các tỉnh cực Nam Trung bộ là một vùng xa xôi của Liên khu và là vùng tạm bị địch chiếm, thực hiện chủ trương của Liên khu ủy 5, ngày 10-2-1949, đại diện Liên khu ủy 5 và các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng đã họp bàn thành lập một cơ quan lãnh đạo chung 3 tỉnh. Đến tháng 3-1949, cơ quan được thành lập lấy tên là Ban Cán sự Cực Nam, đóng tại Bình Thuận do đồng chí Nguyễn Đức Dương, Liên khu ủy viên phụ trách, cuối 1949, đồng chí Dương ra công tác ở Khu, năm 1950, đồng chí Trương Chí Cương làm bí thư và năm 1952 đồng chí Nguyễn Côn thay. Ban Cán sự Cực Nam đã có những chủ trương : Thống nhất Liên trung đoàn 81 - 82 thành trung đoàn 812 là chủ lực quân hoạt động trên địa bàn 4 tỉnh và thành lập các đại đội độc lập để phát triển du kích chiến tranh. Bình Thuận

thực hiện chủ trương phát triển lên miền Tây, có nhiệm vụ giúp đỡ tỉnh Đông Nai Thượng về cán bộ và vũ khí. Về chính trị, các tỉnh thành lập Hội đồng nhân dân lâm thời, thống nhất Liên Việt - Việt Minh thành Mặt trận Liên Việt. Về quân sự, trong tấn công địch, đẩy mạnh công tác ngụy binh vận. Về kinh tế, thực hiện chủ trương bao vây, phá hoại kinh tế địch.

Trong thời gian này, trên chiến trường Bình Thuận, địch thành lập Phân chi khu Hòa Đa, Phan Thiết. Tại phân chi khu Hòa Đa, địch lập một phòng tuyến từ Đá Chẹt đến Bực Lỡ nhằm cắt ngang đường quốc lộ 1, dùng chính sách "Bình định" để tạo một vùng an toàn của chúng ở phía Bắc tỉnh nối với Ninh Thuận. Sau khi bình định các vùng phía Bắc tỉnh xong chúng tiến hành thực hiện đánh chiếm các huyện phía Nam tỉnh như cách làm của chúng đã thực hiện ở Ninh Thuận. Quân số của chúng cũng được tăng lên từ 2.344 tên (2-1949) đã tăng lên 2.739 tên (6-1949) và đến 3-1950 đã có 3.313 tên. Tháng 6-1949, chúng đóng 60 cứ điểm và tháp Canh, tháng 11-1950 tăng lên 293 cái. Trong lúc này, chúng chủ trương bỏ các đồn bị cô lập, như 5-1949 bỏ đồn Lagi và giữa 1949 bỏ tiếp đồn Tân Nông (Hàm Thuận) và Lương Sơn (Hòa Đa). Cuối năm 1949, đầu 1950 chúng thực hiện dồn dân 3 huyện phía Bắc tỉnh. Về ngụy quyền, đến tháng 9-1949, chúng

vẫn chưa chọn được tỉnh trưởng. Ở các phủ Hòa Đa, Hàm Thuận, chúng đã lập được tri phủ, ở các huyện, thị xã khác chúng lập được bang tá.

Để thực hiện Nghị quyết của Liên khu ủy Khu 5 và Ban Cán sự Cục Nam, trong năm 1949, công tác xây dựng Đảng của Tỉnh ủy Bình Thuận có một bước phát triển mới. Tỉnh ủy công nhận đồng chí Bùi Công Khanh, nguyên tỉnh ủy viên bị địch bắt mới ra tù làm tỉnh ủy viên chính thức và bổ sung đồng chí Lê Thanh Hải, Trần Quốc Thái làm tỉnh ủy viên dự khuyết. Về cơ sở Đảng, tỉnh thống nhất 3 chi bộ : dân quân, công binh xưởng và các đại đội độc lập thành Liên chi bộ. Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên, trong năm Tỉnh ủy mở các lớp huấn luyện cho 500 đảng viên, đồng thời mở rộng công tác phát triển Đảng, nâng tổng số đảng viên từ 470 đồng chí lên 2.000 đảng viên.

Trong năm 1949, từ xã đến tỉnh đã lập xong danh sách cử tri để bầu Hội đồng nhân dân các cấp. Riêng huyện Hàm Tân là vùng giải phóng, nên ngày 21-08-1949, đã tổ chức bầu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã bằng phổ thông đầu phiếu. Hội đồng nhân dân tỉnh do điều kiện chiến tranh không bầu trực tiếp được nên Tỉnh ủy chỉ định 17 thành viên và đã tiến hành họp phiên đầu tiên vào ngày 29-9-1949.

Về tổ chức hành chính, trong năm 1949 với dân số gần 150.000 người, được tổ chức thành 6 huyện : Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý, Hàm Thuận, Hàm Tân, Tánh Linh và thị xã Phan Thiết và ở cơ sở có 47 xã và 7 phường ⁽¹⁾.

Cùng với việc xác định ranh giới hành chính, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, thị xã, phường cũng được củng cố. Ủy ban kháng chiến hành chính xã, phường có 3 ủy viên, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, thị có 9 ủy viên, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh có 6 ủy viên. Cơ quan giúp việc cho Ủy ban các cấp cũng được kiện toàn như : văn phòng, cảnh vệ, liên lạc, tư pháp. Còn các Ty chuyên môn vẫn giữ như trước đây.

Về lực lượng vũ trang, tháng 12-1948 sát nhập hai Trung đoàn 81-82 thành Liên trung đoàn 81-82 do đồng chí Nguyễn Đức Tuyển làm quyền Liên trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Sắc Kim làm chính trị viên. Đến cuối năm 1949, đồng chí Nguyễn Văn Giáo thay đồng chí Nguyễn Đức Tuyển và đồng chí Nguyễn Lệnh thay đồng chí Nguyễn Sắc Kim. Ngày 29-3-1949, Liên

1 Phan Thiết trước 6 phường, nay tổ chức 7 phường, huyện Hàm Thuận có 88 thôn cũ thành lập 16 xã mới. Tuy Phong có 17 thôn và 7 vùng (kể cả Phú Quý) thành lập 8 xã mới. Huyện Hòa Đa 43 thôn cũ thành 10 xã mới, Phan Lý 20 thôn thành 4 xã mới, Hàm Tân 10 thôn thành 5 xã mới và Tánh Linh 8 thôn cũ thành 4 xã mới.

trung đoàn tổ chức Hội nghị mở rộng và tháng 6-1949 họp hội nghị quân dân chính của Liên trung đoàn có đại biểu của các tỉnh ủy và Ban Cán sự Cục Nam tham dự để bàn bạc thực hiện các chủ trương của Liên khu về : thành lập các đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung, tăng cường cán bộ cho tinh đội, phát triển du kích chiến tranh và phân chia chiến trường để hoạt động. Về đại đội độc lập, cuối năm 1949, tỉnh Bình Thuận có đại đội 214, đại đội 216 và đại đội Cẩm tử. Về tiểu đoàn tập trung có tiểu đoàn 86 là lực lượng cơ động của trung đoàn và giải tán tiểu đoàn 89. Về xây dựng dân quân du kích, đầu năm 1949 toàn có 400 du kích thoát ly, 1.200 du kích các huyện và mỗi xã có từ 1 trung đội trở lên. Riêng huyện Phan Lý và một số vùng dân tộc khác, lực lượng này chưa phát triển.

Từ cuối năm 1948 đến cuối năm 1949, do tập trung lo tổ chức biên chế nên hoạt động đánh địch của lực lượng vũ trang có hạn chế. Chỉ có lực lượng Cẩm tử đội, tối 5-6-1949 đột nhập khuấy rối trong thị xã Phan Thiết. Du kích phá 12 cầu, gần 2km đường rày xe lửa và 4 cầu trên đường số 8, đường số 1.

Sau khi củng cố lại tổ chức, tháng 11-1949, lực lượng vũ trang tỉnh thực hiện chủ trương "Rèn cán chỉnh quân" đợt I để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của quân đội cách mạng vì nhân dân phục vụ, vì nhân dân quên mình.

Về công tác vận động quần chúng, từ năm 1949 thống nhất Việt Minh - Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt. Ban Chấp hành Liên Việt các cấp được hình thành. Mặt trận Liên Việt ra tờ báo "Liên Việt" để tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia kháng chiến. Các tổ chức đoàn thể trong Mặt trận Liên Việt được củng cố lại : Ban Chấp hành Công đoàn tỉnh được thành lập lại từ 6-1948 có 7 công đoàn và 15 phân đoàn cơ sở với 4.936 đoàn viên. Các đoàn viên hoạt động trong các ngành : thương nghiệp, diêm nghiệp, vận tải, hỏa xa, công binh xưởng quân đội, thợ mộc, thợ hồ, thợ may, thợ hớt tóc... tỏ rõ vai trò nòng cốt trong công cuộc kháng chiến - kiến quốc. Ở vùng địch chiếm đóng, nhiều đoàn viên tham gia cơ sở cách mạng, hoạt động du kích và đấu tranh giành quyền sống hàng ngày. Trong các ngày lễ cuối năm 1949, công đoàn hỏa xa Mường Mán tổ chức treo cờ tại Đê pô, phối hợp với bộ đội đánh sập 3 toa và 1 đầu máy xe lửa trên đường Mường Mán - Ma Lâm. Công đoàn rút 100 anh em thợ mộc, thợ cưa, thủy thủ ở thị xã Phan Thiết giúp Phân ban Kinh tế Cục Nam Trung bộ tăng cường công tác tiếp tế phục vụ kháng chiến và dân sinh.

Tổ chức nông dân tỉnh cuối 1949, Ban chấp hành tỉnh hội có 7 ủy viên và các huyện Hòa Đa, Hàm Thuận, Hàm Tân đều thành lập Ban chấp hành nông dân huyện với tổng số 14 ủy viên và các Ban chấp

hành nông dân xã có 85 ủy viên. Tổng số hội viên nông dân trong tỉnh có 9.278 người.

Ngày 8-5-1949, thành lập Ban chấp hành và Thường vụ Tỉnh đoàn Thanh niên cứu quốc có 7 đồng chí, nhưng do điều động công tác, nên đến cuối năm chỉ còn đồng chí Lê Cự Nhiếp. Các huyện Hàm Thuận, Hòa Đa, Hàm Tân đã thành lập Ban chấp hành huyện đoàn. Ban chấp hành huyện đoàn Hàm Thuận Nam có 6 ủy viên, 30 cán bộ xã đoàn và 159 cán bộ phân đoàn. Đây là huyện có tổ chức đoàn mạnh nhất trong tỉnh. Cuối năm 1949, toàn tỉnh có 9.782 đoàn viên và 10.042 đội viên thiếu nhi.

Hội Phụ nữ Cứu quốc tỉnh đến cuối 1949, có 13.520 hội viên (chưa kể hội viên ở thị xã và Tánh Linh), trong đó có 739 hội viên phụ nữ Chăm, 730 hội viên trong công giáo và 21 hội viên phụ nữ dân tộc ở Hàm Tân. Tháng 6 năm 1949, Hội nghị đại biểu phụ nữ tỉnh, bầu Ban chấp hành có 13 đồng chí do đồng chí Nguyễn Thị Ái Ly làm Hội trưởng. Tổ chức phụ nữ phát huy vai trò tích cực trong kháng chiến. Ngoài việc tham gia lực lượng vũ trang cầm súng đánh địch, phụ nữ thay nam giới đi cày, bừa, tăng gia sản xuất nuôi quân, đấu tranh dân sinh dân chủ với địch ở vùng tạm chiếm, nhiều chị em còn làm rẫy kháng chiến, nuôi gà kháng chiến ; quyên góp ủng hộ bộ đội, tham gia phong trào "Phụ nữ chức nghiệp" thay nam

giới trong công việc hậu phương để chồng con yên tâm đi đánh giặc.

Tổ chức Công giáo kháng chiến trong Mặt trận Liên Việt có 1.000 hội viên trong tổng số 3.000 giáo dân. Ngày 26-9-1949, Ban chấp hành Công giáo kháng chiến tỉnh được thành lập có 5 ủy viên. Ở các huyện Hàm Thuận, Hòa Đa, Hàm Tân dựa trên địa bàn dân cư có hộ gia đình giáo dân sinh sống đã thành lập các Ban chấp hành trong từng họ đạo.

Riêng tổ chức Phật giáo cứu quốc, ở tỉnh, huyện không thành lập Ban chấp hành, chỉ có một số xã thực hiện và thị xã Phan Thiết có Ban chấp hành. Toàn tỉnh có khoảng 900 hội viên. Họ tham gia kháng chiến bằng đóng góp nhân tài, vật lực.

Về công tác vận động đồng bào các dân tộc Chăm, Rắc Lây, K'Ho... có khoảng 15.661 người do Ty Quốc dân thiếu số phụ trách và lúc này đổi thành Ban Kiểm tra. Đa số đồng bào dân tộc ủng hộ và tham gia kháng chiến. Đời sống đồng bào Chăm khá hơn đồng bào dân tộc Rắc Lây, K'Ho và ít bị Pháp khủng bố. Trong đồng bào Chăm ta thành lập tổ chức "Hội Chăm - Việt thân thiện" để đoàn kết các dân tộc đẩy mạnh kháng chiến kiến quốc".

Đồng bào Hoa kiều có khoảng 3.000 người, sống ở thị trấn, thị xã như Mũi Né, Phan Rí, Phú Hải, Xóm Lụa, Đức Nghĩa... Từ năm 1946, ở Phan Thiết có tổ

chức cộng đồng người Hoa tham gia kháng chiến. Từ tháng 5-1949, tổ chức "Hoa kiều Liên hiệp hội" gọi tắt Hội Hoa Liên Bình Thuận ra đời do đồng chí Huỳnh Triệu Quang, một chiến sĩ Cẩm tử đội, làm phó chủ nhiệm và đến tháng 4-1951, làm chủ nhiệm ⁽¹⁾. Từ khi tổ chức Hội Hoa Liên tình hình thành, ở các địa phương có đồng bào Hoa sinh sống đều thành lập các chi hội Hoa Liên. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều người Hoa đã tham gia kháng chiến, đóng góp giúp đỡ cán bộ hoạt động như ông Phan Cảnh Vân v.v... hay đồng chí Lý Thanh Kỳ đã hy sinh trong chiến đấu.

Ở Bình Thuận, tổ chức Dân chủ đảng hình thành từ cuối năm 1947, do một số đảng viên Đảng Dân chủ muốn giành quyền lãnh đạo với Đảng Cộng sản nhằm chia rẽ lực lượng kháng chiến từ Nam bộ ra Bình Thuận móc nối tổ chức với tôn chỉ mục đích nhuộm màu sắc cơ hội tư sản, chưa nhiệt thành với công cuộc kháng chiến kiến quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Do nhận thức chưa đúng về tổ chức này, nên lúc bấy giờ Tỉnh ủy, chưa có sách lược đấu tranh đúng mức, vì vậy Đảng Dân chủ phát triển ở các xã Dân Đồng, Xuân Bình... Đến tháng 9-1949, đảng này có gần 300 đảng viên. Tháng 3-1949, đồng chí Lê Đức Thọ trên đường vào Nam công tác đã chỉ đạo phải đấu tranh những việc làm sai trái của họ và phân hóa, lôi kéo

1 Đồng chí Huỳnh Triệu Quang, đảng viên, năm 1954 tập kết ra Bắc, hiện nay về hưu ở Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

số người có tinh thần yêu nước chống lại số cơ hội, nên từ 1950 về sau họ hoạt động bí mật, không lôi kéo được quần chúng. Nhiều người trở lại tham gia Đảng Cộng sản.

Nhìn lại chặng đường đầu của những năm tháng kháng chiến, Đảng bộ Bình Thuận đã lãnh đạo xây dựng phong trào cách mạng tương đối rộng khắp và phát triển toàn diện các công tác kháng chiến. Trong những năm 1947, 1948 và nửa đầu năm 1949, phong trào nhân dân du kích chiến tranh phát triển mạnh mẽ. Nhưng việc nắm bắt âm mưu của địch chưa kịp thời, đoàn kết trong lãnh đạo chưa cao, giải tán tự vệ chiến đấu, thực hiện bao vây kinh tế địch... là những hạn chế nhất tác động đến phong trào cách mạng của tỉnh nhà.

CHƯƠNG IV :

CÙNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TIẾP TỤC TẤN CÔNG ĐỊCH (8-1949 - 1951)

Thắng lợi của ta trên mặt trận ngoại giao, quân sự, chính trị trong những năm 1948, 1949, 1950 đã làm thay đổi cục diện chiến tranh giữa ta và Pháp. Lực lượng ta trưởng thành mọi mặt, liên tiếp mở các chiến dịch lớn, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, đẩy địch vào thế bị động, lúng túng. Để duy trì cuộc chiến tranh Đông Dương, từ năm 1950, thực dân Pháp càng lệ thuộc vào đế quốc Mỹ, cầu xin Mỹ viện trợ gấp đôi ngân sách chiến tranh, tăng thêm lực lượng quân viễn chinh, tiếp tục thực hiện âm mưu "dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam" và cử tướng Đờ-lát Đờ-tát-xi-nhi sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương với một kế hoạch đầy tham vọng, hòng xoay chuyển tình thế. Đế quốc Mỹ mặc dù vừa bị thất bại trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, vẫn trắng trợn can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam hòng cứu vãn sự sa lầy của đế quốc Pháp.

Ở Liên khu 5, địch thực hiện âm mưu "bình định" vùng tạm bị chiếm, thực hiện kế hoạch củng cố Tây Nguyên, Khánh Hòa và Cục Nam Trung bộ, biến những nơi này thành hậu phương an toàn của chúng. Chúng tăng cường quân số, tiến hành càn quét các vùng, nhất là vùng ta làm chủ, phát triển cứ điểm dày đặc để kèm kẹp đồn dân vào khu tập trung, phong tỏa đường tiếp tế, liên lạc của ta, phát triển Việt binh đoàn thay thế lính Âu Phi chuyển đi chiến trường chính. Mặt khác, chúng đẩy mạnh xây dựng tổ chức phản động trong đồng bào dân tộc, chia rẽ khối đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Ở trong tỉnh, chúng xếp Bình Thuận là cấp Quân khu gồm 2 phân khu, 6 phân chi khu trực thuộc Bộ Chỉ huy tối cao ở chiến trường Nam Trung bộ. Với vị trí đó và thực hiện âm mưu dùng hệ thống đồn bót để kèm kẹp dân, đến tháng 11 năm 1950 chúng đã thiết lập trong tỉnh 293 cứ điểm và tháp canh. Đầu năm 1951 quân số của địch tăng lên 4.096 tên. Chúng bỏ các đồn bót nơi cô lập, tập trung quân làm lực lượng cơ động đánh phá các vùng căn cứ của ta. Có đợt chúng dùng 2, 3 tiểu đoàn nhảy dù càn quét vào vùng căn cứ của ta ở Bàu Trắng (Khu Lê Hồng Phong) tái chiếm vùng giải phóng Hàm Tân... Bên cạnh đó, chúng cố giữ các vùng quan trọng ở Hàm Thuận như: Mũi Né, Kim Ngọc, Ma Lâm, Tầm Hưng, Mương Mán,

Phú Hội... làm hậu phương và bảo vệ các cơ quan đầu não ở Phan Thiết.

Trong chính sách dồn dân rào làng, lập khu tập trung, từ sau khi thực hiện thành công ở Ninh Thuận, cuối năm 1949 chúng bắt đầu dồn dân ở 3 huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong và sau đó chuyển vào thực hiện ở các huyện phía Nam tỉnh. Với âm mưu "tiến từng bước, gặm từng miếng" địch cố dồn hết dân vào các khu tập trung, đẩy lực lượng kháng chiến ra xa dân và dần dần tiêu diệt cách mạng. Đến tháng 3-1950, chúng đã dồn được dân 3 huyện phía Bắc tỉnh vào khu tập trung, chỉ còn một số ít dân ở vùng căn cứ Bá Ghe, Lệ Nghi. Chúng dùng chính sách "tam quang" giết sạch, đốt sạch, phá sạch ở La Gàn, khủng bố ở Tuy Phong, Hòa Đa. Ở phía Nam tỉnh trọng tâm dồn dân của chúng là Hàm Thuận, nên chúng tập trung căn quét mạnh ở Tam Giác, Dân Thạnh, Hàm Đức, Hàm Trí, Hàm Kiệm. Chúng dồn dân ở Hàm Đức về Kim Ngọc, ở Hàm Chính, Hàm Trí, Tâm Hưng về Ma Lâm, Đại Năm, Hàm Kiệm về Ngã Hai, đưa tổng số dân bị dồn lên 35.000 người.

Cùng với việc dồn dân, chúng tăng cường phá hoại kinh tế : cướp phá mùa màng, bắn giết trâu bò, tung hàng ngoại hóa bán giá rẻ để phá hoại kinh tế và đồng tiền ta ở vùng giải phóng. Chỉ tính trong năm

1950, chúng cướp và đốt trên 21.000 tấn lúa, giết hại 1.000 trâu, bò và năm 1951 đốt 1.121 ngôi nhà của nhân dân.

Để thực hiện chiêu bài trao trả "độc lập" giả hiệu, chúng giao dân một số ngành như : Phòng kinh tế, thông tin, cảnh sát, mật thám cho ngụy quyền và lập "khối liên minh quốc gia" nhằm thu hút lực lượng chống cách mạng Việt Nam.

Về ta, trong 4 năm kháng chiến đã thu được những thắng lợi lớn về quân sự, chính trị, ngoại giao. Trong năm 1950, nước ta được Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân tộc dân chủ công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao. Sự kiện này khẳng định vị trí Việt Nam trên trường quốc tế và thu hút sự ủng hộ đồng tình của nhân dân thế giới. Trên mặt trận quân sự, sau thắng lợi ở chiến dịch biên giới tháng 10-1950, cuộc kháng chiến của ta từ thế yếu phát triển dần lên thế mạnh, thế chủ động, từ du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh tập trung, mở nhiều cuộc tiến công lớn trên các chiến trường.

Ở Liên khu 5, hòa chung với khí thế tấn công địch trong cả nước, Liên khu ủy 5 chủ trương tổng động viên nhân tài vật lực vùng tự do, vùng giải phóng phục vụ tiền tuyến và đẩy mạnh hoạt động đánh địch gây cơ sở, phát triển chiến tranh du kích ở vùng tạm bị chiếm. Ở Quảng Nam ta đột nhập đốt kho xăng

Liên Chiêu, diệt các đồn Cẩm Lệ, Thu Bồn và mở rộng vùng giải phóng 16 xã. Tại Khánh Hòa, ta diệt các đồn Phú Cốc, diệt đoàn xe lửa chở lính ở Cổ Mã, đột nhập vào Nha Trang hoạt động. Ở Quảng Ngãi ta đập tan vụ bạo loạn ở Sơn Hà và cuộc hành quân càn quét lớn của địch ở miền Tây Quảng Ngãi. Tỉnh Ninh Thuận thực hiện chiến dịch "Tiến về làng" gây cho địch nhiều tổn thất.

Sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc của nhân dân ta lúc này đang trên đà thắng lợi. Nhiệm vụ gấp rút hoàn thành chuẩn bị mọi mặt để giành thắng lợi lớn hơn làm chuyển biến cục diện chiến tranh có lợi cho ta được đặt ra rất khẩn trương. Song nhân tố quyết định để tập hợp mọi lực lượng thành sức mạnh kháng chiến là vai trò lãnh đạo của Đảng. Do vậy, Trung ương Đảng chủ trương tiến hành Đại hội chính thức đảng bộ các cấp nhằm củng cố tổ chức, xây dựng Đảng vững mạnh. Thực hiện chủ trương đó, trước khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II vào tháng 2-1951, các tỉnh tiến hành Đại hội đại biểu của Đảng bộ địa phương.

Ở Bình Thuận, tháng 8-1949, Đại hội đại biểu tỉnh Bình Thuận lần thứ I khai mạc tại căn cứ Ô Rô. Đại hội đã đánh giá các mặt công tác kháng chiến trong thời gian vừa qua và ra Nghị quyết công tác năm 1950 về xây dựng Đảng, kiện toàn mặt trận, đẩy mạnh công

tác dân vận, chủ trương tiến vào vùng địch hậu. Đại hội bầu Ban chấp hành 11 đồng chí (có 1 đồng chí ủy viên dự khuyết) do đồng chí Nguyễn Diêu làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Đình Huê phó Bí thư. Tháng 3-1950, các đồng chí Nguyễn Diêu, Trương Cừ, Phan Tấn Trình ra công tác ở Liên khu V, đồng chí Nguyễn Đình Huê thay đồng chí Diêu làm quyền Bí thư Tỉnh ủy. Tiếp đến đồng chí Huê đi học lớp Trường Chinh ở Nam bộ, đồng chí Hồ Liên, ủy viên thường vụ Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Đình Huê làm quyền bí thư Tỉnh ủy.

Để triển khai cụ thể Nghị quyết của Đại hội, từ ngày 15 đến 17-12-1949, hội nghị Tỉnh ủy đã đi sâu bàn về phá âm mưu của địch, tổ chức lực lượng vũ trang, tổ chức quần chúng và củng cố chính quyền. Trong công tác xây dựng chính quyền, Đảng bộ đã chỉ đạo trọng tâm là :

- Kiện toàn cấp tỉnh.
- Đơn giản chuyên môn cấp huyện, tập trung vào Ủy ban.
- Phát triển, xây dựng cấp xã.
- Củng cố và xây dựng chính quyền thượng du.
- Chính đốn lãnh đạo.

Về phát triển du kích chiến tranh, ở vùng giải phóng Hàm Tân các xã đều có từ 2 trung đội đến 1



Đồng chí Trịnh Huy Quang, ủy viên liên
khu ủy, Liên khu V cắt băng triển lãm tại
Đại hội Đảng bộ tháng 8 - 1949.

đại đội dân quân, du kích và 1 trung đội công binh. Công tác bố phòng như hầm hào, tuyến chông được bố trí từ Thăng Bình đến La Gi, đến Tân Thiện... Dân quân du kích còn phối hợp với bộ đội tiểu đoàn 86 chống càn ở Động Bò (năm 1949), đánh bại âm mưu tái chiếm vùng giải phóng của địch trong cuộc đổ bộ vào La Gi năm 1950. Ta còn đánh phá giao thông có một số kết quả trên tuyến đường sắt Suối Kiết, Sông Phan, đặt mìn làm lật một đoàn tàu lửa vào đầu 1950. Lực lượng tự vệ Hàm Tân trưởng thành, không những bảo vệ được căn cứ mà còn đưa một trung đội chi viện cho xã Hàm Kiệm (Hàm Thuận). Ngoài ra nhân dân Hàm Tân còn tham gia đi dân công, sản xuất, ủng hộ kháng chiến. Đặc biệt trong chiến dịch Hè ở phía Bắc tỉnh và chiến dịch Đông Xuân 1950 - 1951 ở Ninh Thuận, hàng ngàn thanh niên, phụ nữ tham gia gánh lương thực, mang vắc vũ khí đạn dược cho bộ đội đánh địch.

Ở 3 huyện phía Bắc tỉnh, địch dồn dân rào làng, Vĩnh Hảo là điểm cuối cùng của chúng. Nhưng ở đây phong trào du kích chiến tranh vẫn được duy trì. Ngay sau khi nhân dân ở La Gi bị địch dồn về Long Hương ngày 01-10-1948, các cơ quan thuộc huyện Tuy Phong vẫn bám trụ tại đây. Trong những ngày này, ta đào trên 1.000m đường hầm chiến đấu, rộng 0,8m, sâu 1,4m để làm nơi trú ẩn và chiến đấu. Hầm này được xây dựng trong nhiều tháng trời với 16.000 ngày công do

nhân dân La Gàn và nhân dân trong vùng tạm bị chiếm Long Hương tham gia đào dưới bom đạn, đánh phá ác liệt của kẻ thù. Ở Duông (Hòa Đa), cuối năm 1949, đầu năm 1950, Huyện ủy chủ trương "Tiêu thổ kháng chiến", nhân dân sơ tán vào vùng Bàu Vua, Bàu Khoai. Tình hình ở đây rất khó khăn. Ở Phan Rí, ngoài lực lượng đóng chốt 1 tiểu đoàn trong thời gian dồn dân rào làng, địch còn đưa thêm 1 đại đội từ Ninh Thuận về đây hỗ trợ đóng thêm 2 đồn, 11 tháp canh để bao vây khống chế, nhằm đè bẹp tinh thần cách mạng của nhân dân Phan Rí. Tuy sống trong vòng kìm kẹp của kẻ thù, nhân dân Phan Rí vẫn dùm bọc, che chở cho cán bộ hoạt động. Hai chị Vũ Thị Tập, Nguyễn Thị Ân tạo ra một loại "hầm di động" bằng cách dùng giỏ cá giấu cán bộ vào trong đó khiêng đi. Hàng ngày địch lùng sục, nghi vấn cán bộ ta ở hầm dưới đất nên ra sức tìm kiếm, bắt giết nhiều người, nhưng cán bộ ta vẫn vào ra chỉ đạo phong trào tại chỗ. Đó là nhờ sống trong lòng dân và do công tác vận động quần chúng của ta thực hiện tốt. Ở vùng Phan Lý, nhiều cán bộ, đảng viên người Chăm vẫn bám trụ bằng cách đóng giả các chức sắc tôn giáo để vận động thanh niên chống bắt lính. Tuy vậy, phong trào cách mạng ở 3 huyện bắc Bình Thuận trong thời gian này bị trụt hơn trước. Hầu hết dân chúng bị địch dồn vào các khu tập trung. Cán bộ chiến sĩ bị hy sinh nhiều. Địch bao vây, càn quét lùng sục làm cho nhiều



*Đồng chí Nguyễn Diêu, Bí thư Tỉnh ủy
Bình Thuận từ tháng 8 - 1949 đến tháng 3 -
1950. (Ảnh chụp 12 - 1980).*

đoàn thể bị tan rã. Song cuộc đấu tranh của nhân dân ở La Gàn đất "Máu và lửa" và ở Phan Rí "Vùng xung yếu đáng gờm" vẫn là những điểm sáng trong phong trào đấu tranh vùng sau lưng địch. Những thành công của địch ở vùng này là do ta thiếu chủ động trong cuộc chống địch dồn dân, chưa có kế hoạch phối hợp cụ thể giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị.

Ở Hàm Thuận, Phan Thiết, hoạt động của ta tập trung vào chiến tranh du kích chống địch càn quét, bao vây uy hiếp đồn bót địch, đột kích vào thị xã, đẩy mạnh công tác trừ gian, diệt tề và tích cực xây dựng cơ sở cách mạng. Ở vùng Tam Giác, địch mở nhiều cuộc hành quân càn quét, tàn phá xóm làng, cướp phá mùa màng, bắn giết nhân dân. Để chống càn, du kích kết hợp với bộ đội chủ lực và tuyển bố phòng để đánh địch và hướng dẫn nhân dân tránh lánh. Do địch càn quét, đánh phá liên tục, trung bình hàng tháng chúng 10 lần đưa quân đột phá, giết chóc cho nên để tồn tại và đẩy mạnh phong trào du kích, một kiểu nhà đất ở Tam Giác ra đời. Lúc đầu nhà đất làm bằng một vách, tài sản thường bị địch đốt phá, nên nhân dân có sáng kiến làm nhà đất 2 vách, ở giữa giấu lúa, đồ đạc, địch có đốt cũng không cháy. Kiểu nhà hầm từ Hàm Liêm đã lan ra các xã trong vùng. Ở Kim Ngọc, Ma Lâm, Phú Long nằm sâu trong vùng địch kiểm soát...

phong trào diệt ác, trừ gian cũng diễn ra, nhiều tên Việt gian phải đền tội. Nhìn chung, phong trào du kích ở Hàm Thuận vẫn phát triển đều khắp. Lực lượng du kích thoát ly đông, mỗi xã có 1 đại đội, mỗi thôn có 1 trung đội du kích bán thoát ly và cả huyện có 3 trung đội bộ đội địa phương. Ở Phan Thiết, khi phối hợp với chiến dịch BTN ở 3 huyện phía Bắc tỉnh, du kích và bộ đội đã khuấy rối, nghi binh địch. Chỉ tính trong 2 tháng 4, 5-1950, Cẩm tử đội đã 19 lần đột nhập vào nội thị diệt tề, trừ gian, trong đó ta diệt nhiều địch ở Côn Chà, Đức Nghĩa, Xóm Lụa, phá nhiều tháp canh của địch trên đường số 8... Đặc biệt ta đã đánh địch ở Xóm Mía làm cho địch co về để đối phó với ta trong nội thị và hạn chế một phần địch đánh phá ở Tam Giác và vùng lân cận. Đồng thời để bảo vệ Phan Thiết, từ tháng 8-1949, chúng đóng 60 đồn bót đến cuối năm 1950 tăng lên 90 cái bao bọc xung quanh thị xã. Tuy vậy, cơ sở cách mạng trong thị xã vẫn phát triển, đến cuối 1950 trong thị xã ta có 700 cơ sở cách mạng và thành lập 2 đội vũ trang tuyên truyền : Đội 295 đảm nhiệm khu vực phía Bắc đội 195 hoạt động phía Nam sông Cà Ty. Mỗi đội có 30 đến 40 đội viên. Đến năm 1951, các đội trên chuyển thành Ban cán sự, phụ trách các phường và sau đó Thị ủy quyết định thành lập mỗi phường một đội vũ trang công tác. Còn đội Cẩm tử Nguyễn Thái Học được trung

đoàn 812 rút một bộ phận tăng cường cho đại đội 216 và trung đội còn lại xây dựng thành trung đội bộ đội địa phương thị xã.

Ở Tánh Linh, một huyện miền núi của tỉnh Bình Thuận với dân số có 7.000 người, trong đó có 600 người Chăm, 200 người Kinh, còn lại là người Rắc Lây, K'ho, Ma... địch đóng căn cứ ở huyện lỵ và một bót nhỏ của tên tri huyện Mang Chung, có tổng số quân là 132 tên (có 8 lính Âu Phi) và các vùng Lạc Hóa, Cam Lộ, Cô Chi, Làng Noi, xung quanh thị trấn là vùng chúng kiểm soát. Chúng lập được ban hội tề, có 67 tên và 4 tên chánh tổng ở Đại Hoa, Chi Hoa. Mặc dù bị địch kèm kẹp như vậy, ta vẫn xây dựng được hai chi bộ Đảng ở Lạc Hóa, Gia Huỳnh, với 17 đảng viên. Dân trong vùng ta làm chủ có 1.050 người. Do điều kiện đặc biệt là một vùng rừng núi, đồng bào dân tộc ở rải rác, nên các đoàn thể, chính quyền, dân quân tổ chức thành một cơ quan chung do huyện lãnh đạo. Tổng số hội viên các đoàn thể có 420 người. Về chính quyền ta có một Ban cán sự công khai hoạt động trong dân.

Cuối 1950 giải tán Tỉnh đội dân quân, Trung đoàn 812 đưa lực lượng D86 phụ trách phía Nam tỉnh, D89 phụ trách phía Bắc tỉnh và Ninh Thuận. Đến đầu năm 1951 thành lập lại tỉnh đội do đồng chí Nguyễn Chí Diễm làm tỉnh đội trưởng.

Cùng với củng cố lực lượng vũ trang, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh vùng sau lưng địch, ta còn chăm lo củng cố các đoàn thể trong mặt trận dân tộc thống nhất trên cả 3 vùng giải phóng, tranh chấp và vùng địch tạm kiểm soát. Đầu 1950, tỉnh đề ra khẩu hiệu "Kiện toàn mặt trận, đẩy mạnh dân vận để tổng động viên nhân tài vật lực phụng sự tiền tuyến". Cuối năm 1949, toàn tỉnh có 73.600 hội viên trong các đoàn thể, mặt trận, sau khi địch dồn dân ở 3 huyện phía Bắc tỉnh thì số hội viên còn 56.615 người. Trong năm 1950, ta xây dựng thêm và đưa tổng số lên 63.869 hội viên. Chỉ riêng ở thị xã có 2.054 hội viên so với số dân 30.000 là còn ít. Đến giữa 1950, ta thực hiện chủ trương : "Đơn giản huyện, kiện toàn tỉnh và củng cố xã", tháng 9-1950 Đại hội Liên Việt tỉnh bầu Ban chấp hành 15 đồng chí (có 5 Thường vụ). Nhưng chỉ có 5 Ủy viên Ban chấp hành thực sự làm việc, còn phần nhiều kiêm nhiệm. Nhìn chung bộ máy lãnh đạo của Mặt trận yếu, chưa làm tốt công tác mặt trận và vận động hội viên. Lãnh đạo Mặt trận huyện chỉ còn lại một số đồng chí Thường trực và tỉnh thành lập đoàn kiểm tra để củng cố Mặt trận ở xã. Tuy nhiên, bộ máy Mặt trận ở xã chưa kiện toàn, nên đoàn kiểm tra làm việc gặp nhiều khó khăn.

Về các đoàn thể, năm 1949 Tỉnh ủy chủ trương củng cố Ban chấp hành công đoàn tỉnh và cử cán bộ sang làm thư ký ngành. Nhờ đó phong trào của công

nhân Bình Thuận trong năm 1950 phát triển nhiều mặt. Số lượng đoàn viên tháng 1-1950 có 3.230 người, đến tháng 11-1950 phát triển lên 4.470 người so với 10.000 lao động trong tỉnh và được tổ chức thành 11 công đoàn cơ sở. Công đoàn vùng địch hậu có 2.831 đoàn viên ; công đoàn ở phòng vận tải Cực Nam có 218 đoàn viên ; 5 phân đoàn Công binh xưởng có 237 đoàn viên và phân đoàn trong vùng căn cứ và vùng bản lẻ có 1.184 đoàn viên. Trong 3 tháng chuẩn bị chiến dịch Hè và chiến dịch Đông Xuân, có 150 đoàn viên công đoàn hàng hải tòng quân. Đến 01-07-1950, Hội nghị đại biểu công đoàn bầu Ban chấp hành có 7 ủy viên, 1 ủy viên dự khuyết và có 9 cán bộ giúp việc. Trong hai đợt tổng động viên cho chiến dịch Hè và Đông Xuân, đoàn viên công đoàn toàn tỉnh ủng hộ được : 824.000 đồng tín phiếu, 3.350 đồng Đông Dương, bán chịu lúa gạo cho cách mạng... Các ngày lễ 1-5, 20-7 và 2-9-1950, công đoàn các cấp tổ chức mít tinh biểu thị đấu tranh với địch để lấy thành tích chào mừng Đại hội công đoàn Việt Nam vào tháng 10.

Đối với Hội Nông dân, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục củng cố và phát triển hội viên, đến cuối năm 1950 toàn tỉnh có 9.519 hội viên, trong đó có 2.103 hội viên nông hội trong vùng địch hậu, 856 hội viên người dân tộc thiểu số ở miền núi và 377 hội viên người Chăm. Trong năm 1950 Hội Nông dân tỉnh thành lập 22 nông

đoàn, hợp tác xã với 280 đoàn viên và 15 tổ vận công với 217 đoàn viên.

Về tổ chức thanh niên, đầu năm 1949 phong trào thanh niên cứu quốc được củng cố và thành lập lại Ban chấp hành Thanh niên cứu quốc tỉnh, huyện. Đến năm 1950, cùng với củng cố và phát triển Thanh niên cứu quốc theo chủ trương chung, tỉnh tổ chức thêm Thanh niên Việt Nam nhằm tập hợp các lứa tuổi thanh niên đứng ngoài tổ chức Thanh niên cứu quốc. Ban chấp hành Liên hiệp Thanh niên tỉnh có 11 ủy viên và 3 cán bộ giúp việc. Trong tổ chức Thanh niên cứu quốc, Ban chấp hành có 7 ủy viên với tổng số 5.302 đoàn viên ; trong đó có 138 đoàn viên người công giáo, 435 đoàn viên người dân tộc. Thanh niên mở phong trào đấu tranh chống đi lính cho Pháp, ra tập san "Sống trẻ", gây phong trào tập luyện quân sự. Tổ chức cắm trại trong dịp Tết Trung Thu 1950 và tổ chức kỷ niệm các ngày thành lập Hội Thanh niên cứu quốc, Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Liên đoàn Thanh niên thế giới. Ngoài ra, thanh niên còn đi đầu tham gia ủng hộ kháng chiến, đi dân công vận tải phục vụ kháng chiến và có 2.250 thanh niên tham gia bộ đội hay dân quân, du kích, thực hiện trách nhiệm của tuổi trẻ ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương.

Đoàn thể phụ nữ cứu quốc, cuối 1949 được củng cố lại nhưng 6 tháng đầu năm 1950 do thực hiện chủ

trương kiện toàn tỉnh, đơn giản huyện, củng cố xã thiếu kế hoạch cụ thể nên phong trào tụt xuống. Từ khi Tỉnh hội thành lập các đoàn kiểm tra đi sát các xã, phong trào của Hội (1951) lại phát triển số lượng hội viên từ 17.883 người vào đầu năm 1950 tăng lên 20.122 đoàn viên vào năm 1951. Chị em tham gia ủng hộ tiền của, vật chất cho chiến dịch Hè, Đông Xuân, và đi tải thương, tiếp tế, đấu tranh chính trị trong vùng tạm bị chiếm. Ngoài ra chị em còn làm công tác binh vận, cầm súng tham gia đánh đồn ở Ngã Hai, ở Hàm Chính, Mũi Né... Về tổ chức, đến năm 1951, Ban chấp hành Tỉnh hội có 15 Ủy viên và 14 cán bộ giúp việc. Tỉnh hội thành lập hai đoàn kiểm tra hoạt động trên địa bàn Nam - Bắc tỉnh. Ở cấp huyện do đơn giản bộ máy, nên lãnh đạo Hội mỗi nơi có 3 người. Ở xã, Ban chấp hành có từ 10 đến 15 ủy viên. Tuy nhiên công tác vận động xây dựng phong trào phụ nữ ở miền núi và đồng bào Chăm chưa được chú ý.

Về Hội phụ lão, đến tháng 7-1950 được chỉnh đốn lại có 3.130 hội viên sinh hoạt trong Hội mẹ chiến sĩ và Hội phụ lão (nam giới) nhưng không đều.

Công tác vận động Phật giáo và Công giáo được chú ý hơn. Tổ chức Phật giáo cứu quốc thị xã có 450 hội viên, Hòa Đa có 389 hội viên, là 2 nơi có phong trào mạnh. Tỉnh thành lập một Ban chấp hành Phật giáo làm việc bên cạnh Liên Việt ở các địa phương.

Còn đồng bào Công giáo trong tổ chức cứu quốc có 1.862 người trên tổng số 3.000 tín đồ và có 4 linh mục là cơ sở của kháng chiến. Giáo dân đã ủng hộ 60.358 đồng trong tháng 10-1950 và có 78 đoàn viên Công giáo tòng quân trong đợt 2 năm 1950. Pháp lợi dụng Vatican công nhân Bảo Đại để lôi kéo hội viên Công giáo cứu quốc và nói xấu Việt Minh, nhưng phần nhiều hội viên Công giáo vẫn tham gia cách mạng chống giặc ngoại xâm.

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số toàn tỉnh có 12.000 người ; trong đó, đồng bào Chăm có 7.000 người. Đến tháng 5-1950, Đảng bộ tỉnh thành lập Ban lãnh đạo Thượng du vận và giao cho các đảng bộ huyện có đồng bào dân tộc cùng Ban kiểm tra của Liên Việt trực tiếp lãnh đạo.

Về công tác Hoa kiều vận, đến tháng 7-1950 ta củng cố lại Ban chấp hành gồm 3 ủy viên và một số cán bộ giúp việc. Tuy nhiên tổ chức này, hội viên phần nhiều nằm trong vùng địch hậu, nên ta kết nạp hội viên bí mật hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu kháng chiến.

Về xây dựng chính quyền, đầu năm 1950 ta thực hiện sát nhập các xã nhỏ thành xã lớn, đồng thời đổi tên các xã cho phù hợp với các huyện, như các xã của huyện Hàm Thuận đổi thành Hàm Chính, Hàm Cần... Các xã của huyện Hàm Tân đổi thành Tân Thành,

Tân Thắng... Suốt những năm 1950, 1951 do nhận thức chưa đúng về chính quyền dân chủ nhân dân là chính quyền của dân, do dân, vì dân nên bộ máy hoạt động rời rạc, chấp vá. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh chưa được Hội đồng nhân dân cử ra mà chỉ định, chuyển chuyển theo yêu cầu từng lúc ; các ban giúp việc Ủy ban thiếu đầu bổ sung đó, nên bộ máy đông mà không mạnh. Việc đi kiểm soát cơ sở của các ty, ban, ngành, đoàn thể không phối hợp với nhau làm cho xã, phường thêm bận rộn không có thời gian thực hiện nhiệm vụ chính của mình. Chính quyền trong các vùng địch hậu và miền núi còn non kém về năng lực. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo chính quyền của Hội nghị Liên khu V lần I (tháng 1 năm 1950) chưa được Tỉnh ủy nghiên cứu, vì vậy Đảng còn tình trạng bao biện làm thay chính quyền và có lúc khoán trắng cho các cấp. Do phân cấp không rõ ràng, Ủy ban một số địa phương triển khai công tác của huyện ủy không chờ chỉ đạo của ngành dọc.

*

* * *

Thực hiện chủ trương chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phân công, thi hành chỉ thị số 74 của Liên khu ủy Khu 5 và chỉ đạo của Ban Cán sự Cục Nam, căn cứ vào tình hình của tỉnh lúc bấy giờ, Hội nghị Thường

vụ Tỉnh ủy Bình Thuận mở rộng vào tháng 1-1950 quyết định mở chiến dịch Xuân Hè, nhưng giữa Tỉnh ủy và cơ quan quân sự chưa thống nhất được mục tiêu chiến dịch. Đến tháng 3-1950, do yêu cầu cấp thiết, Tỉnh ủy cương quyết tiến hành mở chiến dịch Hè với yêu cầu "Phá khu an toàn của giặc, giành lại quần chúng, đẩy mạnh nhân dân du kích chiến tranh là chủ yếu, tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta". Chiến trường chính của chiến dịch là Bắc Bình Thuận. Thời gian chiến dịch chia là 3 thời kỳ :

Thời kỳ chuẩn bị từ 15-4-1950 đến 25-7-1950.

Thời kỳ đánh mạnh từ 25-7 đến 25-8-1950.

Thời kỳ khuyếch trương chiến quả từ 25-7-1950 đến 30-8-1950.

Để giữ bí mật quân sự, chiến dịch Hè mang mật danh BTN (Bắc Bình Thuận). Cùng với thông qua chuẩn bị cho chiến dịch Hè, Tỉnh ủy cũng thực hiện chủ trương "Thi đua phát triển Đảng" làm cho Đảng trở thành một Đảng quần chúng đông đảo và mạnh mẽ. Mặt khác, Hội nghị chủ trương từ tháng 5-1950 phát động đợt tổng động viên nhân tài vật lực cho chiến dịch và bao vây kinh tế địch để hạn chế kinh tế chúng. Ngày 23-3-1950, Hội nghị Dân quân chính toàn tỉnh triển khai công tác các thời kỳ chuẩn bị chiến dịch tấn công địch và khuyếch trương chiến thắng.



Đồng chí Hồ Liên (Hoàng Bích Sơn), Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận từ tháng 3 - 1950 đến tháng 3 - 1951 (ảnh chụp năm 1950).

Về lực lượng tham gia chiến dịch Hè có tiểu đoàn 86, đại đội 214 và du kích tập trung, dân quân của các huyện Hòa Đa, Tuy Phong. Ban chỉ huy chiến dịch do đồng chí Nguyễn Minh Châu làm chỉ huy trưởng, Đoàn Tự Bảy làm chỉ huy phó và đồng chí Trần Quốc Thái làm chính trị viên.

Ngày 25-7-1950, chiến dịch Hè mở màn bằng trận kỳ tập vào đồn Duông. Trận này ta tổ chức kết hợp giữa lực lượng phục kích bên trong và lực lượng tấn công bên ngoài vào, chỉ trong 20 phút đã làm chủ đồn địch, diệt bắt sống 2 trung đội, thu 30 súng các loại và đạn dược. Tiếp 3 ngày sau, ta cường tập chiếm đồn Bang tá Duông, diệt 1 trung đội và Duông hoàn toàn được giải phóng. Ngày 25-8-1950, ta phục kích địch trên đường sông Lòng Sông đi Long Hương, bắt 1 xe và 1 tên Pháp. Cũng trong tháng 8, ta làm chủ đồn Hòa Thuận và một hệ thống 7 lô cốt, cắt đứt đường giao thông số 1 từ Phan Thiết đi Hòa Đa. Trong lúc ta hoạt động ở phía Bắc tỉnh, địch tổ chức càn ở Tam Giác (Hàm Thuận). Ta kết thúc hoạt động ở đây, giao lại cho bộ đội địa phương và dân quân du kích tiếp tục hoạt động gây cơ sở, còn tiểu đoàn 86 rút về Hàm Thuận chống địch càn quét. Tháng 9-1950, cùng với lực lượng địa phương, tiểu đoàn 86 đã đánh diệt đồn Xóm Lụa, phá hệ thống tháp canh của địch dọc đường số 8, đánh địch càn vào Xóm Mía.

Kết quả chung trong chiến dịch Hè, ta diệt 3 đồn, 20 tháp canh, diệt và bắt sống 100 tên, thu 100 súng các loại. Dân quân du kích đã diệt được 4 tháp canh, 102 tên địch và làm bị thương gần 100 tên khác ; phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch và trưng trị hàng trăm tên tề, điệp gian ác.

Ngày 30-9-1950, đại diện của Liên khu ủy, Ban Cán sự Cục Nam, Tỉnh ủy và các Huyện ủy, ban ngành, đoàn thể của Bình Thuận đã họp rút kinh nghiệm về đợt hoạt động Hè. Nhìn chung hoạt động chiến dịch Hè đã chọn đúng hướng, trận đánh có kết quả, gây cho địch nhiều tổn thất, phá một phần kế hoạch bình định của chúng ở Bắc Bình... Song, mặt yếu của ta là nặng về hoạt động quân sự, chưa chú ý gây dựng cơ sở chính trị rộng khắp.

Để phục vụ cho chiến dịch, chống lại âm mưu triệt phá các nguồn lương thực của ta, nhất là trong các đợt vào vụ thu hoạch, ta chủ trương giữ lúa và chống địch cướp lúa của dân. Chủ trương này ra đời từ cuối năm 1949 và tiếp tục trong những năm sau, nhất là từ tháng 5-1950 sau khi ta phát động tổng động viên nhân tài vật lực và bao vây kinh tế địch, phục vụ chiến dịch. Từ tỉnh đến xã đều thành lập các Ban bảo vệ mùa màng giúp dân giữ lúa, đã huy động mọi lực lượng Đảng, bộ đội, dân quân du kích, cán bộ tổ chức gặt, chuyển lúa dự trữ lương thực cho nhân dân và

kháng chiến. Biết ta thực hiện chủ trương này trong các vụ mùa gặt, địch cũng tìm mọi cách giành lúa với ta, nên nhiều trận đánh diễn ra xung quanh những cánh đồng lúa. Gặt ban ngày không được ta phải tổ chức gặt ban đêm, lúa đưa về phải giấu ở dưới hầm, nên mỗi hạt lúa giữ được đều thấm bao mồ hôi, xương máu của đồng bào và chiến sĩ. Với biện pháp đó, vụ mùa năm 1950 ở Hàm Thuận ta không những giữ được 3.285 xe lúa, bằng 80% sản lượng lúa của huyện mà còn giữ được lòng dân. Nhờ bảo vệ mùa màng có kết quả, nhiều cơ quan giải quyết được khó khăn lương thực và có dự trữ. Ngoài ra, ta còn tiếp thu kinh nghiệm Nam bộ, khuyến khích sản xuất tự túc và tiêu thụ hàng nội địa. Không cướp được lúa trên đồng ruộng, địch tiếp tục càn quét, hạn chế việc đi lại của nhân dân và bắn phá trâu bò, triệt phá mùa màng. Song nhiều hành động gian ác của giặc đã bị ta trừng trị.

Đến tháng 5-1950, thực hiện chủ trương bao vây kinh tế địch nhiều nơi đã tiến hành sản xuất nhiều mặt hàng như : trồng bông, dệt vải, làm dầu đèn, xà phòng, giấy viết... chống được nạn khan hiếm hàng hóa. Để bảo đảm nhu cầu trao đổi, ta thành lập 12 chợ kháng chiến nằm trong các vùng làm chủ của ta. Nhờ sản xuất tự túc có kết quả và nhân dân yêu nước nông nàn, nên trong đấu tranh với địch về kinh tế, giá trị tiền tín phiếu, tiền Việt Nam được tăng lên. Trước đây 1 đồng Đông Dương bằng 35 đồng Việt Nam

thì nay hạ xuống còn 20 đồng. Các trạm kiểm soát được đặt ra để giữ cho hàng xa xỉ vùng địch không vào được vùng ta và hàng ta không vào vùng địch và ta vận động nhân dân không dùng hàng địch. Về chủ trương này, ở chừng mực nhất định, đã gây cho địch những khó khăn, ta đẩy được phong trào sản xuất tự túc trong các cơ quan kháng chiến và trong nhân dân. Nhưng mặt khác, việc cấm đoán này cũng gây cho ta không ít khó khăn, như các loại hàng hóa ta không sản xuất được, dân thiếu để dùng... người dân làm ra nông sản khó khăn trong việc tiêu thụ, dẫn đến sản xuất phát triển không mạnh.

Cùng với thực hiện bảo vệ mùa màng, bao vây kinh tế địch, tháng 5-1950, Tỉnh ủy phát động đợt 1 tổng động viên nhân tài vật lực phục vụ cho chiến dịch Hè. Ta đã thu được 3,5 triệu đồng, 1.300 mẫu ruộng hiến, 500 xe lúa và 150 con trâu bò. Đến tháng 10-1950, chuẩn bị cho chiến dịch Đông Xuân 1950 - 1951 ở Ninh Thuận, Tỉnh ủy phát động đợt 2 tổng động viên nhân tài vật lực đã thu được 5 triệu đồng tín phiếu và 200.000 đồng Đông Dương, 1.100 mẫu ruộng hiến, 450 xe lúa, gần 30 tấn đậu các loại và hàng vạn ngày công tham gia chiến dịch. Tổng động viên nhân tài vật lực đã thực sự trở thành phong trào sôi nổi trong nhân dân, qua đó tinh thần thi đua ái quốc đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến và

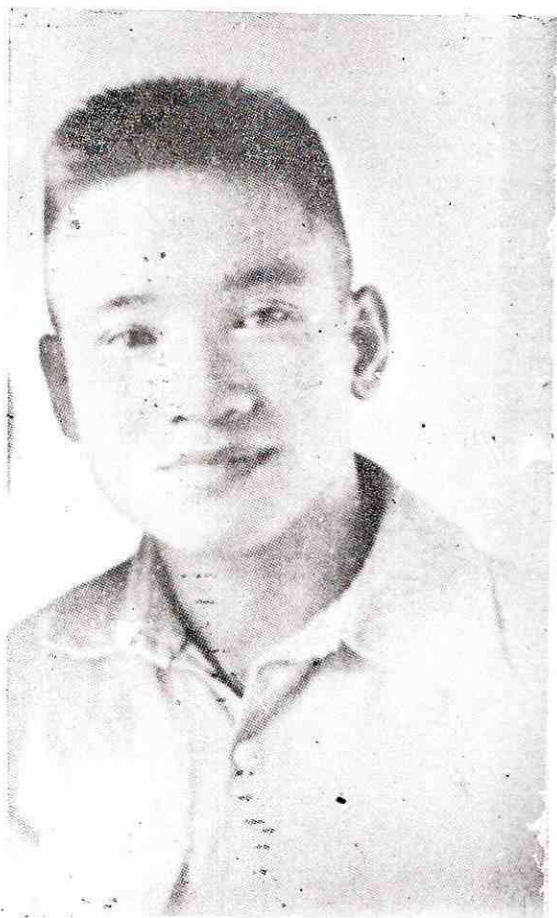
không khí chuyển mạnh sang tổng phản công được đẩy lên sôi nổi.

Sau đợt chiến dịch Hè, tháng 10-1950 Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ Đảng tại khu căn cứ Lê Hồng Phong. Hội nghị kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công, phong trào du kích chiến tranh, công tác vùng địch hậu. Hội nghị đã bầu cấp ủy gồm 11 đồng chí do đồng chí Hồ Liên làm bí thư, đồng chí Nguyễn Đình Huệ phó bí thư, kiêm chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chánh. Đến tháng 3-1951, đồng chí Trương Chí Cương bí thư Ban Cán sự Cục Nam được Liên khu ủy Khu 5 chỉ định kiêm bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận và đồng chí Hồ Liên, ủy viên thường vụ tỉnh ủy, phụ trách công tác tuyên huấn, sau đó làm bí thư huyện ủy Hàm Thuận.

Về công tác phát triển Đảng, Hội nghị nhận thấy trong thời kỳ này chủ trương phát triển Đảng một cách mạnh mẽ làm cho đội ngũ đảng viên trải khắp các ngành, các vùng trọng yếu làm hạt nhân lãnh đạo cuộc kháng chiến kiến quốc là đúng đắn. Số lượng đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng phát triển vượt bậc. Từ số lượng đảng viên cuối năm 1949 là 2.000, đến 10-1950 đã lên con số 8.996, gồm 2.793 đảng viên chính thức, 6.203 đảng viên dự bị, trong đó đảng viên vùng địch hậu 735, đảng viên phụ nữ 742, đảng viên trong dân quân 1.166, trong giao thông liên lạc 127 và trong

các ngành công an kinh tế 250. Toàn tỉnh đã xây dựng được 78 chi bộ (gồm 29 chi bộ phường, xã, 40 chi bộ cơ quan, 5 chi bộ xí nghiệp, 2 chi bộ bộ đội địa phương, 1 chi bộ trường học và 1 chi bộ người Hoa). Chi bộ ít nhất có 5 đảng viên, chi bộ nhiều nhất có 80 đảng viên. Số lượng đảng viên phát triển nhiều nhất vào những quý I, II năm 1950. Nhiều đảng viên đã qua thử thách khói lửa chiến tranh, đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến đang đòi hỏi gay gắt, tổ chức của Đảng nhờ đó mà lớn lên một cách nhanh chóng. Đó là một thắng lợi chính trị rất lớn của Đảng bộ lúc bấy giờ.

Song, trong công tác phát triển Đảng, khuyết điểm đáng chú ý là chạy theo số lượng, giáo dục đối tượng không kỹ, buông lỏng tiêu chuẩn, thủ tục, tăng số lượng không đi đôi với nâng cao chất lượng, để một số người không đủ tư cách, phẩm chất chui vào Đảng, gây nên hậu quả xấu. Trong thời gian khó khăn, nhiều người tự ý ra Đảng hoặc tham gia cầm chừng, cũng có trường hợp đầu hàng giặc, dẫn giặc đánh phá cách mạng. Những lệch lạc này dù đã được uốn nắn, song hậu quả còn tác hại đến nhiều năm về sau. Kiểm điểm vấn đề này Hội nghị Tỉnh ủy từ 25-11 đến 1-12-1950 nhấn mạnh : Việc phát triển Đảng phải vận dụng tiêu chuẩn chặt chẽ hơn, đúng nguyên tắc hơn. Hội nghị đã thông qua chương trình xây dựng Đảng trong năm 1951 : "Xây dựng Đảng đúng tinh thần chủ nghĩa



*Đồng chí Trương Chí Cương, Ủy viên liên
khu ủy, Liên khu V, Bí thư Ban cán sự Cục
Nam, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận tháng 3 -
1951 đến tháng 8 - 1952 (ảnh chụp năm 1951).*

Mác - Lênin, phát triển đi đôi với củng cố, chú trọng xây dựng Đảng ở vùng địch hậu, địa bàn xung yếu và các ngành gắn chặt với nhiệm vụ chuẩn bị để tổng phản công".⁽¹⁾ Chủ trương này được triển khai ngay trong quý I năm 1951, củng cố tổ chức Đảng, coi trọng chất lượng theo 4 nguyên tắc : Nắm vững chủ trương xây dựng Đảng đề ra cho năm 1951, chấm dứt việc phát triển Đảng bừa bãi, khảo sát đảng viên để giáo dục và đề phòng gián điệp chui vào Đảng, tiếp tục đẩy mạnh gây cơ sở Đảng trong vùng địch hậu, kết hợp nhiều mặt để xây dựng chi bộ tự động công tác một cách toàn diện.

Về địa giới hành chính, tháng 4-1951, Tỉnh ủy quyết định sát nhập huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong thành lập huyện Bắc Bình, cắt các xã phía Nam huyện Bắc Bình gồm Hưng Long, Bình Nhơn, Bình Thiện để cùng vùng căn cứ ở Triền, Ô rô... trước đây thuộc huyện Hàm Thuận thành lập huyện Căn cứ Lê Hồng Phong gồm tất cả 11 xã với 13.000 dân trên diện tích 600 km². Đến tháng 8-1952, sau khi đồng chí Nguyễn Côn thường vụ Liên khu ủy vào làm bí thư Ban Cán sự Cục Nam kiêm bí thư tỉnh ủy đã chủ trương lập lại huyện Phan Lý cho phù hợp với thực tế. Như vậy, tỉnh Bình Thuận vẫn có 6 huyện và một

1 Báo cáo năm 1951, trang 9, ký hiệu Da9, lưu tại Phòng Lịch sử Đảng tỉnh Bình Thuận.

thị xã, trong đó có 2 huyện căn cứ Hàm Tân, Khu Lê Hồng Phong hoàn toàn do ta làm chủ và huyện Tánh Linh địch chỉ đóng giữ ở huyện lỵ và dọc đường sá.

Sau chiến dịch Hè ở bắc Bình Thuận, Ban Cán sự Cục Nam chủ trương mở chiến dịch Đông Xuân ở Ninh Thuận để đối phó với chính sách dồn dân, rào làng của địch. Chiến dịch được chia làm 3 bước :

Từ tháng 10 đến tháng 12-1950 : thời kỳ chuẩn bị.

Từ tháng 1 đến tháng 3-1951 : thời kỳ tấn công địch.

Sau đó là thời kỳ khuyếch trương chiến quả.

Theo kế hoạch này, tháng 3-1951 ta nổ súng tấn công mở màn chiến dịch ở Ninh Thuận. Tỉnh Bình Thuận có nhiệm vụ cung cấp lương thực, đi dân công phục vụ chiến dịch. Khi ta tấn công địch ở Ninh Thuận, địch đưa quân cản quét mạnh vào vùng nam Bình Thuận để vừa thực hiện dồn dân ở đây, vừa giải vây cho Ninh Thuận. Trong các ngày 20, 21 tháng 1 năm 1951, địch huy động cả tiểu đoàn đánh vào La Gàn, Cát Bay giết hại 178 người, làm bị thương 50 người, đốt 200 nóc nhà và bắn giết hàng trăm trâu bò. Đây là trận tàn sát dã man nhất ở Nam Trung bộ. Ở Tam Giác, chúng đánh phá với cường độ chưa từng thấy, dân chúng phải sơ tán khắp nơi và có lúc dân số 4.000

người, chỉ còn lại dưới 500 người. Dịch chà đi xát lại ác liệt như vậy phong trào có tổn thất, nhưng lực lượng ta vẫn đứng vững.

Cuối tháng 3-1951, ta kết thúc chiến dịch ở Ninh Thuận, rút D86 về Bình Thuận tham gia chống càn giữ vững vùng làm chủ và giải phóng phía Nam tỉnh.

Hơn hai năm 1950 - 1951, quân dân Bình Thuận dưới sự lãnh đạo của Tỉnh Đảng bộ đã vượt qua một chặng đường đấu tranh hết sức gian khổ, quyết liệt, đã đứng vững và vươn lên. Các mặt phong trào đạt kết quả khá. Qua các đợt tổng động viên, một khối lượng lớn nhân tài, vật lực của nhân dân được đưa ra phục vụ chiến trường. Phong trào chiến tranh du kích chuyển sang đánh địch với quy mô lớn hơn, chống càn bảo vệ được căn cứ Lê Hồng Phong, Hàm Tân, thực hiện tốt các chính sách của Đảng trong vùng giải phóng, tạo niềm phấn khởi cho toàn Đảng bộ và nhân dân. Đạt được kết quả các mặt như vậy là nhờ Đảng bộ đã khơi dậy truyền thống yêu nước nồng nàn và chí căm thù giặc sâu sắc trong lòng nhân dân, biến khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng" thành hành động cách mạng cụ thể. Tuy nhiên, Đảng bộ cũng vấp phải nhiều khuyết điểm, nhược điểm trong đánh giá về ta, về địch chưa đúng, sử dụng lực lượng và yêu cầu khi mở chiến dịch Hè, Đông Xuân chưa thích hợp để chúng chủ động căng kéo lực lượng gây

cho ta nhiều tổn thất. Trong xây dựng Đảng, hiểu sai chủ trương của trên, thi đua phát triển Đảng chạy theo số lượng, không chú ý đến chất lượng. Trong huy động sức dân, ta đã làm quá khả năng đóng góp của dân và những vật chất đó sử dụng còn lãng phí. Nhưng nhìn chung, kết quả các mặt công tác đạt được trong 2 năm 1950 - 1951 là cơ sở để quân dân trong tỉnh giữ vững lòng tin và nâng cao quyết tâm đưa cuộc kháng chiến chuyển sang bước phát triển mới, giành thắng lợi mới lớn hơn.

CHƯƠNG V :

XÂY DỰNG VÀ CHỈNH ĐỐN LỰC LƯỢNG, ĐẨY MẠNH TẤN CÔNG DỊCH, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1952 - 1954)

Để kéo dài chiến tranh ở Đông Dương, đầu năm 1952, Pháp đưa tướng Xa-lăng thay tướng Đờ-lát Đờ-tát-xi-nhi chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Song, tướng Xa-lăng vẫn không làm được gì để cho quân đội Pháp có thể giành lại thế chủ động trên chiến trường. Nước Pháp lại chọn tướng Na-va, tham mưu trưởng lục quân của khối Bắc Đại Tây Dương sang thay Xa-lăng. Na-va đề ra kế hoạch 18 tháng lấy tên y, với 2 bước thực hiện. Bước thứ nhất từ Thu Đông 1953 sang Xuân 1954, quân Pháp giữ thế phòng thủ ở miền Bắc, tập trung đánh phá miền Nam, chiếm các vùng tự do của ta, nhất là vùng tự do ở Khu V và Khu IX (Nam bộ). Bước hai, sau khi bình định được miền Nam, đến mùa Thu 1954 đánh chiếm vùng giải phóng của ta ở Bắc bộ và kết thúc chiến tranh.

Thực hiện kế hoạch ấy (Xa-lăng, Na-va) quân Pháp trong thời gian này chúng bao vây, phong tỏa ta nhiều mặt, ở vùng tự do Liên khu 5, địch ra sức đánh vào

kinh tế, mở các cuộc càn quét lớn vào miền Tây Quảng Ngãi, ở Tây Nguyên và đánh ra vùng tự do của ta ở đồng bằng ven biển.

Đối với vùng tạm bị chiếm trong Liên khu, chúng tăng cường bắt lính một cách ô ạt. Trong năm 1952, chúng bắt gần 10.000 và năm 1953 bắt 14.000 người vào lính, đưa tỷ lệ ngụy binh trong quân đội của chúng lên 88%.

Ở Bình Thuận, đầu năm 1952, địch đóng 91 cứ điểm cùng với 270 tháp canh. Đến năm 1953, chúng đóng thêm một số đồn ở Bàu Gia, Xóm Bàu. Chúng bắt 1.500 thanh niên vào lính, đưa quân số ngụy trong tỉnh lên 4.289 tên (lính Âu Phi chiếm 30%) và đến đầu năm 1954 lên gần 6.000 tên.

Đối với vùng tạm bị chiếm, chúng tiếp tục thực hiện chính sách dồn dân rào làng, nhưng không ô ạt, chỉ tập trung vào vùng xung yếu, như Hàm Kiệm, Hàm Nhơn... Chúng càn quét đánh phá vào vùng Ru-san-ta-mâu, Oan-ta-líp⁽¹⁾ dồn 3.000 dân ở đây về M'lon (Lâm Đồng) và 150 dân ở Bình Sơn về Sông Lòng Sông. Chúng tổ chức càn quét vào khu Tam Giác (Hàm Thuận), Bắc Bình, Tánh Linh với quy mô lớn. Về địa giới, chúng

1 Theo ý kiến đồng chí Trần Ngọc Trác : Vùng Ru-san-ta-mâu và Oan-ta-líp là đất của tỉnh Lâm Đồng. Tháng 9-1951, Ban Cán sự Cục Nam giao vùng này cho huyện Phan Lý Châm, tỉnh Bình Thuận.

có ý định cắt vùng Bắc Bình là nơi đã dồn dân rào làng, sát nhập vào Ninh Thuận và nhập Tánh Linh vào tỉnh Đồng Nai Thượng. Chúng tổ chức bầu Hội đồng hương chính, Hội đồng tỉnh hạt và thực hiện trao trả độc lập giả hiệu cho ngụy quyền. Về kinh tế, chúng tăng thuế từ 1 lên gấp 3 lần so với trước.

Trước tình hình địch đã chuyển hướng chiến thuật đánh phá cách mạng, sau Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành Trung ương vào cuối tháng 9 năm 1951 đã kịp thời đề ra nhiệm vụ : "Ra sức phá âm mưu thâm độc của địch lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt, kiên quyết giành lại vùng đông dân nhiều của, biến những vùng ấy thành căn cứ kháng chiến của ta". Về công tác vùng địch hậu, Nghị quyết lần thứ 3 của Ban chấp hành Trung ương chỉ rõ : "Chia vùng sau lưng địch thành hai vùng với phương châm hoạt động khác nhau - vùng tạm bị chiếm lấy gây cơ sở, đấu tranh chính trị và kinh tế làm nội dung chính, vùng du kích lấy đấu tranh vũ trang là chính, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, kinh tế".⁽¹⁾

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương, Liên khu ủy Khu V đã mở 3 lần hội nghị (lần 1 vào tháng

1 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, sơ thảo tập I (1925 - 1954) trang 647.

2-1952, lần 2 vào tháng 10-1952 và lần 3 vào tháng 5-1953) để kiểm điểm tình hình và đề ra các chủ trương, nhiệm vụ cho Đảng bộ các tỉnh. Các nghị quyết đều chú trọng vào việc đẩy mạnh công tác vùng sau lưng địch, xây dựng cơ sở, mở rộng và củng cố vùng du kích, phát triển du kích chiến tranh và bồi dưỡng lực lượng kháng chiến.

Để làm chuyển biến tình hình cách mạng ở các tỉnh Cực Nam Trung bộ, Ban Cán sự Cực Nam đã chủ trương : phân tán nhỏ lực lượng, đi sâu vào hoạt động trong lòng địch, tập trung sức bảo vệ mùa màng, chỉnh huấn cán bộ, chiến sĩ nhằm bồi dưỡng tư tưởng kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện. Tuyển lựa cán bộ có phẩm chất và sức khỏe tốt đưa xuống bám phong trào, bám dân để hoạt động, tập trung đẩy mạnh du kích chiến tranh và làm tốt công tác xây dựng Đảng. Mặt khác, mở rộng vùng căn cứ miền Tây của tỉnh Bình Thuận sau khi vùng đồng bằng Tam Giác (Hàm Thuận) bị địch càn quét, cắt đường giao thông từ Bắc vào Nam, từ Khu Lê Hồng Phong lên căn cứ miền Tây. Năm 1952, Ban Cán sự Cực Nam xác định chiến trường gây cơ sở chính ở Cực Nam là Lâm Đồng, tập trung chỉ đạo và xây dựng Bình Thuận làm bàn đạp, vì vậy chuyển giao huyện Di Linh của tỉnh Lâm Đồng cho Bình Thuận.



*Các đồng chí trong Ban chấp hành Đảng
bộ Bình Thuận khóa II (tháng 8 - 1952).*

Để triển khai các chủ trương trên, tháng 8-1952, tại căn cứ Khu Lê Hồng Phong, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 2 được tổ chức. Đại hội tập trung thảo luận báo cáo chính trị về : Rèn luyện tư tưởng, bảo đảm nhiệm vụ sắp tới. Báo cáo đã nêu lên những ưu, khuyết điểm các mặt hoạt động những năm qua, đánh giá lại các mặt chỉ đạo nêu lên thành tích cần phát huy cũng như các vấn đề còn tồn tại cần giải quyết, khắc phục. Trong phong trào đấu tranh chống tàn quét, dồn dân, về cơ bản, ta giữ được vùng du kích Hàm Thuận, cùng một số vùng khác, gây dựng được nhiều cơ sở ở Tánh Linh và ổn định được vùng núi Bắc Bình. Về tăng gia sản xuất, ta thực hiện vượt chỉ tiêu đề ra. Năm 1951 thu tăng 30% so với năm 1950. Các cơ quan, đơn vị tự túc được 50% lương thực. Về tấn công tiêu diệt sinh lực địch trong 20 tháng ta diệt gần 2.000 tên, thu nhiều vũ khí và chiến lợi phẩm khác, đặc biệt tổ chức được nhiều trận đánh lớn. Song, Đại hội cũng nêu ra mặt hạn chế như các khu du kích chưa vững chắc, thậm chí một số nơi còn thu hẹp. Công tác dân vận và công tác vùng tạm bị chiếm ít tiến bộ. Tổ chức Đảng số lượng lớn, chất lượng chưa cao. Nhiều đảng viên còn quan liêu xa rời quần chúng. Công tác quân sự còn nặng về quy mô hình thức, chưa chuyển kịp theo yêu cầu và nhiệm vụ. Đồng thời, Đại hội cũng thông qua hai nhiệm vụ và 4 vấn đề cốt tử mà Đảng

bộ phải lãnh đạo thực hiện trong thời gian tới. Hai nhiệm vụ đó là :

- Tích cực tranh thủ đoàn kết nhân dân, phát triển du kích chiến tranh, chống âm mưu dòn dân bắt lính của địch, bồi dưỡng lực lượng ta.

- Gắn chặt với quần chúng để xây dựng Đảng trong sản xuất và chiến đấu.

Về 4 vấn đề cốt tử là :

+ Rèn luyện tinh thần cách mạng và thực hành cách mạng.

+ Trau dồi đạo đức cách mạng.

+ Đảng chỉ đạo quân sự và phát triển du kích chiến tranh.

+ Đoàn kết nhân dân.

Đại hội bầu ra Ban chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 17 ủy viên ; đồng chí Nguyễn Côn Thường vụ Liên khu ủy, bí thư Ban Cán sự Cục Nam, kiêm bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận. Đồng chí Nguyễn Gia Tú, phó bí thư, chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh. Năm 1953, đồng chí Nguyễn Trương ở Liên khu V về được bổ sung vào Tỉnh ủy và thay đồng chí Nguyễn Gia Tú làm chủ tịch, đồng chí Nguyễn Gia Tú vẫn làm phó bí thư Tỉnh ủy.



*Đồng chí Nguyễn Côn, Thường vụ Liên
khu ủy, Liên khu V, Bí thư Ban cán sự Cục
Nam, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận từ tháng 8
- 1952 đến tháng 7 - 1954.*

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ hai được tổ chức vào lúc phong trào cách mạng đang có những chuyển biến mạnh mẽ. Đồng thời đòi hỏi Đảng phải đáp ứng yêu cầu lãnh đạo kịp với nhiệm vụ kháng chiến của nhân dân trong tình hình mới.

Sau Đại hội, thực hiện chỉ thị của Liên khu V và Ban Cán sự Cục Nam, đầu năm 1952. Tỉnh ủy đã tiến hành giảm chỉnh biên chế, củng cố tổ chức bộ máy các cơ quan Dân-Chính-Đảng, tăng cường lực lượng bán cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Các cơ quan đơn vị đã tiến hành học tập quán triệt chủ trương của trên làm giảm gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả công tác của cán bộ. Số cán bộ dư được đưa về tham gia xây dựng căn cứ địa. Tính đến tháng 9 năm 1952, các cơ quan Dân-Chính-Đảng từ tỉnh đến xã từ 3.000 người giảm xuống còn 2.000 người. Riêng bộ phận Dân-Chính-Đảng của tỉnh chỉ còn 100 người và Tỉnh đội dân quân còn 100 người và dự tính sẽ giảm còn lại 50 người trong thời gian tới. E.812 cũng giải thể Ban chỉ huy Trung đoàn chuyển sang làm Ban chỉ huy Tỉnh đội và rút một số cán bộ, chiến sĩ bổ sung thành lập các đại đội độc lập và đơn vị tập trung cơ động, số còn lại phần đông sức khỏe yếu về địa phương làm ăn tham gia công tác kháng chiến. Chỉ tính riêng lực lượng quân sự có 500 người về tham gia du kích địa phương. Ở cấp tỉnh hình thành liên cơ quan cho gọn nhẹ và tổ chức chính quyền cũng được sắp xếp lại.

Về công tác xây dựng Đảng, đến cuối năm 1953, toàn tỉnh có 6.140 đảng viên. Trong vùng tạm bị chiếm, mỗi xã có từ 30 đến 40 đảng viên. Các xã trong khu tập trung của địch, tổ chức và hoạt động của Đảng gặp rất nhiều khó khăn, nhưng cũng có trên dưới 10 đảng viên. Trong lực lượng vũ trang, tỷ lệ đảng viên chiếm 50%. Các tổ chức chi bộ được củng cố, hoạt động có chất lượng hơn. Huyện Hàm Tân có 17 chi bộ, Khu Lê Hồng Phong có 11 chi bộ, Hàm Thuận có 26 chi bộ...

Về công tác giáo dục tư tưởng từ cuối 1952 đến cuối 1953, tỉnh mở 4 lớp học tập lời Hiệu triệu của Hồ Chủ tịch cho 400 cán bộ, đảng viên. Các huyện cũng mở nhiều lớp huấn luyện cho hơn 650 chi ủy viên và phân chi ủy viên, và mở các lớp bồi dưỡng cho 3.000 đảng viên. Qua thực tế rèn luyện và học tập bồi dưỡng, đa số cán bộ, đảng viên được nâng cao một bước về nhận thức, quan điểm và lập trường cũng như phương pháp công tác cách mạng.

Công tác vùng tạm bị chiếm cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Phong trào từ chỗ cơ sở bị vỡ lở nhiều, đến nay phần lớn đã được khôi phục lại, một số nơi có phát triển thêm, chất lượng chính trị qua sàng lọc có vững vàng hơn. Một số nơi ta xây dựng cơ sở trong vùng địch hậu khá như : Hàm Thuận có 1.000, Phan Thiết có 400. Thời kỳ này ta tập trung củng cố chất

lượng hơn là phát triển số lượng về cơ sở, nên nhiều cơ sở là hạt nhân kiên trung cho phong trào đấu tranh trong vùng địch tạm bị chiếm.

Bắc Bình là vùng địch dồn sức bình định, trong những năm 1952, 1953 vẫn diễn ra nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân chống tập trung lúa, trì hoãn không nộp thuế và đảm phụ quốc phòng cho địch. Nhân dân Phan Thiết chống nộp thuế hương vụ buộc địch phải giảm 20%. Cuộc đấu tranh đòi bồi thường cho mỗi gia đình từ 500 đến 1.000 đồng Đông Dương.

Cuộc đấu tranh của nhân dân vùng tạm bị chiếm ở Phan Lý, Hàm Thuận đòi được tự do đi làm ăn và ngư dân Phan Thiết đấu tranh đòi đi ra vùng biển xa đánh bắt hải sản thường xuyên diễn ra và sôi nổi liên tục nhất vẫn là đấu tranh chống bắt lính. Các cuộc đấu tranh này ở Phan Thiết, Hàm Thuận, Bắc Bình có lúc lôi cuốn hàng trăm người tham gia bằng cách kéo đến trụ sở xã, thôn biểu tình, tuyệt thực, đấu lý đòi trả con em họ trở về.

Ở vùng miền núi Bắc Bình, sau khi bị địch dồn 300 dân vùng Ru-san-ta-mâu và Oan-ta-líp về M'lon (Lâm Đông) và 150 dân Bình Sơn về Sông Lòng Sông, số đông đồng bào còn lại tránh lánh vào rừng làm cho vùng căn cứ không còn dân. Trước tình hình ấy, Tỉnh ủy chỉ đạo cho huyện cử cán bộ đi tìm dân vận động họ trở về. Sau một tháng lặn lội trong rừng sâu, đồng

chí Hồ Viết Hách cùng cán bộ, chiến sĩ đã tìm được dân đưa họ về lại làng cũ. Ở Tánh Linh, phong trào phá tề, trừ gian, diệt các ổ vũ trang của địch ở các xã : Thuận Hòa, Chí Hòa, Đại Hòa đạt nhiều kết quả.

Vùng du kích Hàm Thuận là nơi ta và địch tranh chấp quyết liệt. Nhưng ta phải giữ bằng được để nối liền với vùng căn cứ Tánh Linh, làm bàn đạp tiến lên Lâm Đồng bảo đảm hành lang liên lạc ra Bắc Bình, Ninh Thuận và vào Hàm Tân, Bà Rịa (Nam bộ). Do vị trí quan trọng của địa bàn Hàm Thuận, nên Ban Cán sự Cục Nam và Tỉnh ủy Bình Thuận đã cử đồng chí Hồ Liên Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy về làm Bí thư và một số các ngành Quân-Dân-Chính-Đảng của tỉnh cũng được điều về bổ sung cho huyện. Đồng thời, 4 đại đội chủ lực được Ban Cán sự Cục Nam điều về đây để cùng lực lượng bộ đội địa phương và du kích đánh giặc, giành dân, giữ vững địa bàn xung yếu. Ở đây, hệ thống chông mìn cùng với các trạm gác mỏ, gác bù và hệ thống nhà đất trong nhân dân đã làm hạn chế được sự đánh phá của địch. Các loại chông tre, chông sắt được bố trí dày đặc nhiều nơi làm cho kẻ thù khiếp sợ và chúng gọi loại vũ khí này : "Rất thô sơ, rất khoa học và rất dã man" đối với chúng. Nhờ tổ chức, bố trí theo phương châm trận địa toàn dân đánh giặc nên ta bẻ gãy nhiều cuộc càn quét của địch. Chỉ 5 tháng đầu 1952, quân dân Hàm Thuận đã

đánh 91 trận, diệt 732 tên và làm bị thương 178 tên khác, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng.

Để có nơi ăn ở và tiếp tục sản xuất, đánh địch khi dân từ vùng Tam Giác rút ra, khoảng tháng 3-1952, Tỉnh ủy đã quyết định thành lập thêm 3 xã mới ở miền Tây Bắc huyện Hàm Thuận gồm xã Hàm Phú, xã Hàm Thạnh và Hàm Cẩn ⁽¹⁾. Đối với dân bị dồn về khu tập trung, ta vận động được khoảng 20.000 người về đất cũ. Như vậy, về cơ bản, ta vẫn giữ được khu du kích Hàm Thuận, mở rộng thêm được một số xã, bảo vệ được mùa màng và tiêu hao sinh lực địch. Lực lượng ta càng chiến đấu càng trưởng thành, dày dặn kinh nghiệm hơn.

Việc thực hiện chính sách ruộng đất trong vùng làm chủ cũng được đẩy mạnh. Đầu năm 1953, Tỉnh ủy đã tổ chức kiểm điểm tình hình thực hiện chính sách ruộng đất trong những năm qua, và đề ra biện pháp giải quyết những vấn đề còn tồn tại. Đến tháng 8-1953, Hội nghị lần thứ 4 của Tỉnh ủy đã thảo luận quán triệt chỉ thị của Trung ương về vấn đề chính sách ruộng đất và đề ra biện pháp áp dụng vào từng vùng. Ở Hàm Thuận đã ngăn chặn một số địa chủ không bảo đảm lãnh canh và truy thu tổ cũ đối với

1 Xã Hàm Trí tách thành lập thêm xã Hàm Phú ; xã Hàm Liêm tách lập thêm xã Hàm Cẩn, Hàm Thạnh.

tá điền. Ở Hàm Tân, một số cán bộ mắc phải bệnh quan liêu, cửa quyền trong việc thi hành chính sách ruộng đất cũng được phê phán khắc phục. Nhiều nơi đã thực hiện tốt việc giảm tô, giảm tức từ 15% đến 50%, trong đó Hàm Tân đạt từ 40% đến 60% số tô so với trước cách mạng tháng 8. Về đất công điền, ta đã chia 1.200 mẫu cho các hộ nông dân nghèo và chỉ thu tô nhẹ góp vào quỹ Nghĩa Sinh. Đối với vùng đất có ruộng của Việt gian và tư bản Pháp, cùng với ruộng vắng chủ, ta chia cho bản cố nông, đồng thời ta cũng ngăn chặn việc làm quá tá ở một số địa phương. Thực hiện chính sách ruộng đất là một thành công lớn của cách mạng tỉnh nhà, nông dân phấn khởi đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tổ chức vận đối công. Nhiều vùng được mùa như Tánh Linh, Hàm Thuận nên nhân dân rất phấn khởi. Tuy nhiên đối với Hàm Tân, Khu Lê Hồng Phong bị địch đánh phá, thời tiết mấy năm liền không thuận lợi nên cũng thất thu khá lớn. Tuy hoàn cảnh các vùng sản xuất kết quả có khác nhau, nhưng nhân dân vẫn nhiệt tình ủng hộ kháng chiến, đóng thuế nông nghiệp và các loại thuế khác đạt khá. Tính đến tháng 10 năm 1953, ta thu thuế được 1.800.000 đồng Đông Dương, cân bằng được thu chi ngân sách.

Trong thời gian này, lực lượng tập trung cơ động của tỉnh được bổ sung thêm tân binh, các đại đội xung kích quân số và trang bị khá đầy đủ, làm được nhiệm vụ của mình : tham gia đánh địch ở Tam Giác, đánh

nhiều trận ở Bình Lâm, An Lâm, tấn công địch trong các đồn bót vững chắc như Căng Ê-sé-pic, Mường Mán, Sông Quao. Đặc biệt sau khi đồng chí Lê Duẩn Bí thư Trung ương Cục miền Nam từ Nam bộ ra góp ý kiến chỉ đạo và để người ở lại giúp xây dựng lực lượng đặc công, trận đánh đặc công đầu tiên của Bình Thuận vào đồn Ngã Hai ngày 18 tháng 9 năm 1952 mở ra một lối đánh mới : Lấy ít địch nhiều, luồn sâu, diệt gọn có hiệu quả. Binh chủng này từ trung đội ta xây dựng thành đại đội và năm 1953 toàn tỉnh có 400 chiến sĩ thì sang năm 1954 có 600 chiến sĩ, cán bộ đặc công. Về bộ đội địa phương, ta đã xây dựng được 6 đại đội (chưa kể của Tánh Linh) với tổng số trên 1.000 cán bộ, chiến sĩ đã góp phần giữ vững căn cứ kháng chiến ở Bắc Bình, Hàm Thuận, Hàm Tân, Khu Lê Hồng Phong. Lực lượng du kích, dân quân các xã vẫn duy trì phát triển và phối hợp tác chiến với bộ đội chủ lực tỉnh, bộ đội địa phương huyện đạt hiệu quả tốt.

Trong thời gian này, những trận đánh lớn có tiếng vang trên chiến trường Bình Thuận như : Trận Căng Ê-sé-pic, trận đánh vào nhà hàng Xê-ra-uy (Phan Thiết), đánh vào tiểu khu Mường Mán (16-3-1952) trận Ngã Hai, Sông Quao (tháng 1-1953) trận tập kích nhà hàng Liên Thành (6-4-1953 và tiêu diệt tiểu khu Mũi Né (14-4-1953)...

Những thắng lợi trong chính sách ruộng đất ở vùng nông thôn, trong đánh địch và nhất là lực lượng kháng chiến được phát triển nhiều mặt, tạo điều kiện cho quân dân tỉnh nhà bước vào năm 1954 giành được nhiều thắng lợi.

Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 và ngày 6-12-1953, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Từ ngày 20-12-1953 đến 26-01-1954, ta tấn công Lai Châu, Tây Nguyên Trung-Hạ-Thượng Lào và Đông Bắc Campuchia, làm phá sản âm mưu tập trung lực lượng cơ động đánh phá ta của tướng Na-va.

Trong thời gian này, Liên khu ủy Khu V và Bộ Tư lệnh Liên khu đề ra nhiệm vụ cho vùng tạm bị chiếm trong Liên khu : Trên các chiến trường sau lưng địch phải tích cực đẩy mạnh đánh địch để phối hợp với hướng chiến trường chính, cầm chân địch không cho chúng rút lực lượng đi nơi khác và tranh thủ sơ hở diệt địch tại chỗ, mở rộng vùng du kích, vùng giải phóng.

Đầu năm 1954, Ban Cán sự Cục Nam chỉ đạo cho Bình Thuận mở rộng vùng giải phóng miền Tây nối liền với vùng giải phóng Lâm Đồng, Ninh Thuận, Nam bộ thành một căn cứ liên hoàn.

Thực hiện chủ trương trên, Tỉnh ủy chỉ đạo cụ thể các mặt, các hướng, các điểm tấn công địch và công tác dân vận trong và sau khi giải phóng.

Sau một thời gian chuẩn bị, Thường vụ tỉnh ủy quyết định tiêu diệt tiểu khu Tánh Linh là một vùng yếu của địch và các cứ điểm La Dày, Gia Bát bằng chiến thuật đặc công. Đêm 7-4-1954, ta nhất loạt nổ súng trên toàn mặt trận miền Tây của tỉnh. Ở Gia Bát, sau 30 phút nổ súng ta tiêu diệt, bắt sống toàn bộ quân địch ở đây. Cùng thời gian, ta diệt cứ điểm La Dày làm chủ trận địa. Ở Tánh Linh, lực lượng ta sau một giờ tấn công đã giải quyết được mục tiêu. Thừa thắng, ta phát triển diệt luôn đồn Lút-xe, Đa Cai, Suối Kiệt, Sông Phan giải phóng một địa bàn toàn huyện Tánh Linh và một phần huyện Blao, Di Linh (Lâm Đồng) với 15.000 dân (riêng Tánh Linh có 7.000 dân). Giải phóng huyện Tánh Linh ta đã thực hiện được mục tiêu khai thông vùng căn cứ Bình Thuận với các tỉnh bạn. Tiếp đến, trong tháng 5-1954, ta liên tục tấn công các cứ điểm địch ở phía Bắc tỉnh. Đêm 5 rạng 6-5-1954, ta cùng lúc diệt đồn Lương Sơn và đồn Duồng. Sau đó một tuần, ta tấn công tiêu diệt tiểu khu Long Hương, đồn Sông Lũy và các bót Đại Hòa.

Cuối tháng 5-1954, đại đội 216 diệt đánh đồn Sông Lòng Sông, bắt sống tên đồn trưởng người Pháp. Đêm 18-5, ta tấn công đồn Bàu Gia (Hàm Thuận), và đêm 31-7-1954 tấn công đồn Sông Dinh và đây là trận đánh cuối cùng của quân dân Bình Thuận trong chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 và trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trong vòng 5 tháng đầu 1954, quân dân tỉnh nhà đã diệt 12 cứ điểm, nhiều tháp canh với gần 2.000 tên địch, giải tán 350 lính bảo vệ hương, giải phóng hoàn toàn miền Tây Lương Sơn và huyện Tánh Linh cùng với vùng giải phóng ở Di Linh, Blao. Đây là đợt hoạt động giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định và phối hợp với chiến trường chính, đánh bại quân xâm lược Pháp giành thắng lợi.

Sau thất bại ở Điện Biên Phủ (7-5-1954), thực dân Pháp chấp nhận ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về Việt Nam, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Quân dân Bình Thuận thực hiện Hiệp định chuyển quân tập kết ra miền Bắc, tạm giao quê hương cho địch kiểm soát, sau hai năm tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Nhưng với bản chất ngoan cố và âm mưu xâm lược nước ta từ trước, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định, đưa quân vào xâm lược miền Nam nước ta, quân dân Bình Thuận dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã cùng nhân dân miền Nam, nhân dân cả nước tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

PHẦN THỨ TƯ :

KẾT LUẬN VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM

Bình Thuận, tỉnh Cực Nam Trung bộ nằm ven biển Đông, trên trục giao thông đường bộ, đường sắt Bắc Nam và có đường 28 lên Lâm Đồng. Chính vì vậy, Bình Thuận có một vị trí quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự gắn với các thời kỳ lịch sử của dân tộc.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (1858), các phong trào yêu nước chống Pháp đều có tác động, ảnh hưởng đến tỉnh Bình Thuận. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), đường lối giải phóng dân tộc của Đảng sớm đến với nhân dân trong tỉnh ; một số người sớm giác ngộ lý tưởng cộng sản trở thành đảng viên trong năm 1930 và đã bị kẻ thù bắt bớ, tra tấn, tù đày trong đấu tranh với địch vào tháng 8-1931, nhưng khi ra tù vẫn tiếp tục hoạt động suốt chặng đường dài của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm do Đảng lãnh đạo.

Sau đợt khủng bố trắng của địch trong những năm 1931 - 1935, phong trào cách mạng của quần chúng được các đồng chí đảng viên gây dựng lại tiếp tục đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sôi nổi trong những năm 1936 - 1940.

Từ năm 1941 đến tháng 6-1945, nhiều đảng viên bị kẻ thù bắt, tra tấn, tù đày do địch nghi vấn liên quan đến hoạt động của đồng chí Trần Hữu Dục, ủy viên Xứ ủy Trung kỳ, ở Ninh Thuận. Nhưng nhiều nơi ở Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Thiết... vẫn có các cuộc đấu tranh của quần chúng cách mạng do Việt Minh tổ chức. Phong trào cách mạng trong tỉnh trở thành cao trào khi các đồng chí đảng viên ở nhà tù Buôn Ma Thuật trở về chấp nối lãnh đạo nhân dân đứng lên giành chính quyền thắng lợi trong ngày 24 tháng 8 năm 1945 lịch sử.

Chính quyền Dân chủ nhân dân vừa được thiết lập sau hơn 80 năm bị đô hộ, thì thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa và ngày 31-1-1946, chúng chiếm đóng tỉnh nhà. Nhân dân các dân tộc Bình Thuận dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương cùng nhân dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống Pháp xâm lược.

Trải qua 9 năm kháng chiến đầy gian khổ, hy sinh trong điều kiện xa sự chỉ đạo và chi viện của Khu và Trung ương, nhân dân Bình Thuận đã phát huy tinh thần tự lực cánh sinh không ngừng vươn lên tấn công kẻ thù trong những năm 1946 - 1949 và khắc phục những khó khăn trong những năm 1950 - 1951 để từ 1952 trở đi liên tục tấn công tiêu diệt địch, phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ góp phần đánh bại

cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đối với nước ta.

Qua những chặng đường đấu tranh trong 15 năm giải phóng dân tộc (1930 - 1945) và 9 năm kháng chiến (1945 - 1954) Đảng bộ Bình Thuận rút ra những bài học kinh nghiệm :

Một là : Đảng bộ Bình Thuận quán triệt quan điểm sự nghiệp cách mạng là của quần chúng nên huy động được sức mạnh của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đứng lên chống giặc ngoại xâm.

Ngay từ khi Đảng được thành lập năm 1930, tuy số lượng đảng viên có ít, nhưng biết dựa vào dân, tuyên truyền đường lối giải phóng dân tộc của Đảng cho nhân dân. Từ trong các phong trào đấu tranh của quần chúng, nhiều người trở thành đảng viên, hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Rõ ràng khi quần chúng được giác ngộ về lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp, đã tự giác tham gia đấu tranh chống phong kiến, thực dân trong tháng 8-1931 và đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong những năm 1936 - 1940. Đỉnh cao sức mạnh của bạo lực quần chúng thể hiện trong Cách mạng tháng 8-1945, nhân dân Bình Thuận cùng nhân dân cả nước giành chính quyền về tay nhân dân, thiết lập nên Nhà nước công - nông sau 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ.

Khi giành được chính quyền, Mặt trận Việt Minh được mở rộng để tập hợp đông đảo các tầng lớp quần chúng vào các tổ chức cứu quốc như : Thanh niên, phụ nữ, nông dân, công nhân... Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt), Phòng Quốc dân thiểu số ra đời nhằm tập hợp rộng rãi lực lượng quần chúng và đồng bào các dân tộc ít người tham gia kháng chiến. Đối với giai cấp thống trị trước đây, Đảng thông qua quần chúng cách mạng để phân hóa, cô lập phần tử phản động, tranh thủ, giáo dục những người lưng chừng đi theo kháng chiến. Tóm lại, Đảng bộ đã thực hiện chính sách Đại đoàn kết của Đảng, của Bác Hồ, nên đã huy động được lực lượng quần chúng tham gia đấu tranh chống địch bằng nhiều hình thức, ở khắp các vùng, tham gia lực lượng vũ trang và phục vụ các mặt công tác khác cho kháng chiến.

Hai là : Nắm vững đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, ra sức củng cố, xây dựng chính quyền cách mạng vững mạnh, vừa động viên các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến, vừa quan tâm bồi dưỡng sức dân, với ý chí tự lực, tự cường vượt mọi khó khăn gian khổ, hy sinh để giành thắng lợi.

Sau Cách mạng tháng Tám, Ủy ban Cách mạng lâm thời các cấp được thành lập để lãnh đạo vận động nhân dân thực hiện đường lối chủ trương của Đảng

như đẩy mạnh sản xuất, chống giặc đói, giặc dốt và chuẩn bị chống giặc ngoại xâm.

Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược lần thứ hai, chính quyền được tổ chức dưới nhiều hình thức phù hợp như : lập các khu hành chánh, liên xã, liên huyện, chính quyền trong vùng giải phóng, vùng căn cứ, vùng bản lẻ, vùng tạm bị chiếm để có điều kiện bám sát dân huy động sức người, sức của cho kháng chiến.

Để thực hiện chính quyền là của dân, do dân, vì dân lúc đầu các thành viên Ủy ban Cách mạng lâm thời được chỉ định còn ở một số nơi đã tổ chức cho nhân dân bầu cử. Nhiều nhân sĩ, trí thức, công chức cũ tiến bộ tham gia chính quyền nên tập hợp được rộng rãi các thành phần trong xã hội tham gia kháng chiến. Khi Pháp trở lại xâm lược, một bộ phận cán bộ chính quyền nao núng, bỏ việc hoặc đầu hàng giặc. Gạn đục, khơi trong, chính quyền các cấp được củng cố, thay thế những người trung kiên tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng.

Do tính chất cuộc kháng chiến lâu dài, đầy hy sinh gian khổ và ở vào vị trí xa sự chỉ đạo của Khu, của Trung ương việc tiếp tế, chi viện của trên chủ yếu là vũ khí, các điều kiện vật chất khác phải tự lực giải quyết tại chỗ. Nên từ năm 1945 đến năm 1948, thực hiện vận động nhân dân ủng hộ thuốc men, lương thực. Từ năm 1949 trở đi, chủ trương phát động phong trào

sản xuất tự túc một phần lương thực, sản xuất các nhu yếu phẩm khác cùng với sự đóng góp của nhân dân tạo nên hậu cần tại chỗ không chỉ bảo đảm cung cấp cho cuộc kháng chiến của tỉnh mà còn góp phần giúp cho các tỉnh bạn Lâm Đồng, Ninh Thuận... Để phát triển sức sản xuất và lưu thông hàng hóa trong các vùng kháng chiến, ngoài việc giảm tô, giảm tức, đảm phụ kháng chiến, đóng thuế nông nghiệp, các chợ kháng chiến được mở ra nhiều nơi. Mặt khác, Đảng đã chủ trương lấy đất của bọn tư sản Pháp, của địa chủ, Việt gian và đất vắng chủ tạm cấp cho nông dân không có ruộng sản xuất.

Cùng với đẩy mạnh sản xuất, việc mở mang dân trí cũng được chú ý, các lớp xóa mù chữ, phong trào bình dân học vụ được mở rộng trong vùng căn cứ kháng chiến.

Với các chính sách đúng đắn đó đã vừa bồi dưỡng sức dân, vừa bảo đảm được các nhu cầu cho kháng chiến.

Ba là : Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, không ngừng xây dựng và củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, phát triển chiến tranh du kích, liên tục tấn công địch, bảo vệ thành quả cách mạng, giành thắng lợi cuối cùng.

Không chỉ khi có chính quyền mới xây dựng lực lượng vũ trang. Ngay từ năm 1931 "Đội tự vệ" ra đời

tuy nhỏ bé và chưa hoàn chỉnh nhưng đã là cơ sở bảo vệ Đảng trong thời kỳ hoạt động bí mật. Đến ngày chuẩn bị giành chính quyền các đội tự vệ được hình thành ở nhiều huyện, thị.

Khi có chính quyền, các lực lượng vũ trang lần lượt được thành lập, phát triển và trưởng thành nhanh chóng : Đối với thôn đội, xã đội có các tiểu đội dân quân tự vệ ; các huyện, thị đội có các trung đội, tiểu đội du kích tập trung (bộ đội địa phương) và tỉnh có Chi đội I, sau là Trung đoàn 82 và sát nhập với Trung đoàn 81 thành Trung đoàn 812 của Ban Cán sự Cục Nam. Quá trình kháng chiến đã hình thành 3 thứ quân và bộ đội chủ lực có các binh chủng bộ binh, công binh, pháo, đặc công v.v...

Ba thứ quân được trang bị cả vũ khí thô sơ, vũ khí tự tạo, vũ khí của trên chi viện và cả vũ khí chiến lợi phẩm thu được của địch qua các trận đánh. Đồng thời cán bộ, chiến sĩ vũ trang luôn được trang bị tư tưởng trung thành với Đảng với nhân dân, vì nhân dân phục vụ.

Cùng với lực lượng vũ trang tập trung đánh địch, phong trào du kích chiến tranh nhân dân phát triển mạnh bằng công, mìn, cạm bẫy tham gia bố phòng chống địch càn quét vào căn cứ, đánh địch ở khắp các địa bàn, góp phần quan trọng vào việc tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch.

Đối với lực lượng công an nhân dân cũng được xây dựng, củng cố tổ chức góp phần trấn áp tề, điệp giữ vững an ninh vùng giải phóng, vùng căn cứ.

Bốn là : Xây dựng căn cứ địa, tạo thế đứng chân vững chắc để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài cho đến ngày giành thắng lợi.

Trong chiến tranh, việc xây dựng căn cứ địa làm hậu phương tại chỗ là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược, góp phần quyết định thắng lợi cho cuộc kháng chiến địa phương. Đồng thời do vị trí của Bình Thuận, nên việc thành lập căn cứ còn có tác dụng cho cả các tỉnh Cực Nam.

Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến (1946-1949), địch chiếm đóng những vị trí quan trọng trong tỉnh, còn phần lớn nông thôn, rừng núi do ta làm chủ. Tuy thế, trong vùng tạm bị chiếm như thị xã Phan Thiết vẫn hình thành các căn cứ lỏm của ta. Cơ quan tỉnh đóng ở Ô rô, Triễn... và các huyện, thị đều xây dựng căn cứ đứng chân.

Từ năm 1949 trở đi, cuộc kháng chiến mỗi ngày diễn ra càng ác liệt, từ đó việc hậu cần tại chỗ có khó khăn, Đại hội Đảng bộ lần I (8-1949) đã có nghị quyết về xây dựng căn cứ địa. Từ năm 1950, huyện Hàm Tân đã được xây dựng thành huyện căn cứ và tháng 4-1951, khu căn cứ Lê Hồng Phong được hình thành.

Các căn cứ trong tỉnh được hình thành là nơi đóng các cơ quan lãnh đạo trong tỉnh, của Ban Cán sự Cục Nam, của tỉnh Lâm Đồng, là nơi cung cấp nhân tài vật lực cho cuộc kháng chiến.

Năm là : Vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, giữ vị trí quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Thực tế lịch sử đã chứng minh, sau khi ra đời Đảng đã lãnh đạo trong 15 năm giành được chính quyền về tay nhân dân mà trước đó bao sĩ phu có tâm huyết đánh Pháp, giải phóng dân tộc chưa làm được. Kế thừa truyền thống cha ông trong chống ngoại xâm, 9 năm kháng Pháp, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Bác Hồ, Đảng bộ đã tập hợp quần chúng phát động đấu tranh chống thực dân, phong kiến. Qua thử thách của cuộc đấu tranh lực lượng cách mạng ngày một lớn mạnh, trong đó các tổ chức Đảng và đảng viên đã giữ được vai trò nòng cốt lãnh đạo. Lúc đầu kháng chiến, tổ chức Đảng còn nhỏ bé và do tình hình mới phải chuyển thành các Hội cứu quốc (Hội nghiên cứu Các Mác) song, Đảng vẫn bám mục tiêu xây dựng tổ chức của mình. Từ năm 1946 trở đi, các chi bộ Cộng sản hình thành và lớn dần theo yêu cầu của cuộc kháng chiến. Từ một số chi bộ, chi bộ ghép và từ cuối 1946 trở đi các huyện đã có các chi bộ để thành lập huyện ủy, thị ủy và Đảng bộ lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng.

Các tổ chức Đảng đã lãnh đạo toàn diện các hoạt động kháng chiến, như quân sự, chính trị, chính quyền, đoàn thể, xây dựng kinh tế, văn hóa, căn cứ địa... Những lúc khó khăn, đảng viên lặn lội bám, dựa vào dân xây dựng phong trào.

Từ Hội nghị cán bộ tháng 4-1947 trở đi, công tác Đảng đã đi dần vào nền nếp và từ 1949 trở đi nhiều chi bộ Đảng đã tự động công tác thông qua việc xây dựng chính quyền và các tổ chức đoàn thể để lãnh đạo; tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến.

Bên cạnh những mặt thành công và khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ Bình Thuận qua quá trình lãnh đạo cách mạng cũng còn có một số nhược điểm cần rút kinh nghiệm.

1. Trong những năm 1945 - 1946, trong nội bộ Đảng một số đồng chí mất đoàn kết do chưa hiểu nhau sau khi ra tù về lãnh đạo phong trào. Vì vậy, đã tạo sơ hở cho số cơ hội chui vào Đảng dẫn đến tổ chức Đảng chưa mạnh. Do mất đoàn kết đó, Đảng lúc này không lãnh đạo được quân sự; việc ký kết hiệp định sơ bộ địa phương vì không thống nhất về chủ trương đã gây tổn thất nhất định khi Pháp phản bội hiệp định. Đồng thời, cũng là chỗ yếu để Đảng Dân chủ hình thành phát triển chống lại sự lãnh đạo của Đảng trong những năm 1946 - 1948. Trong đó, vụ biểu tình ở xã Dân Đông (Hàm Đức) là một điển hình.

Trong phát triển đảng viên còn thể hiện lúc tả khuynh, lúc hữu khuynh. Trong năm 1947 - 1949, phát triển đảng viên rất chặt chẽ. Nhưng đến 1950 do hiểu sai chủ trương phát triển "Đảng quân chúng đông đảo và mạnh mẽ" đã phát triển Đảng không đúng thủ tục, tiêu chuẩn làm cho số lượng đảng viên tuy đông nhưng chất lượng kém...

2. Về huy động nhân tài vật lực cho cuộc kháng chiến là đúng. Song có thời gian làm ô ạt, như trong năm 1950 - 1951 tổng động viên nhân tài vật lực cho kháng chiến đã huy động quá sức dân, việc quản lý sử dụng các nguồn được huy động chưa chặt chẽ, kém hiệu quả.

Trong đấu tranh kinh tế với địch còn máy móc lúc đầu cấm hẳn hàng hóa trong vùng tạm bị chiếm đưa ra vùng căn cứ làm cho căn cứ thiếu hàng hóa dùng trong khi chưa sản xuất được.

Thực tiễn đấu tranh cách mạng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp rất phong phú, đa dạng, sinh động. Những bài học thành công và không thành công đã giúp cho Đảng bộ vận dụng lãnh đạo toàn quân, toàn dân trong tình tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, góp phần cùng cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I, (1920 - 1954), Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, xuất bản năm 1981.

- Lực lượng vũ trang cách mạng trong những năm đầu của chính quyền nhân dân. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, xuất bản 1970.

- Quân đội Nhân dân Việt Nam, những chặng đường chiến đấu - Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, xuất bản năm 1984.

- Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập I. Bộ Tư lệnh Quân khu V, xuất bản năm 1986.

- Cụ Nghè Trương Gia Mô của Nguyễn Nam, Nhà xuất bản Tổng hợp An Giang - xuất bản năm 1989.

- Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thuận Hải (1930 - 1945) xuất bản năm 1984.

- Lịch sử Công an nhân dân Thuận Hải, tập I (1945 - 1954), xuất bản 1990.

- Thuận Hải, 30 chiến tranh giải phóng, tập I (1945 - 1954), xuất bản 1991.

- Truyền thống cách mạng phụ nữ tỉnh Thuận Hải (1930 - 1975), xuất bản 1991.

- Hàm Thuận bất khuất, kiên cường, tập I (1930-1954), xuất bản 1988.
- Phan Thiết truyền thống đấu tranh cách mạng, tập I (1930 - 1954), xuất bản 1989.
- Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đức Linh - xuất bản 1990.
- Đảo Phú Quý, những chặng đường lịch sử - xuất bản 1992.
- Lịch sử Tuy Phong tập I (1930 - 1954), xuất bản 1993.
- Bắc Bình, truyền thống đấu tranh cách mạng (1930 - 1975), xuất bản 1993.
- Hàm Tân, 45 năm lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng (1930 - 1975), xuất bản 1993.
- Hồi ký của một số đồng chí hoạt động cách mạng ở Bình Thuận từ 1931 - 1954.
- Các báo cáo, nghị quyết của tỉnh Bình Thuận, của Khu 6, của Liên khu V khai thác lại Phòng lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng.
- Một số tài liệu khai thác tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, và Sở Công an tỉnh Bình Thuận.
- Tài liệu do các Hội nghị tọa đàm cung cấp.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
+ Lời giới thiệu	5
+ Phần thứ nhất : Thiên nhiên - Con người và phong trào yêu nước trước khi có Đảng.	9
<i>Chương I</i> : Thiên nhiên - Con người và xã hội Bình Thuận	9
<i>Chương II</i> : Những phong trào chống Pháp trước năm 1930.	28
+ Phần thứ hai : Lịch sử trao cờ lãnh đạo (1930 - 1945)	39
<i>Chương I</i> : Đảng ra đời và cuộc đấu tranh đầu tiên	39
<i>Chương II</i> : Cuộc đấu tranh vẫn tiếp diễn.	54
<i>Chương III</i> : Lịch sử sang trang.	74
+ Phần thứ ba : Dưới ngọn cờ của Đảng, nhân dân Bình Thuận kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).	96
<i>Chương I</i> : Củng cố chính quyền cách mạng và chuẩn bị kháng chiến chống giặc ngoại xâm (tháng 8-1945 - 1-1946).	96

<i>Chương II</i> : Những ngày đầu quân dân Bình Thuận kháng chiến chống Pháp xâm lược (31-1-1946 - 12-1946).	114
<i>Chương III</i> : Cùng toàn quốc kháng chiến liên tục tấn công địch (12-1946 - 8-1949).	133
<i>Chương IV</i> : Củng cố và phát triển lực lượng, tiếp tục tấn công địch (8-1949 - 1951).	171
<i>Chương V</i> : Xây dựng và chinh đốn lực lượng, đẩy mạnh tấn công địch, giải phóng quê hương (1952 - 1954).	199
+ Phần thứ tư :	
Kết luận và những kinh nghiệm.	215
Tài liệu tham khảo	226
Mục lục	228

Giấy phép xuất bản số : 018/GP-XBNT do
Sở VH - TT cấp ngày 15 - 02 - 1994.
Số lượng : 2.000 cuốn. Khổ : 13 x 19.
in tại Xi nghiệp in Bình Thuận.

174	Chương II : Những ngày đầu quân dân Bình Thuận kháng chiến chống Pháp kêu gọi (31-1-1946 - 12-1946).
133	Chương III : Công toàn quốc kháng chiến hình thức tấn công địch (12-1946 - 8-1949).
171	Chương IV : Công cổ và phát triển học hương, tiếp tục tấn công địch (8-1949 - 1951).
199	Chương V : Xây dựng và chỉnh đốn lực lượng, đẩy mạnh tấn công địch, giải phóng quốc hương (1952 - 1954).
	Pheán thư từ :
216	Kết luận và những kinh nghiệm.
226	Tài liệu tham khảo
228	Mục lục

Giấy phép xuất bản số : 018/GP-XBNT do
Sở VH - TT cấp ngày 15 - 02 - 1994.
Số lượng : 2.000 cuốn. Khổ : 13 x 19.
In tại Xí nghiệp In Bình Thuận.

ĐÍNH CHÍNH

SỐ TT	TRANG	DÒNG	IN SAI	SỬA LẠI
1	21	12, dưới lên	tổ bức	tổ tức
2	28	6, trên xuống	Pa-tơ-nốt 1994	Pa-tơ-nốt 1884
3	56	10, dưới lên	Lâm Đình Phúc	Lâm Đình Trúc
4	62	6, dưới lên	Huỳnh Văn Dậu	Huỳnh Văn Dậu
5	107	13, trên xuống	hội vụ	hội tụ
6	110	9, dưới lên	Phú Tài	Phú Tài
7	186	6, trên xuống	công nhân	công nhận
8	209	1, dưới lên	thu tổ	thu tô

